

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 10/03/2011)



VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 118 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2011)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3942 1030 Fax: 04. 3942 1032

Website: <http://www.vietinbank.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Lê Đức Thọ

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: 04. 3942 1457

Fax: 04. 3942 1032

Hà Nội – 7/2011

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE

*(Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp
ngày 10/03/2011)*

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu :Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Loại cổ phiếu :Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá :10.000 đồng/cổ phần

Tổng số lượng chào bán : 337.162.027 cổ phần, trong đó chào bán cho cổ đông hiện hữu: 337.162.027 cổ phần với giá 10.000đ/cổ phần.

Tổng giá trị chào bán: 3.371.620.270.000 đồng (tính theo mệnh giá), trong đó chào bán cho cổ đông hiện hữu: 3.371.620.270.000 đồng mệnh giá.

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc)

Địa chỉ: 306 Bà Triệu, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3556 2875 Fax: 04. 3556 2874

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Ernst Young Việt Nam (E&Y)

Địa chỉ: 360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3831 5100 Fax: 04. 3831 5090

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	8
1. Rủi ro về kinh tế	8
2. Rủi ro về lãi suất.....	9
3. Rủi ro tín dụng.....	10
4. Rủi ro về ngoại hối.....	11
5. Rủi ro về thanh khoản.....	11
6. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng.....	12
7. Rủi ro về luật pháp.....	13
8. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin.....	13
9. Rủi ro tác nghiệp.....	14
10. Rủi ro biến động giá cổ phiếu.....	14
11. Rủi ro pha loãng cổ phiếu.....	14
12. Rủi ro của đợt chào bán.....	15
13. Rủi ro của đợt chào bán.....	15
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	16
1. Tổ chức phát hành - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank)..	16
2. Tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt nam (VietinBankSc).....	16
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	17
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	18
1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành.....	18
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	20
3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng.....	22

4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Ngân hàng, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông.....	28
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	30
6.	Hoạt động kinh doanh.....	34
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2008-2010 và Quý III/2011	73
8.	Vị thế của Ngân hàng so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành	79
9.	Chính sách đối với người lao động.....	83
10.	Chính sách cổ tức	86
11.	Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, kế toán trưởng	87
12.	Tình hình hoạt động tài chính	112
13.	Tài sản.....	113
13.1.	Tài sản cố định theo sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2010	114
13.2.	Tình hình quản lý và sử dụng đất	115
14.	Chiến lược của NHTMCP Công thương Việt Nam	122
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của VietinBank trong giai đoạn 2011-2013 như sau:.....	127
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	132
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết	132
18.	Giải trình về việc Ngân hàng đã không triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Luật Doanh nghiệp.....	133
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	134
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	139
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	140
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	142
1.	TỔ CHỨC TƯ VẤN:.....	142

2.	TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:	142
IX.	PHỤ LỤC	143

DANH MỤC HÌNH VẼ VÀ BIỂU ĐỒ

- Hình 1: Cơ cấu vốn điều lệ Vietinbank thời điểm 15/3/2011
- Hình 2: Hệ thống tổ chức
- Hình 3: Cơ cấu tổ chức chi tiết
- Hình 4: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 1)
- Hình 5: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 2)
- Hình 6: Phân tích hoạt động huy động vốn thời kỳ 2008-2010
- Hình 7: Cơ cấu tiền gửi năm 2010 và giai đoạn 2008-2010
- Hình 8: Tốc độ tăng trưởng tài sản và dư nợ cho vay
- Hình 9: Thu nhập lãi từ cho vay khách hàng thời kỳ 2008- Quý III/2011
- Hình 10: Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự năm 2010
- Hình 11: Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế
- Hình 12: Cơ cấu dư nợ năm 2010 theo kỳ hạn
- Hình 13: Cơ cấu dư nợ thời kỳ 2008 - 2010 theo loại hình DN
- Hình 14: Cơ cấu dư nợ 2010 theo loại hình DN
- Hình 15: Tỷ lệ an toàn vốn 2007-2010
- Hình 16: Quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng 2008- Quý III/2011
- Hình 17: Doanh số mua bán ngoại tệ trong khu vực nội địa thời kỳ 2007 – Quý III/2011
- Hình 18: Lũy kế thẻ phát hành & tốc độ tăng trưởng (giai đoạn 2006 – 2010)
- Hình 19: Cơ cấu Danh mục chứng khoán đầu tư
- Hình 20: Số dư và tỷ lệ nợ xấu giai đoạn 2008 –Quý III/ 2011
- Hình 21: Tăng trưởng tín dụng
- Hình 22: Tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2007-2010
- Hình 23: Mạng lưới hoạt động của Vietinbank và các Ngân hàng khác
- Hình 24: Lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ nợ xấu của Vietinbank và các ngân hàng khác
- Hình 25: Tương quan Tổng tài sản và vốn điều lệ 2010 của Vietinbank với các ngân hàng khác
- Hình 26: Mô hình Tập đoàn Tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam
- Hình 27: Vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế của Vietinbank giai đoạn 2011-2013
- Hình 28: Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Vietinbank giai đoạn 2011-2013

DANH MỤC BẢNG BIỂU

- Bảng 1: Danh sách Cổ đông nắm trên 5% vốn Cổ phần tại thời điểm 15/3/2011
- Bảng 2: Cơ cấu cổ đông đến thời điểm 15/03/2011
- Bảng 3: Danh sách công ty con và công ty liên doanh của Vietinbank tại thời điểm 30/06/2011
- Bảng 4: Cơ cấu huy động vốn của Vietinbank
- Bảng 5: Vay NHNNVN
- Bảng 6: Tiền gửi của khách hàng
- Bảng 7: Tỷ lệ trích dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của NHNN Việt Nam
- Bảng 8: Phân loại nợ năm 2010 và Quý III/2011
- Bảng 9: Tổng hợp các dự án đã cấp tín dụng và cho vay đồng tài trợ tính đến 30/9/2011
- Bảng 10: Một số chỉ tiêu chủ yếu hoạt động thị trường vốn
- Bảng 11: Một số chỉ tiêu chủ yếu hoạt động cho thuê tài chính
- Bảng 12: Kết quả hoạt động Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản
- Bảng 13: Kết quả hoạt động Công ty TNHH Bảo hiểm NHCTVN
- Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh của VietinBank giai đoạn 2008-2010 và Quý III/2011
- Bảng 15: Một số dự báo về nền kinh tế Việt Nam 2011-2012
- Bảng 16: Phân loại lao động tại thời điểm 31/12/2010 và Quý III/2011
- Bảng 17: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của Vietinbank
- Bảng 18: Tăng trưởng về quy mô và kết quả hoạt động kinh doanh của VietinBank giai đoạn 2008-Quý III/2011
- Bảng 19: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2010
- Bảng 20: Tình hình quản lý và sử dụng đất
- Bảng 21: Một số khu đất chính do Vietinbank đang sở hữu
- Bảng 22: Dự kiến kế hoạch lợi nhuận và cổ tức Vietinbank 2011-2013
- Bảng 23: Dự kiến quá trình tăng vốn giai đoạn 2011-2013
- Bảng 24: Báo cáo thu nhập dự kiến giai đoạn 2011-2013
- Bảng 25: Chi tiết thuế TNDN thời điểm 31/12/2010
- Bảng 26: Dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2011

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam đã đạt những tiến bộ vượt bậc, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình trong các năm từ 2002 - 2007 là 7,8%. Đặc biệt trong năm 2007, tăng trưởng GDP của Việt Nam lên tới 8,48%, mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 1 thập kỷ qua. Hơn thế nữa, năm 2007 cũng là năm đánh dấu mốc son Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), điều này chứng tỏ nền kinh tế Việt Nam đã từng bước hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

Cùng với những lợi ích từ việc hội nhập với nền kinh tế thế giới, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những thách thức và khó khăn do việc hội nhập mang lại, điển hình là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới bùng phát từ Mỹ. Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam năm 2008 lên đến 19,89%, trong khi tốc độ tăng trưởng GDP 2008 đã có dấu hiệu suy giảm chỉ đạt mức 6,23% so với mức 8,48% năm 2007.

Năm 2009, nền kinh tế nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm thu hẹp đáng kể thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội khác của nước ta. Ở trong nước, thiên tai dịch bệnh xảy ra liên tiếp trên địa bàn cả nước cũng đã gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống dân cư. GDP năm 2009 chỉ tăng 5,32% trong khi tỷ lệ lạm phát ở mức 6,8%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5% của kế hoạch.

Năm 2010, kinh tế thế giới đã thoát ra khỏi đáy của khủng hoảng và bắt đầu những tín hiệu phục hồi nhưng chưa thực sự bền vững. Khủng hoảng nợ công tại một số nước châu Âu vẫn là mảng tối của bức tranh kinh tế thế giới. Trong bối cảnh đó, Chính phủ Việt Nam đã thực hiện chính sách điều hành linh hoạt nhằm giảm bớt tác động xấu từ các yếu tố bên ngoài đến các ngành kinh tế, đồng thời đối phó với các khó khăn thách thức nội tại để đưa nền kinh tế nước ta đạt được một số thành tích cơ bản tốt hơn năm 2009: GDP tăng trưởng 6,78%, kim ngạch xuất khẩu tăng 25,5%, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14,3%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tăng 9,9%, đạt gần 10 tỷ USD. Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng còn thấp, tiềm ẩn không ít bất trắc. Chỉ số lạm phát năm 2010 là 11,75%. Như vậy, trong vòng bốn năm qua, có tới ba năm lạm phát ở mức hai con số (năm 2007 là 12,63%; năm 2008 là

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

22,97%). Việc CPI năm 2010 lên hai con số tạo nên bão giá, khiến doanh nghiệp và người dân đều gặp khó khăn. Thiên tai, lũ lụt cũng là nguyên nhân gây ra những thiệt hại lớn về người và tài sản.

Cuối năm 2010, nền kinh tế thế giới có nhiều tín hiệu lạc quan, tuy nhiên, bước sang năm 2011, sự phát triển của các nước có nền kinh tế đang trở dậy tuy vẫn có sự tăng trưởng cao, trung bình 6,3 % (theo báo cáo của World Bank), nhưng vấn đề lạm phát đang có nguy cơ lan rộng mang tính toàn cầu. Tháng 5/2011 mức lạm phát của Trung Quốc tới 5,5%, mức cao kỉ lục trong 34 tháng qua. Ấn Độ và Nga đều lạm phát xấp xỉ 9%, nhiều nước khác lạm phát cao ở mức hai con số. Nguyên nhân chủ yếu là do giá cả các mặt hàng nguyên nhiên liệu thế giới tăng cao, nhất là biến động thất thường của giá xăng dầu. Trưởng ban kinh tế của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IAEA) cho rằng nếu giá xăng dầu thế giới đạt ngưỡng 120 USD/thùng, kinh tế thế giới có thể rơi vào lần suy thoái thứ hai.

Những khó khăn mới của nền kinh tế thế giới đã có những tác động bất lợi đối với nền kinh tế Việt Nam. Trước tình hình đó, năm 2011, Chính phủ đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, trong đó những biện pháp rõ nét nhất được thể hiện tại Nghị quyết 11/NQ-CP. Việc thực hiện Nghị quyết 11/NP-CP của Chính phủ đã giúp nền kinh tế sáu tháng đầu năm 2011 đạt được những kết quả tích cực: nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá với tăng trưởng GDP ước đạt 5,6%, thu ngân sách tăng, bội chi giảm, tỷ giá, thị trường ngoại hối từng bước ổn định, dự trữ ngoại tệ tăng, an sinh xã hội được quan tâm...

Tuy nhiên, mức tăng GDP sáu tháng đầu năm 2011 thấp hơn cùng kỳ năm 2010 (6,16%). Lạm phát vẫn ở mức cao (sáu tháng đầu năm CPI khoảng 13%), khu vực doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn gay gắt trong sản xuất kinh doanh do mặt bằng lãi suất quá cao, khó tiếp cận với các khoản tín dụng, nhập siêu tiếp tục ở mức cao (ước khoảng 7,5 tỷ USD, bằng 18% kim ngạch xuất khẩu) gây sức ép lớn đối với tỷ giá và thị trường ngoại hối,... Công tác dự báo vẫn chưa thực sự chuẩn xác.

2. Rủi ro về lãi suất

Một trong những rủi ro đặc thù của ngân hàng thương mại là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất thường xảy ra khi có sự biến động lớn về lãi suất đầu vào và đầu ra, sự chênh lệch giữa các mức lãi suất huy động lớn cũng như chênh lệch giữa các kỳ hạn huy động và kỳ hạn đầu tư, cho vay ra thị trường. Khi lãi suất thị trường thay đổi, những nguồn thu chính từ danh mục

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

cho vay và đầu tư chứng khoán cũng như chi phí trả lãi đối với tiền gửi và các nguồn vay của ngân hàng đều bị tác động. Những thay đổi của lãi suất thị trường có thể tác động tiêu cực tới lợi nhuận ngân hàng do làm tăng chi phí nguồn vốn, giảm thu nhập từ tài sản, hạ thấp giá trị vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Vì vậy, sự biến động của lãi suất sẽ tác động đến toàn bộ bảng cân đối kế toán và báo cáo thu nhập của ngân hàng. Nếu không có sự quan tâm thích đáng đến việc quản lý rủi ro lãi suất, không dự đoán được xu hướng biến động của lãi suất thì các ngân hàng có thể bị thiệt hại nặng nề từ loại rủi ro này, thậm chí rơi vào tình trạng thua lỗ dẫn đến phá sản.

Để phòng tránh rủi ro lãi suất, VietinBank trong thời gian qua đã chủ động áp dụng một số chính sách để giảm thiểu rủi ro như áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo thị trường; tham gia vào các hợp đồng hoán đổi lãi suất với nhiều đối tác nước ngoài; áp dụng chính sách lãi suất thả nổi trong nhiều hợp đồng tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn nhằm giảm thiểu rủi ro lãi suất; chú trọng huy động vốn có thời hạn trên 1 năm.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xuất phát từ các hoạt động tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất do khách hàng không thực hiện và thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình theo cam kết trong hợp đồng (cho vay, bảo lãnh, các hình thức cấp tín dụng khác) làm giảm hay mất giá trị của tài sản có. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng, VietinBank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro tín dụng và có điều chỉnh chính sách tín dụng từng thời kỳ như: đa dạng hóa danh mục đầu tư, ban hành toàn diện và thường xuyên cập nhật các quy định, quy trình cấp và quản lý tín dụng như quy định cho vay đối với các tổ chức kinh tế; quy định cho vay tiêu dùng, quy trình chấm điểm và xếp hạng tín dụng khách hàng, quy trình cho vay vốn lưu động, quy trình cho vay dự án đầu tư, quy trình kiểm tra giám sát khoản vay, quy trình quản lý và xử lý nợ có vấn đề, xét duyệt hạn mức tín dụng, quy định mức phán quyết tín dụng theo cấp độ. Bên cạnh đó Vietinbank còn xây dựng hệ thống tính điểm xếp hạng riêng cho từng loại khách hàng như khách hàng là công ty, khách hàng là các định chế tài chính và khách hàng cá nhân; cơ cấu tổ chức bộ máy bao gồm các bộ phận độc lập: Ban hành cơ chế chính sách, Quản lý rủi ro, quan hệ khách hàng, Quản lý nợ có vấn đề và Kiểm tra giám sát độc lập; thực hiện phân cấp quyết định tín dụng từ HĐQT đến trưởng phòng giao dịch; cảnh báo rủi ro từ các ngành hàng, các khu vực kinh tế, các doanh nghiệp, tài sản bảo đảm...; cung cấp thông tin và tư vấn cho khách hàng để giảm thiểu rủi ro trong các giao dịch thương mại.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Đặc biệt để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong quyết định cấp và quản lý tín dụng, bên cạnh các phòng tín dụng trực tiếp cho vay khách hàng VietinBank đã xây dựng bộ máy quản lý rủi ro tín dụng từ Trụ sở chính đến mọi chi nhánh với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là thẩm định độc lập trước khi cấp tín dụng, phát hiện, phòng ngừa, cảnh báo sớm rủi ro tín dụng. VietinBank thực hiện việc chấm điểm xếp hạng chi nhánh để xác định mức ủy quyền phán quyết cho chi nhánh, thực hiện kiểm tra nghiệp vụ hàng năm và chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ.

VietinBank kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà ngân hàng có thể chấp nhận được với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề. VietinBank đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro, mức độ rủi ro này có thể thay đổi, cập nhật thường xuyên.

4. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá ngoại hối trên thị trường đối với các khoản mục tài sản Nợ và tài sản Có bằng ngoại tệ tại Ngân hàng. Để quản trị rủi ro về ngoại hối, VietinBank thiết lập hệ thống chính sách quản lý tập trung trạng thái ngoại hối của toàn hệ thống, trong đó quy định hạn mức trạng thái ngoại tệ cho từng chi nhánh, hạn mức đối tác về Hội sở chính. Tại Hội sở chính, các trạng thái ngoại hối phát sinh của toàn hệ thống được kiểm soát và cân bằng kịp thời, đảm bảo cuối ngày trên bảng cân đối toàn hệ thống, trạng thái ngoại hối được duy trì ở mức hợp lý, an toàn và tuân thủ quy định của pháp luật. Để giảm thiểu và phòng tránh rủi ro về ngoại hối, ngoài các quy định về trạng thái, hạn mức, nghiệp vụ mua bán ngoại tệ giao ngay. Hiện tại VietinBank còn áp dụng các nghiệp vụ phái sinh như kỳ hạn và hoán đổi ngoại tệ.

5. Rủi ro về thanh khoản

Thanh khoản là một mấu chốt quan trọng trong công tác cân đối và điều hòa vốn – là yếu tố sống còn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Rủi ro thanh khoản bắt nguồn từ sự không phù hợp về quy mô và kỳ hạn giữa các tài sản nợ và tài sản có của ngân hàng tại thời điểm hiện tại hay trong tương lai. Mặt khác tâm lý số đông là một nguyên nhân quan trọng dẫn tới rủi ro thanh khoản. Việc rút tiền hàng loạt có thể xảy ra khi thị trường kinh tế Việt Nam và thế giới có những dấu hiệu bất ổn, làm ảnh hưởng không nhỏ đến vấn đề thanh khoản của ngân hàng và rủi ro thanh khoản là rất lớn và thiệt hại khó lường.

Để đảm bảo tính thanh khoản, bên cạnh việc lập kế hoạch sử dụng và cân đối vốn hợp lý, VietinBank luôn tính toán và duy trì tỷ lệ hợp lý tài sản dưới dạng tiền mặt, tài sản tương đương tiền, tài khoản Nostro, các công cụ thị trường tiền tệ và các quỹ dự trữ đặc biệt tại NHNN.

6. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các nghiệp vụ tài chính được hạch toán ngoại bảng, các nghiệp vụ này (chủ yếu là nghiệp vụ bảo lãnh tài chính và giao dịch thư tín dụng) cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Đối với các nghiệp vụ bảo lãnh tài chính, rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng nhưng rủi ro thấp hơn so với hoạt động cho vay. Do đó, VietinBank đã phân loại bảo lãnh, thư tín dụng để cung cấp sản phẩm cho khách hàng và có các biện pháp giám sát việc thực hiện nghĩa vụ đã được thỏa thuận trong hợp đồng của khách hàng với đối tác. Đồng thời, việc phân cấp bảo lãnh, mở thư tín dụng cho khách hàng được thực hiện trên cơ sở thẩm định chặt chẽ như khoản vay theo các quy định, quy trình nghiệp vụ.

Khi thực hiện phát hành các thư tín dụng thương mại trả ngay/trả chậm, khách hàng của VietinBank là Người mua/Nhà nhập khẩu hàng hóa và Bên thụ hưởng là Người bán/Nhà xuất khẩu hàng hóa, rủi ro phát sinh từ các giao dịch này khi Bên thụ hưởng đã hoàn thành nghĩa vụ mà khách hàng không thực hiện thanh toán. Lúc đó, Ngân hàng sẽ phải thanh toán cho Bên thụ hưởng thay cho khách hàng, nghĩa vụ phát sinh của khách hàng sẽ được thanh toán trong nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc. Để hạn chế rủi ro này, Ngân hàng đã có các biện pháp như kiểm soát chặt chẽ bộ chứng từ hàng hóa hoặc yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các giao dịch này khi cần thiết. Tỷ lệ ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị thư tín dụng phát hành tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

và có thể không thực hiện biện pháp đảm bảo trong trường hợp khách hàng có năng lực tài chính đủ mạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, phương án kinh doanh có khả thi.

7. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp cổ phần hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tài chính tiền tệ nên hoạt động của VietinBank được quản lý chặt chẽ bằng Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật và dưới luật của Ngân hàng Nhà nước. Những thay đổi, chỉnh sửa, bổ sung các văn bản pháp luật của Nhà nước đều ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Ngân hàng. Đồng thời, do niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán nên Ngân hàng còn phải tuân thủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hiểu được rất rõ vấn đề này, VietinBank đưa ra những biện pháp hạn chế rủi ro pháp luật của VietinBank như sau:

- VietinBank thiết lập một Bộ phận pháp chế có chức năng tham mưu cho Ban lãnh đạo Ngân hàng, tư vấn cho các đơn vị và các cán bộ trong toàn hệ thống về các vấn đề có liên quan tới yếu tố pháp lý nhằm giúp cho các quyết định của Ban lãnh đạo Ngân hàng, các đơn vị và các nhân trong hệ thống tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật. Bộ phận pháp chế cũng có trách nhiệm nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của pháp luật; hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật nhằm cung cấp các văn bản pháp lý cần thiết trong toàn hệ thống.
- Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nhằm nâng cao kiến thức pháp lý và kỹ năng đàm phán, thương thảo, soạn thảo Hợp đồng, giải quyết tranh chấp.
- Đối với những giao dịch có giá trị lớn hoặc phức tạp, VietinBank thường thuê các Công ty Luật có uy tín trong và ngoài nước cung cấp các dịch vụ pháp lý nhằm hỗ trợ VietinBank.

8. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động của Ngân hàng. Hệ thống công nghệ thông tin góp phần giúp Ngân hàng hoạt động chuyên nghiệp, xử lý kịp thời các giao dịch, đảm bảo tính an toàn và bảo mật trong công tác quản lý dữ liệu.

Rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin là những rủi ro, thiệt hại do yếu tố kỹ thuật công nghệ, những sai sót trong quá trình vận hành hệ thống gây ra. Trong những năm qua VietinBank đã chú trọng đầu tư, không ngừng nâng cấp hệ thống và đưa ra các chính

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

sách kiểm soát bảo mật, an ninh, an toàn hệ thống dành cho nhân viên nhằm giảm thiểu những rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin. VietinBank đã đưa vào sử dụng Trung tâm dự phòng thông tin. Hiện nay, VietinBank đang tiếp tục đẩy mạnh tiến độ các dự án nâng cấp công nghệ thông tin.

9. Rủi ro tác nghiệp

Rủi ro tác nghiệp là loại rủi ro liên quan đến công nghệ, cơ sở hạ tầng, quy trình nghiệp vụ, yếu tố con người v.v. trong quá trình hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Rủi ro tác nghiệp liên quan những sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm thiệt hại cho khách hàng và đối tác dẫn đến việc ngân hàng bị khởi kiện. Nguyên nhân dẫn đến rủi ro này là do con người hoặc hệ thống công cụ quản lý. Để phòng chống rủi ro này, Vietinbank đã thực hiện chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ chính theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Bên cạnh đó, các quy trình trong quản lý bao gồm: tuyển dụng, đào tạo, đánh giá nội bộ, thiết kế và phát triển sản phẩm, quản lý tài sản khách hàng v.v. đã được tiêu chuẩn hóa.

10. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Giá cổ phiếu của Ngân hàng được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Ngoài ra, khi Ngân hàng phát hành tăng vốn, cổ phiếu bị pha loãng, thu nhập trên một cổ phiếu giảm. Giá cổ phiếu VietinBank cũng không nằm ngoài quy luật chung đó.

Để giúp nhà đầu tư có được những nhận định đúng về giá trị nội tại và tiềm năng của cổ phiếu CTG, VietinBank đã thiết lập bộ phận chuyên trách phân tích và cung cấp thường xuyên đến nhà đầu tư những không tin đúng và cập nhật về tình hình hoạt động, những định hướng, chiến lược của Ngân hàng thông qua nhiều kênh thông tin đại chúng. Kịp thời giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư liên quan đến hoạt động Ngân hàng và các thông tin làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu.

11. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS): trong trường hợp tất cả những yếu tố khác không đổi, với việc phát hành thêm tổng cộng 337.162.027 cổ phần cho cổ đông hiện hữu sẽ khiến EPS của VietinBank sau đợt phát hành giảm xuống.

Pha loãng giá thị trường: giá cổ phiếu sẽ điều chỉnh giảm trong ngày giao dịch không hưởng quyền. Căn cứ phương án phát hành, cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ được

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

quyền mua 0,2 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Công thức tính giá cổ phiếu bị pha loãng như sau:

$$P1 = (P0 + 10.000 \times 0,2) / (1 + 0,2)$$

Với: P0 là giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền;

P1 là giá điều chỉnh tại ngày giao dịch không hưởng quyền.

Ví dụ, giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là:

$$P0 = 30.000 \text{ đồng/cổ phiếu.}$$

Giá điều chỉnh tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ là:

$$P1 = (30.000 + 10.000 \times 0,2) / (1 + 0,2) = 26.700 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

12. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán được tính toán kỹ lưỡng căn cứ vào tình hình thị trường, giá chào bán và mục đích huy động vốn phù hợp. Tuy nhiên, rủi ro liên quan đến đợt chào bán là không thể loại trừ vì ngoài những lý do khách quan không thể kiểm soát như tình hình kinh tế xã hội biến động thì các yếu tố thuộc tâm lý của nhà đầu tư sẽ ảnh hưởng đến đợt chào bán chứng khoán của VietinBank. Trong trường hợp không chào bán hết, số lượng cổ phần còn lại sẽ được giao cho Hội đồng Quản trị quyết định phân phối cho các nhà đầu tư nhưng giá bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phần).

13. Rủi ro của đợt chào bán

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây ảnh hưởng cho hoạt động của Ngân hàng.

NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank)

Ông Phạm Huy Hùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thắng Quyền Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hải Hưng Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Lệ Nga Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thông lệ và thực tế tại VietinBank mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt nam (VietinBankSec)

: Ông Vũ Trung Thành Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

CÁC KHÁI NIỆM

III. CÁC KHÁI NIỆM

Tổ chức niêm yết	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam
NHTMCPCTVN	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam
VietinBank	Tên viết tắt của Ngân hàng TM Cổ phần Công thương Việt Nam
NHCTVN	Ngân hàng Công thương Việt Nam
NHTMCP	Ngân hàng Thương mại cổ phần
NHTMNN	Ngân hàng Thương mại Nhà nước
DNVVN	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
NHTM	Ngân hàng thương mại
TCTD	Tổ chức tín dụng
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BKS	Ban kiểm soát
CP	Cổ phần
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
ALCO	Asset - Liability Management Committee - Ủy ban Quản Lý Tài sản Nợ - Tài sản Có
ATM	Automated Teller Machine - Máy rút tiền tự động
CĐ	Cổ đông
AML	Anti-Money Laundering – Chống rửa tiền

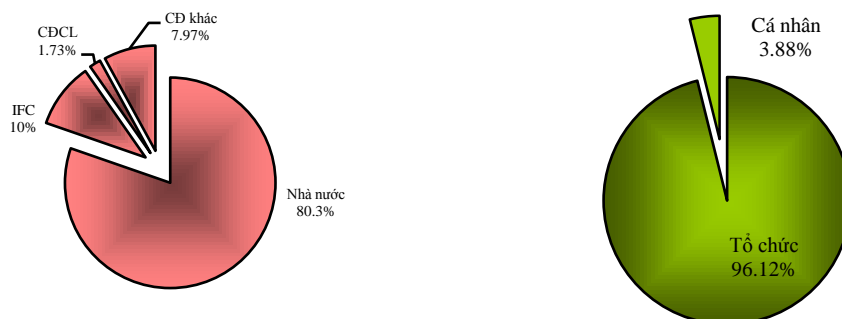
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên gọi doanh nghiệp: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
- Tên giao dịch đối ngoại: VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE
- Tên viết tắt: VIETINBANK
- Logo 
- Địa chỉ doanh nghiệp: Số 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 84.4. 3942 1030 Fax: 84.4. 3942 1032
- Website: <http://www.vietinbank.vn>
- Slogan: Nâng giá trị cuộc sống
- Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam số 142/GP-NHNN của NHNN cấp ngày 03 tháng 07 năm 2009;
- Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 10/03/2011;
- Vốn điều lệ hiện tại: 16.858.101.340.000 đồng, trong đó:

Hình 1: Cơ cấu vốn điều lệ Vietinbank thời điểm 15/03/2011



Nguồn: Vietinbank

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng bao gồm:
 - ✓ Huy động vốn: Hoạt động huy động vốn bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng bằng nội và ngoại tệ, phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, kỳ phiếu, và các giấy tờ có giá khác để huy động nguồn vốn, vay từ các định chế tài chính trong nước và nước ngoài, vay từ NHNN, và các hình thức vay vốn khác theo quy định của NHNN.
 - ✓ Hoạt động tín dụng: Tín dụng là một trong những hoạt động kinh doanh chính của VietinBank. Các hoạt động tín dụng của VietinBank bao gồm cấp vốn vay bằng nội và ngoại tệ, bảo lãnh, chiết khấu, cho thuê tài chính, và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.
 - ✓ Hoạt động đầu tư: Các hoạt động đầu tư của VietinBank được thực hiện thông qua việc tích cực tham gia vào thị trường liên ngân hàng và thị trường vốn. Tài sản đầu tư bao gồm Trái phiếu Chính phủ, Tín phiếu kho bạc, Tín phiếu NHNN, Công trái xây dựng Tổ quốc, Trái phiếu giáo dục, Trái phiếu Chính quyền địa phương, Trái phiếu NHTM, Trái phiếu doanh nghiệp v.v. Ngoài ra VietinBank còn góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp trong và ngoài nước và góp vốn liên doanh với các tổ chức nước ngoài.
 - ✓ Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ: VietinBank tập trung cung cấp dịch vụ thanh toán và ngân quỹ cho khách hàng, bao gồm thanh toán trong nước và quốc tế, thu chi hộ khách hàng, thu chi bằng tiền mặt và séc.
 - ✓ Các hoạt động khác: Bên cạnh các dịch vụ kinh doanh chính, VietinBank cung cấp một số dịch vụ bổ sung cho khách hàng bao gồm các hoạt động trên thị trường tiền tệ, kinh doanh giấy tờ có giá bằng VND và ngoại tệ, chuyển tiền trong nước và quốc tế, chuyển tiền kiều hối, kinh doanh vàng và ngoại hối, các hoạt động đại lý và ủy thác, bảo hiểm, các hoạt động chứng khoán thông qua các công ty con, dịch vụ tư vấn tài chính, dịch vụ quản lý vốn, dịch vụ thấu chi, dịch vụ thẻ, gửi và giữ tài sản, cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán, dịch vụ ngân hàng qua điện thoại, dịch vụ ngân hàng điện tử, v.v.
 - ✓ Sản phẩm và dịch vụ cung cấp
 - Cho vay (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) và đầu tư
 - Dịch vụ huy động tiền gửi dân cư (ngắn, trung, dài hạn)

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Dịch vụ chuyển tiền trong và ngoài nước
- Dịch vụ chứng khoán
- Dịch vụ mở và sử dụng tài khoản
- Dịch vụ thanh toán xuất nhập khẩu
- Các dịch vụ ngân hàng bán buôn và bán lẻ trong và ngoài nước
- Dịch vụ tư vấn tài chính tiền tệ
- Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ
- Dịch vụ chiết khấu và tái chiết khấu
- Dịch vụ ngân hàng điện tử Internet Banking, Phone Banking, Mobile Banking và SMS Banking
- Dịch vụ thẻ (thẻ tín dụng quốc tế, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước)
- Dịch vụ chuyển tiền kiều hối
- Dịch vụ bảo hiểm và tái bảo hiểm
- Dịch vụ bảo lãnh và tái bảo lãnh
- Cho thuê tài chính
- Hoạt động ngân hàng đại lý
- Các dịch vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Ngân hàng.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank), tiền thân là Ngân hàng Công thương Việt Nam, được thành lập dưới tên gọi Ngân hàng chuyên doanh Công thương Việt Nam theo Nghị định số 53/NĐ-HĐBT ngày 26 tháng 03 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức bộ máy NHNNVN và chính thức được đổi tên thành “*Ngân hàng Công thương Việt Nam*” theo quyết định số 402/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ngày 14 tháng 11 năm 1990.

Ngày 27 tháng 03 năm 1993, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 67/QĐ-NH5 về việc thành lập NHCTVN thuộc NHNNVN. Ngày 21 tháng 09 năm 1996, được sự ủy quyền của

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Thủ tướng Chính Phủ, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 285/QĐ-NH5 về việc thành lập lại NHCTVN theo mô hình Tổng Công ty Nhà nước được quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 1994 của Thủ tướng Chính Phủ.

Ngày 23 tháng 09 năm 2008, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ký quyết định 1354/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ngày 02 tháng 11 năm 2008, Ngân hàng Nhà nước ký quyết định số 2604/QĐ-NHNN về việc công bố giá trị doanh nghiệp Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ngày 25 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng Công thương tổ chức bán đấu giá cổ phần ra công chúng thành công và thực hiện chuyển đổi thành doanh nghiệp cổ phần.

Ngày 03/07/2009, Ngân hàng Nhà nước ký quyết định số 14/GP-NHNN thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. NHTMCP Công thương Việt Nam chính thức hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103038874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hà Nội cấp ngày 03/07/2009.

Ngày 16/7/2009 cổ phiếu của VietinBank chính thức được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là CTG.

Năm 2010 VietinBank đã đạt được những kết quả khả quan, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước, ổn định nền kinh tế, tích cực thực thi các giải pháp chỉ đạo của Chính phủ, chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, phát huy vai trò của một ngân hàng thương mại chủ đạo và chủ lực của Việt Nam: Tổng tài sản tăng 51%, tổng nguồn vốn huy động tăng 54%, tổng đầu tư, cho vay nền kinh tế tăng 52% , trong đó tổng dư nợ cho vay nền kinh tế tăng 43,5%, nợ xấu ở mức 0,6%, lợi nhuận trước thuế tăng 36% so với năm trước.

Ngân hàng hiện tại có quan hệ đại lý với hơn 900 ngân hàng, định chế tài chính tại trên 90 quốc gia, vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Năm 2010, Vietinbank cũng đã thành lập 01 Văn phòng đại diện tại Frankfurt, tạo tiền đề cho việc xúc tiến thành lập 2 chi nhánh tại Frankfurt và Berlin (Đức) trong năm 2011.

Trải qua 23 năm xây dựng và phát triển đến nay, VietinBank đã phát triển theo mô hình ngân hàng đa năng với mạng lưới hoạt động được phân bố rộng khắp tại 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Đến 31/09/2011, hệ thống mạng lưới của VietinBank bao gồm 01 Hội sở chính; 01 Sở Giao dịch; 150 chi nhánh, 941 phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm; 1.829 máy rút

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

tiền tự động (ATM); 03 Văn phòng đại diện; và 06 Công ty con bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính VietinBank, Công ty CP Chứng khoán VietinBank (VietinBankSc), Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản VietinBank, Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm VietinBank, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ VietinBank, Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc đá quý VietinBank; 03 đơn vị sự nghiệp bao gồm Trung tâm thẻ, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực. Ngoài ra, NHCT còn góp vốn liên doanh vào Ngân hàng Indovina và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ VietinBank Aviva, góp vốn vào 08 công ty trong đó có Công ty cổ phần Chuyển mạch Tài chính quốc gia Việt Nam, Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên, Công ty cổ phần cao su Phước Hòa, Ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương, Công ty CP Thép Thái Nguyên v.v.

Quá trình tăng vốn của VietinBank

10/2010

Ngân hàng Công thương đã hoàn thành việc trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm quyền mua cho CĐHH theo GCN số 651/UBCK-GCN ngày 24/8/2010. Trong đó, số cổ phiếu trả cổ tức là 76.848.603 cổ phiếu, số cổ phiếu chàn bán cho CĐHH là 315.083.238 cổ phiếu. Đồng thời, Ngân hàng Công thương Việt Nam cũng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới với số vốn điều lệ là 15.172.291.210.000 đồng

03/2011

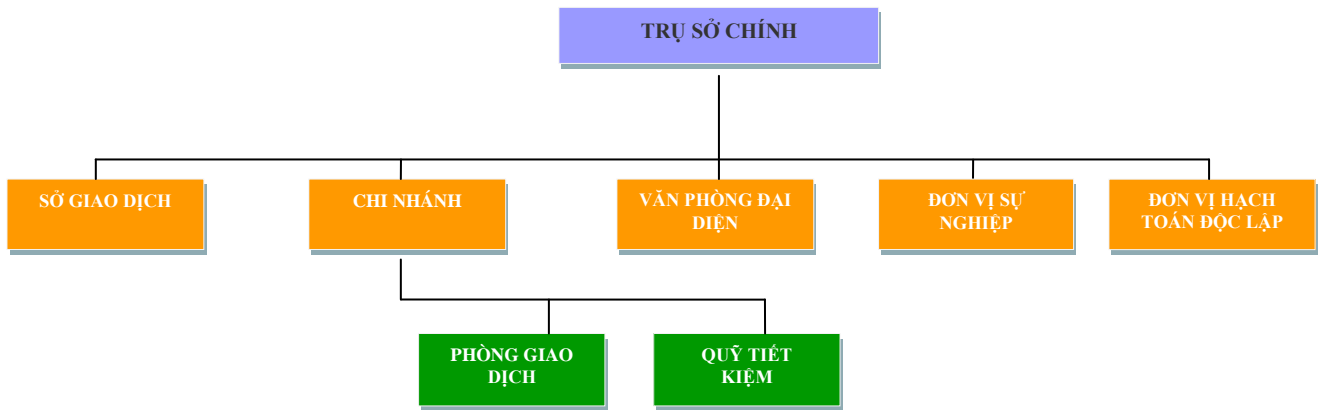
Ngày 10/03/2011, VietinBank hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho IFC và Quỹ đầu tư cấp vốn IFC với tổng số cổ phần chào bán là 168.581.013 cổ phần. Tổng vốn điều lệ sau đợt phát hành là 16.858.101.340.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp cùng ngày.

3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng

3.1. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

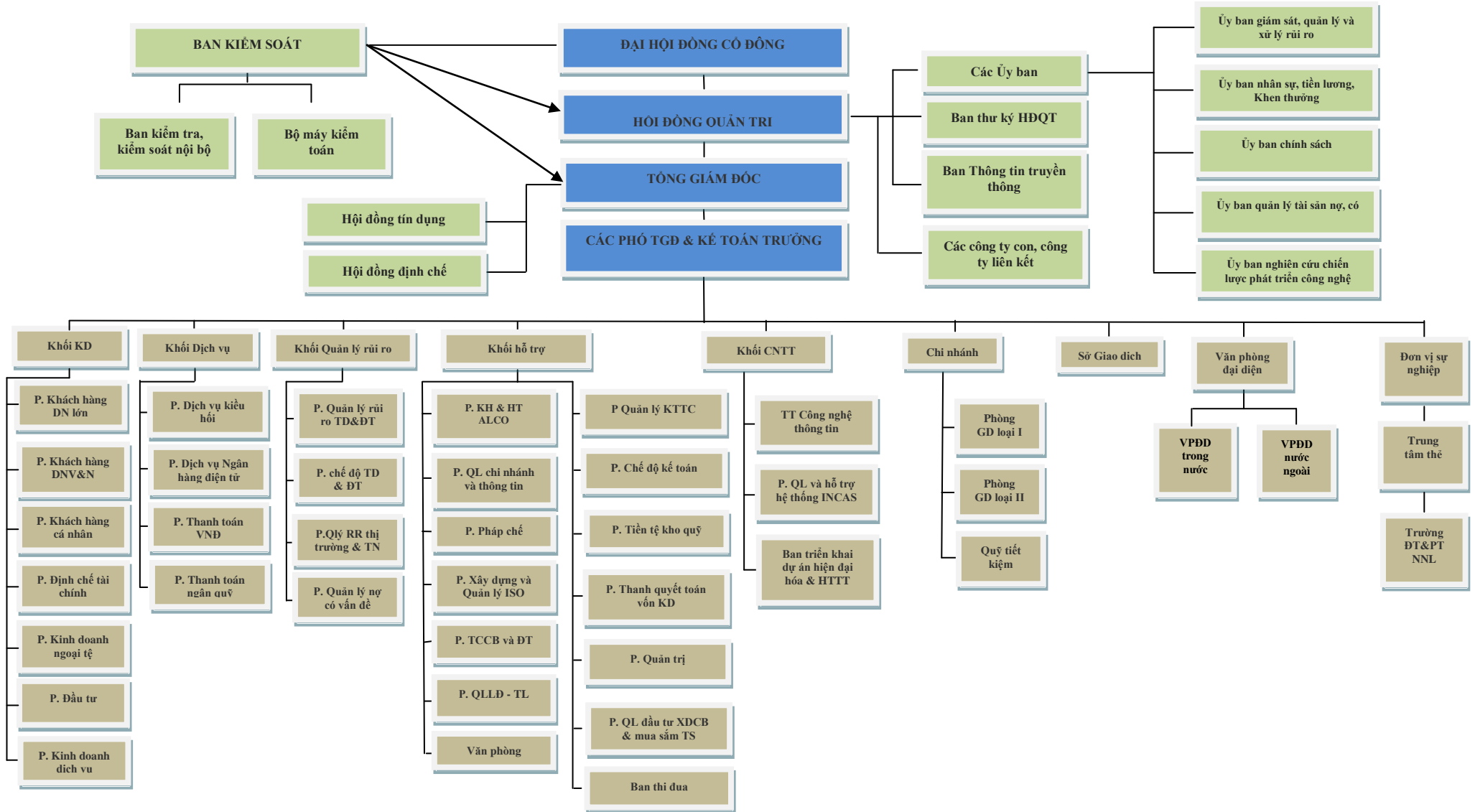
Hình 2: Hệ thống tổ chức



(Nguồn: VietinBank)

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của NHTMCP Công thương Việt Nam

Hình 3: Cơ cấu tổ chức chi tiết



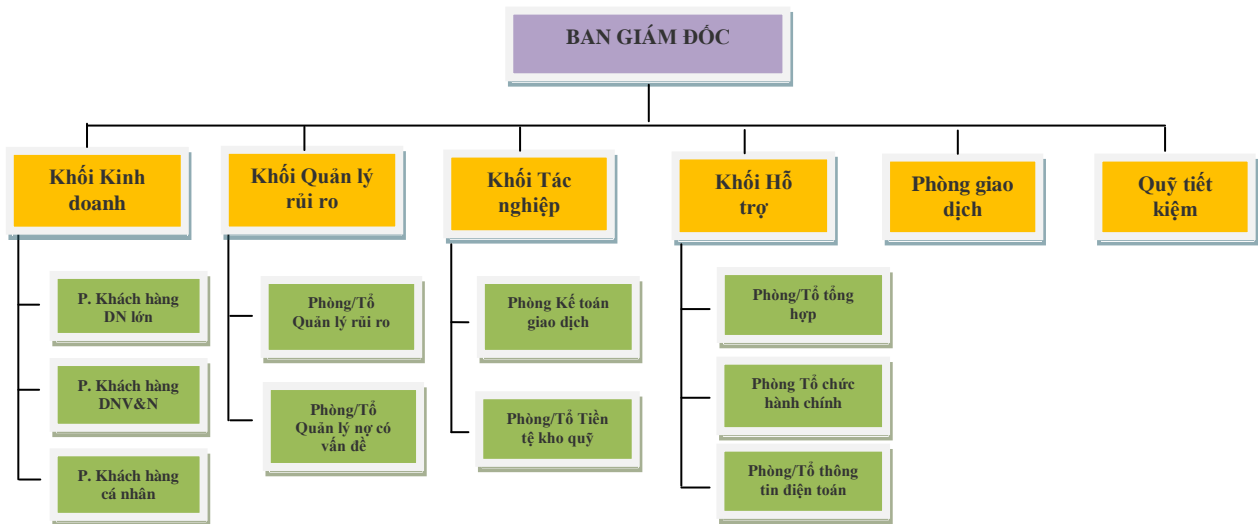
Ghi chú: → Quan hệ giám sát

Nguồn: Vietinbank

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

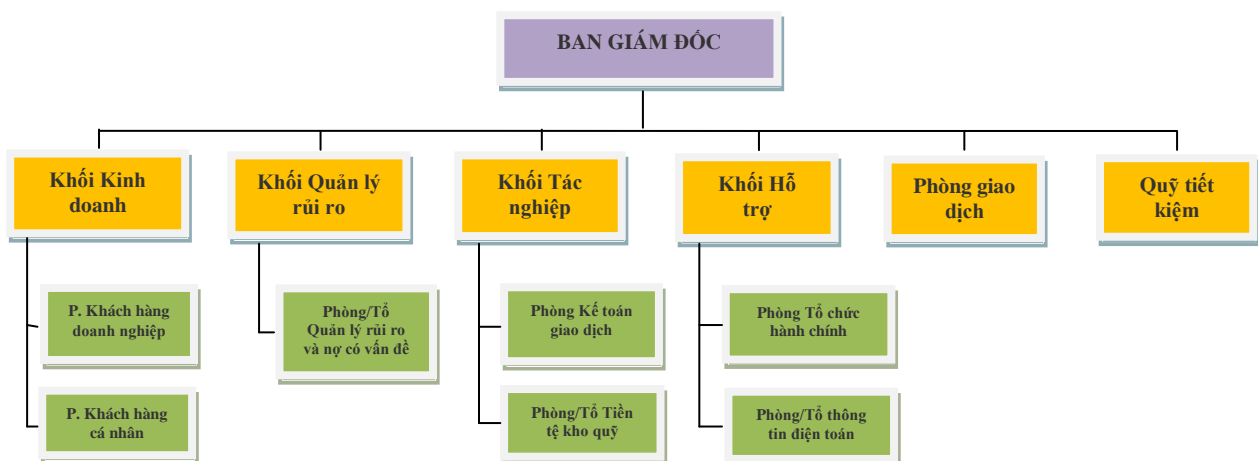
Các chi nhánh của NHCT được cơ cấu theo hai mô hình tổ chức sau:

Hình 4: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 1)



Nguồn: Vietinbank

Hình 5: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 2)



Nguồn: VietinBank

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Vietinbank, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có tên trong danh sách đăng ký cổ đông đều có quyền tham dự. ĐHĐCĐ có thể được tổ chức thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Ngân hàng, quyết định định hướng phát triển của Ngân hàng, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định các công việc khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Ngân hàng, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Ngân hàng, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại như sau:

- Ông Phạm Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Thắng - Ủy viên HĐQT
- Bà Phạm Thị Hoàng Tâm - Ủy viên HĐQT
- Ông Trần Xuân Châu - Ủy viên HĐQT
- Bà Đỗ Thị Thủy - Ủy viên HĐQT
- Bà Nguyễn Hồng Vân - Ủy viên HĐQT
- Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Ủy viên HĐQT
- Ông Michael Knight Ipson - Ủy viên HĐQT

Trực thuộc HĐQT có các ủy ban:

- Ủy ban giám sát và quản lý rủi ro
- Ủy ban nhân sự, tiền lương, thưởng
- Ủy ban Tài sản Nợ - Có
- Ủy ban chính sách
- Ủy ban nghiên cứu chiến lược phát triển công nghệ

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ban Điều hành

Ban Điều hành bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và có sự thông qua của NH NHVN. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng. Cơ cấu Ban Điều hành hiện tại như sau:

- Ông Nguyễn Văn Thắng - Quyền Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Việt Mạnh - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Thạnh - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Du - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Anh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc
- Bà Bùi Như Ý - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lê Đức Thọ - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Võ Minh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Hoàng Dũng - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Hải Hưng - Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Cơ cấu Ban kiểm soát hiện tại như sau:

- Bà Trần Thị Lệ Nga - Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Phạm Thị Thơm - Ủy viên
- Bà Phan Thị Quý - Ủy viên

Các bộ phận trực thuộc hội sở chính

- Hội đồng tín dụng:** Quyết định cấp giới hạn tín dụng, khoản tín dụng có giá trị lớn; Xem xét nhất trí và trình HĐQT thông qua với những khoản vay và tổng khoản vay lớn; Quyết định định hướng ngành hàng mục tiêu, nhóm khách hàng mục tiêu, nhóm khách hàng có khả năng tăng trưởng tín dụng, nhóm khách hàng cần hạn chế tăng trưởng tín dụng của VietinBank; Quyết định điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí xác định nhóm khách hàng; Quyết định các vấn đề phức tạp khác có liên quan tới hoạt động tín dụng; Đề xuất để Tổng giám đốc trình HĐQT quyết định thông qua tỷ lệ tăng trưởng,

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

cơ cấu tín dụng hàng năm của VietinBank. Hội đồng tín dụng bao gồm Hội đồng tín dụng trụ sở chính và hội đồng tín dụng cơ sở.

- **Hội đồng định chế:** Chức năng về đối ngoại và quan hệ hợp tác, bán sản phẩm dịch vụ của VietinBank cho các định chế tài chính trong và ngoài nước và tạo ra lợi nhuận. Nhiệm vụ chi tiết bao gồm: Phát triển quan hệ đối ngoại và xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với một số định chế trong và ngoài nước; Phân tích, đánh giá thẩm định năng lực tài chính và hoạt động kinh doanh của các Định chế tài chính, định hạn mức tài trợ thương mại, đầu tư tiền gửi ở nước ngoài...; Tham gia ý kiến trong việc phát hành, bảo lãnh, tái bảo lãnh, xác nhận L/C; Phân tích, đánh giá tình hình kinh tế tài chính tiền tệ các nước; Phối hợp với các phòng ban liên quan nghiên cứu việc đóng mở tài khoản NOSTRO, Xây dựng biểu phí ngoại tệ; Phát triển mở rộng dịch vụ chi trả kiều hối, séc du lịch, kinh doanh ngoại tệ mặt...; Xây dựng và bảo vệ kế hoạch cho vay trả nợ nước ngoài với NHNN; Tiếp cận Bộ Tài chính, NHNN và các tổ chức quốc tế để làm ngân hàng phục vụ dự án ODA; Cung cấp thông tin cần thiết về thị trường tài chính tiền tệ, kinh tế thế giới; Soạn thảo phát hành báo cáo thường niên; Sửa đổi bổ sung ban hành mới danh sách chữ ký ủy quyền của VietinBank.
- **Các Khối nghiệp vụ,** bao gồm:
 - ✓ **Khối kinh doanh và khối dịch vụ:** gồm các bộ phận nghiệp vụ trực tiếp kinh doanh, tạo lợi nhuận cho Ngân hàng.
 - ✓ **Khối quản lý rủi ro:** gồm các bộ phận nghiệp vụ thực hiện chức năng quản lý rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng (Rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro tác nghiệp...)
 - ✓ **Khối hỗ trợ:** gồm các bộ phận nghiệp vụ thực hiện chức năng quản lý, hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
 - ✓ **Khối Công nghệ Thông tin:** Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tin học để phục vụ yêu cầu quản lý và phát triển hoạt động kinh doanh, đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động chính xác, liên tục, thông suốt và an toàn.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Ngân hàng, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của VietinBank

Đơn vị: đồng

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 15/3/2011

TT	Cổ đông lớn	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	(%)
1	Cổ đông Nhà nước	1.353.808.479	13.538.084.790.000	80,306%
2	Quỹ đầu tư cấp vốn (Vốn cổ phần) IFC	113.295.299	1.132.952.990.000	6,721%

Nguồn: VietinBank

Ghi chú:

Theo Công văn số 563/TTg-KTTH ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại NHTMCP, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước, cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Ngân hàng TMCP CTVN và thực hiện mua phần vốn phát hành cho cổ đông Nhà nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 3813/VPCP-KTTH ngày 09/6/2011 của Văn Phòng Chính phủ.

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ: Không có

4.3. Cơ cấu cổ đông của Vietinbank tại thời điểm 15/03/2011

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông đến thời điểm 15/3/2010

TT	Cổ đông	Số lượng CP	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
Phân theo tính chất sở hữu				
1	Cổ đông Nhà nước	1.353.808.479	13.538.084.790.000	80,306%
2	Tổ chức tài chính Quốc tế (IFC)	55.285.714	552.857.140.000	3,279%
3	Quỹ đầu tư cấp vốn (Vốn cổ phần) IFC	113.295.299	1.132.952.990.000	6,721%
4	Nhà đầu tư chiến lược	29.175.616	291.756.160.000	1,731%
5	Cổ đông bên ngoài	134.245.026	1.342.450.260.000	7,963%
	Tổng cộng	1.685.810.134	16.858.101.340.000	100%
Phân theo loại hình sở hữu				
1	Tổ chức	1.620.400.996	16.204.009.960.000	96,12%
a	Trong nước	1.423.311.386	14.233.113.860.000	84,43%
b	Nước ngoài	197.089.610	1.970.896.100.000	11,69%
2	Cá nhân	65.409.138	654.091.380.000	3,88%
a	Trong nước	65.010.573	650.105.730.000	3,86%
b	Nước ngoài	398.565	3.985.650.000	0,02%
	Tổng	1.685.810.134	16.858.101.340.000	100%
Phân theo loại cổ phiếu				
1	Cổ phiếu của Nhà nước	1.353.808.479	13.538.084.790.000	80,306%
2	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của Tổ chức tài chính Quốc tế (IFC)	55.285.714	552.857.140.000	3,279%
3	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của Quỹ đầu tư cấp vốn (Vốn cổ phần) IFC	113.295.299	1.132.952.990.000	6,721%
4	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của Nhà đầu tư chiến lược	20.324.580	203.245.800.000	1,206%
5	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của Công đoàn	26.800.000	268.000.000.000	1,590%
6	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của CĐ nội bộ	194.301	19.430.100.000	0,012%
7	Cổ phiếu tự do chuyển nhượng	116.101.761	268.000.000.002	6,887%
	Tổng	1.685.810.134	16.858.101.340.000	100%

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

5. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết**

5.1. Công ty con và công ty liên doanh

Bên cạnh các hoạt động chính của một ngân hàng thương mại, NHCT còn thực hiện các hoạt động khác như đầu tư vào các công ty con và Công ty liên doanh, liên kết. Đến 31/9/2011, NHCT đã góp vốn vào 05 công ty con với tỷ lệ sở hữu là 100% vốn điều lệ, 01 công ty con với tỷ lệ sở hữu là 75,6% vốn điều lệ và 02 công ty liên doanh với tỷ lệ 50%.

Bảng 3: Danh sách công ty con và công ty liên doanh của VietinBank tại thời điểm 30/9/2011

STT	Tên	Sở hữu của Vietinbank (%)	Vốn điều lệ
1	Công ty TNHH một thành viên Cho thuê tài chính NH TMCP CT VN	100	500 tỷ đồng
2	Công ty CP Chứng khoán NH TMCP CT VN	75,6	790 tỷ đồng
3	Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác tài sản NH TMCP CT VN	100	30 tỷ đồng
4	Công ty TNHH một thành viên Bảo hiểm NH TMCP CT VN	100	300 tỷ đồng
5	Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ NH TMCP CT VN	100	500 tỷ đồng
6	Công ty TNHH một thành viên Vàng bạc đá quý NH TMCP CT VN	100	300 tỷ đồng
7	Ngân hàng Liên doanh Indovina	50	165 triệu USD
8	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Vietinbank Aviva	50	800 tỷ đồng

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2011 của VietinBank

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:

- Giới thiệu chung: Là công ty con của Ngân hàng Công thương Việt Nam, hạch toán độc lập, thành lập theo quyết định số 53/1998/QĐ-NHNN5 ngày 26/01/1998 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 112446 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 28/03/1998. Từ tháng 8 năm 2009, Công ty được VietinBank chấp thuận và NHNN chuẩn y chuyển sang mô hình Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Đến tháng 12 năm 2009, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 500 tỷ đồng.
- Trụ sở chính: 16 Phan Đình Phùng - Ba Đình - Hà nội
- Điện thoại: 04. 3823 3045 Fax 04. 373 3579
- Ngành nghề kinh doanh: Cho thuê tài chính đối với các doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam, trực tiếp sử dụng tài sản cho thuê theo mục đích kinh doanh hợp pháp; Tư vấn, nhận bảo lãnh khách hàng về những dịch vụ có liên quan đến nghiệp vụ cho thuê tài chính, thực hiện các nghiệp vụ khác khi được NHNN và các cơ quan chức năng cho phép.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

- Giới thiệu chung: được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 01 tháng 9 năm 2000 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Công thương Việt Nam, hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 07/2000/UBCK-GPHĐKD ngày 06/10/2000 và Giấy phép điều chỉnh số 156/UBCK-GP ngày 10/10/2008 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp. Tháng 4 năm 2009 Công ty thực hiện thành công đợt IPO và chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần. Ngày 31/7/2010 cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết và giao dịch trên Sở GDCK Thành phố Hà Nội với mã giao dịch là CTS. Vốn điều lệ sau khi chuyển đổi là 789,934 tỷ đồng, VietinBank nắm 75,6% vốn điều lệ.
- Trụ sở chính: 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: 04. 3974 1763 Fax 04. 3974 1760
- Hoạt động chính: Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán bao gồm môi giới, tự doanh, bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính và lưu ký chứng khoán.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:

- Giới thiệu chung: Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản được thành lập theo Quyết định số 106/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 10/7/2000 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Công thương Việt Nam, được đổi tên thành Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Công thương Việt Nam (gọi tắt là công ty AMC) theo Quyết định số 125/2001/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 10/12/2001 trên cơ sở Quyết định số 1389/2001/QĐ-NHNN ngày 07/11/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy định về việc thành lập Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại. Công ty chuyển sang hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ tháng 7 năm 2010, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302077030 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Trụ sở chính: 76 Nguyễn Văn Cừ, Quận I, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08. 3920 3982 Fax: 08. 3836 7093
- Ngành nghề kinh doanh: tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất, xử lý các tài sản đảm bảo nợ vay, cơ cấu lại nợ tồn đọng, mua bán nợ tồn đọng....

Công ty TNHH một thành viên Bảo hiểm Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam:

- Giới thiệu chung: tiền thân là Công ty liên doanh Bảo Hiểm Châu Á - Ngân Hàng Công Thương, một liên doanh giữa Ngân hàng Công thương Việt Nam và Công ty Bảo Hiểm Châu Á Singapore với tỷ lệ góp vốn 50/50, được thành lập the
-
,
trên cơ sở Ngân hàng Công thương Việt Nam mua lại toàn bộ vốn góp của phía đối tác nước ngoài trong Công ty liên doanh để trở thành Công ty trực thuộc hạch toán độc lập 100% vốn của Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- Trụ sở chính: 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 04. 3942 5650 Fax: 04. 3942 5646
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Các loại sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ theo quy định của pháp luật, kinh doanh tái bảo hiểm liên quan đến các loại nghiệp vụ bảo hiểm nói trên, quản lý các quỹ đầu tư, góp vốn, mua cổ phần...

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:

- Giới thiệu chung: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là Công ty do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cấp 100% vốn điều lệ, được thành lập theo giấy phép số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 500 tỷ đồng.
- Trụ sở chính: Tầng 6, Trung tâm thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Phố Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 04. 3938 8855 Fax: 04. 3938 8500
- Lĩnh vực hoạt động chính: Lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán...

Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

- Giới thiệu chung: Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là Công ty do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cấp 100% vốn điều lệ, được thành lập theo quyết định số 1521/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 15/09/2010 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105011873 ngày 25/11/2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 300 tỷ đồng.
- Trụ sở chính: Tầng 11, toà nhà số 34 Phố Cửa Nam, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 04. 3942 1051 Fax: 04. 3939 3502
- Lĩnh vực hoạt động chính: Sản xuất, mua bán, gia công, xuất nhập khẩu Vàng, đá quý; đại lý môi giới, giới thiệu xúc tiến thương mại, dịch vụ thương mại điện tử, chuyển giao công nghệ, kinh doanh bất động sản, tư vấn quản lý quảng cáo bất động sản..

Ngân hàng liên doanh Indovina

- Giới thiệu chung: Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina (IVB) là Ngân hàng liên doanh đầu tiên của Việt Nam được thành lập ngày 21 tháng 11 năm 1990 theo Giấy phép của Ủy Ban Nhà Nước về hợp tác và đầu tư số 135/GP và Giấy phép số 08/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 29 tháng 10 năm 1992. Các bên liên doanh là Ngân hàng Công thương Việt Nam và Ngân hàng Cathay United (CUB) của Đài Loan (một thành viên hoàn toàn trực thuộc của Tập đoàn Tài chính Cathay - tập đoàn tài chính lớn nhất Đài Loan).
- Trụ sở chính: 46-48-50 Phạm Hồng Thái, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Điện thoại: 08. 3822 4995 Fax: 08. 3823 0131
- Lĩnh vực hoạt động chính: Cung cấp các dịch vụ ngân hàng như tiền gửi, cho vay, dịch vụ thẻ, L/C, chuyển tiền...

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ VietinBank Aviva:

- Giới thiệu chung: Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ VietinBank Aviva là Công ty liên doanh giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Aviva Internal Holdings limited và Aviva LTD, trong đó NHCTVN góp 50% vốn điều lệ, được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 64 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 29/07/2011. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 800 tỷ đồng.
- Trụ sở chính: Tầng 10, tháp B tòa nhà Handi Resco, số 512 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ; Kinh doanh bảo hiểm sức khỏe; Kinh doanh tái bảo hiểm; Đầu tư vốn nhân rỗi tại Việt Nam và Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Hoạt động kinh doanh chính

6.1.1. Tình hình huy động vốn

Trong giai đoạn 2008 - 2011, thị trường tiền tệ đã có nhiều biến động, đặc biệt là lãi suất trong nước và quốc tế. Lạm phát và cạnh tranh giữa các TCTD trong nước về huy động vốn đã ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn của các NHTM nói chung và VietinBank nói riêng. Đến thời điểm hiện tại, sau khi Chính phủ thực thi nhiều biện pháp ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính tiền tệ đã tương đối bình ổn, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn những biến động có thể tác động tiêu cực đến thị trường. Mặc dù môi trường đầy thách thức, VietinBank đã thành công trong việc tăng cường các hoạt động huy động vốn bằng cách áp dụng chiến lược huy động vốn với quan điểm đảm bảo hoạt động kinh doanh song song với việc tuân thủ các quy định hiện hành. Các chiến lược huy động vốn của VietinBank như sau:

- Phát triển các sản phẩm mới với sự hỗ trợ của các hoạt động khuyến mại có trọng điểm và tích cực quảng bá sản phẩm dịch vụ tới các cá nhân.
- Xây dựng và hoàn thiện các quy định về tiền gửi tiết kiệm, về phát hành giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng.
- Áp dụng các sản phẩm huy động mới trong thị trường nội địa và quốc tế, đa dạng hóa các sản phẩm tiền gửi, linh hoạt về thời hạn và lãi suất huy động như sản phẩm tiết kiệm rút gốc linh hoạt, sản phẩm tiết kiệm lãi suất bậc thang theo thời gian và theo số dư tiền

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

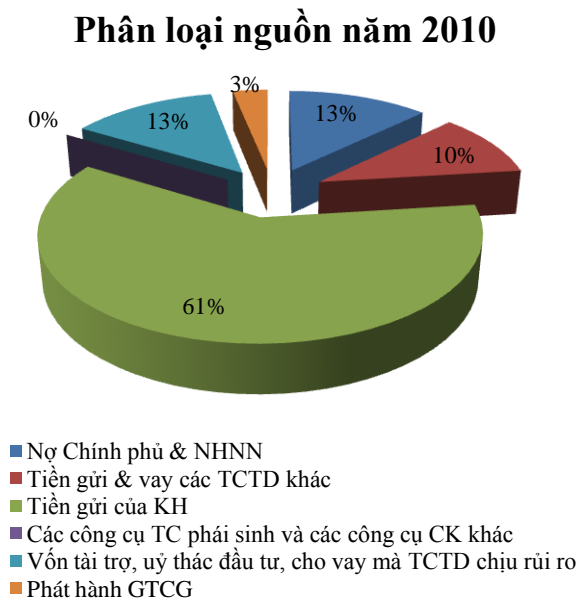
gửi, tiết kiệm lãi suất thả nổi, phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi v.v., phối hợp với các bộ phận chức năng khác để phát triển sản phẩm nhằm tăng cường khả năng huy động vốn.

- Áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt dựa trên yếu tố cung - cầu, cũng như lãi suất khác nhau giữa các chi nhánh của Ngân hàng. Vietinbank có hệ thống mạng lưới rộng khắp trên toàn quốc nên có thể khai thác tối đa lợi thế của từng vùng, miền để huy động và sử dụng vốn một cách có hiệu quả.

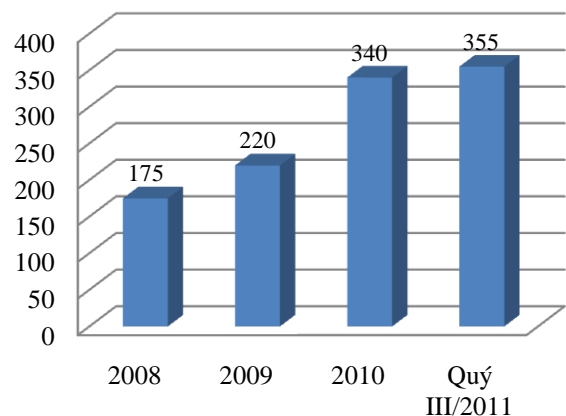
Nguồn vốn huy động của Ngân hàng bao gồm:

- Các khoản nợ Chính phủ và NHNN
- Tiền gửi và vay các TCTD khác
- Tiền gửi của Khách hàng
- Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác
- Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro
- Phát hành Giấy tờ có giá

Hình 6: Phân tích hoạt động huy động vốn thời kỳ 2008 - 2010



Nguồn vốn huy động các năm (2008 - Quý III/2011)
Đơn vị: nghìn tỷ đồng



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 và Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Bảng 4: Cơ cấu huy động vốn của VietinBank

Chỉ tiêu	2008		2009		2010		QIII/2011	
	triệu VND	%	triệu VND	%	triệu VND	%	triệu VND	%
Các khoản nợ Chính phủ & NHNN	769.677	0,4	13.718.689	6,2	43.220.678	12,7	25.653.314	7,2
Tiền gửi và vay các TCTD khác	8.824.710	5,0	15.012.157	6,8	35.096.726	10,3	41.426.207	11,7
Tiền gửi của KH	121.634.466	69,5	148.374.599	67,3	205.918.705	60,6	223.403.322	63,0
Các công cụ TC phái sinh & các công cụ TC khác		0,0	220.091	0,1	-	-	-	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	40.217.706	23,0	34.525.002	15,7	44.734.885	13,2	50.172.017	14,2
Phát hành Giấy tờ có giá	3.459.121	2,0	8.585.257	3,9	10.728.283	3,2	13.858.972	3,9
Tổng cộng	174.905.680	100,0	220.435.795	100,0	339.699.277	100,0	354.513.832	100,0

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 và Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Vay Ngân hàng Nhà nước:

Bảng 5: Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Chỉ tiêu	2008		2009		2010		Quý III/2011	
	triệu VND	%	triệu VND	%	triệu VND	%	triệu VND	%
Vay hỗ trợ các khoản nợ khoanh cho DNNN bằng VND	-	-	-	-	-	-	-	-
Vay hỗ trợ nạn nhân bị thiên tai	-	-	-	-	-	-	-	-
Vay hỗ trợ các DNNN	43.547	41,88	16.879	0,13	15.606	0,04	-	-
Vay thực hiện dự án Hiện đại hóa ngân hàng bằng ngoại tệ	60.444	58.12	55.359	0,42	49.430	0,12	44.066	0,18
Vay thương mại bằng VND	-	-	-	-	-	-	3.201	0,01
Vay theo hồ sơ tín dụng	-	-	-	-	32.000.000	74,82	25.000.000	99,81
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các GTCG	-	-	13.003.510	99,45	10.702.164	25,02	-	-
Tổng	103.991	100	13.075.748	100	42.767.200	100	25.047.267	100

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Bảng 6: Tiền gửi của khách hàng

	2008		2009		2010		QIII /2011	
	triệu VND	%	triệu VND	%	triệu VND	%	triệu VND	%
Tiền gửi không kỳ hạn	25.714.122	21,1	35.584.000	24,0	40.594.128	19,7	33.031.567	14,8
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	22.819.421	18,8	31.911.986	21,5	33.698.994	16,4	26.806.235	12,0
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	185.771	0,2	185.004	0,1	209.839	0,1	-	-
Tiền gửi không kỳ hạn bằng Ngoại tệ	2.689.947	2,2	3.470.021	2,3	6.668.179	3,2	6.225.332	2,8
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng Ngoại tệ	18.983	0,0	16.989	0,0	17.116	0,0	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	92.359.117	76,0	105.915.064	71,4	156.244.235	75,9	182.113.514	81,5
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	22.866.272	18,8	28.710.857	19,4	52.323.877	25,4	160.842.021	72,0
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	49.513.818	40,7	56.101.145	37,8	85.010.658	41,3	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn bằng Ngoại tệ	6.280.258	5,2	7.112.136	4,8	3.007.059	1,5	21.271.493	9,5
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng Ngoại tệ	13.698.769	11,3	13.990.926	9,4	15.902.641	7,7	-	-
Tiền gửi vốn chuyên dụng	381.773	0,3	1.140.121	0,8	1.406.048	0,7	1.390.395	0,6
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng VND	270.352	0,2	605.068	0,4	795.343	0,4	-	-
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng Ngoại tệ	111.421	0,1	535.053	0,4	610.705	0,3	-	-
Tiền gửi ký quỹ	2.824.594	2,3	4.952.377	3,3	6.222.811	3,0	6.867.845	3,1
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	2.085.590	1,7	4.055.112	2,7	4.169.888	2,0	-	-
Tiền gửi ký quỹ bằng Ngoại tệ	739.004	0,6	897.265	0,6	2.052.923	1,0	-	-
Các khoản phải trả KH khác	255.393	0,2	783.037	0,5	1.451.483	0,7		
TỔNG CỘNG	121.534.999	100,0	148.374.599	100,0	205.918.705	100,0	223.403.322	100,0

- Khoản vay bằng ngoại tệ để thực hiện Dự án hiện đại hoá Ngân hàng và Hệ thống Thanh toán là khoản vay được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới thông qua NHNN để thanh toán cho nhà cung cấp Hệ thống Công nghệ Thông tin của VietinBank. Các khoản vay này có

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

thời hạn là 20 năm và có lãi suất từ 2,33%/năm đến 3,44%/năm (được tính bằng LIBOR 6 tháng + 1,50%/năm (chênh lệch) + 0,2%/năm (phí dịch vụ));

- Vay để hỗ trợ các khoản nợ khoanh là các khoản vay từ NHNN nhằm giảm bớt áp lực tài chính do tiến hành khoanh nợ đối với các khoản cho vay theo hướng dẫn của Chính phủ. Các khoản vay này không chịu lãi suất và có thể được gia hạn theo tình hình thu nợ thực tế. NHNN sẽ quyết định giải pháp cho các khoản nợ khoanh sau thời gian được khoanh (thông thường từ 3 đến 5 năm) theo từng trường hợp cụ thể;
- Vay tái cấp vốn là khoản vay được cầm cố bằng hồ sơ tín dụng và giấy tờ có giá với mục đích bù đắp thiếu hụt nguồn vốn ngắn hạn để đảm bảo khả năng thanh khoản và đáp ứng nhu cầu cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, thời hạn 90 ngày và lãi suất từ 8% đến 9%/năm.
- Nhằm giảm bớt áp lực về tình hình thanh khoản tại thời điểm cuối năm, VietinBank tiến hành vay chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá với NHNN với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất 10%/năm.

Tiền gửi của khách hàng

Mức tăng trưởng tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam qua các năm 2008, 2009 lần lượt là 7.93% và 22.11%. Tính đến thời điểm 31/12/2010, tiền gửi của khách hàng đạt 205.919 tỷ đồng, tăng 38,64% so với 148.530 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2009, trong đó có sự đóng góp lớn của tăng trưởng tiền gửi có kỳ hạn bằng cả VND và ngoại tệ.

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 và BCHN Quý III/2011 của VietinBank)

Ghi chú: Kể từ năm 2010, khoản “Chuyển tiền phải trả” được xếp vào mục “Các khoản nợ khác” trong BCTC kiểm toán của VietinBank, thay vì nằm trong mục “Tiền gửi của Khách hàng” như trước đây.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tiền gửi của các tổ chức cá nhân chiếm tỷ trọng lớn nhất với khoảng 52% tổng lượng tiền gửi. Thứ 2 là tiền gửi của tổ chức kinh tế đạt 48% tổng tiền gửi.

Theo xu hướng phát triển kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm, VietinBank đã và đang đa dạng hoá các sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn, linh hoạt theo nhu cầu của khách hàng, đảm bảo tính hấp dẫn, cạnh tranh, do đó tỷ lệ tiền gửi bằng VND và ngoại tệ tại VietinBank ngày càng tăng lên (đặc biệt là tiền gửi có kỳ hạn). Hiện nay, VietinBank là ngân hàng trong nhóm dẫn đầu về nguồn tiền gửi nội tệ.

Theo các quy định của NHNN, VietinBank phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới hình thức dự trữ bắt buộc. VietinBank đã tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN về tính toán và duy trì dự trữ bắt buộc tại NHNN.

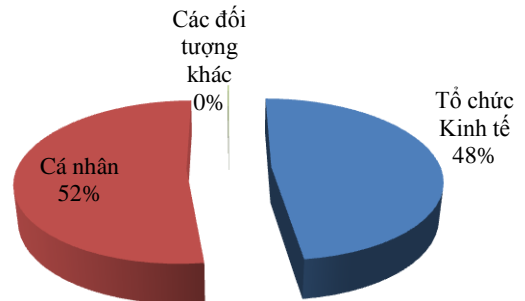
Để tăng cường bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, VietinBank đã tham gia mua bảo hiểm tiền gửi bằng VND tại Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam - Một tổ chức tài chính trực thuộc Chính phủ.

6.1.2. Hoạt động tín dụng

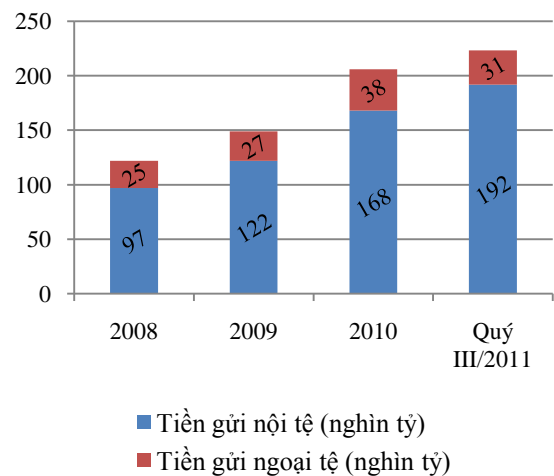
a. Quy mô hoạt động tín dụng

Cùng với sự tăng trưởng mạnh của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong thời gian gần đây, VietinBank đạt tốc độ tăng trưởng mạnh về tài sản. Từ năm 2003 đến cuối năm 2010, tổng tài sản của VietinBank đã tăng gần 4 lần, từ 94.979 tỷ đồng lên 367.712 tỷ đồng. Sự tăng

Hình 7: Cơ cấu tiền gửi năm 2010



Cơ cấu tiền gửi theo đồng tiền năm 2008-Quý III/2011

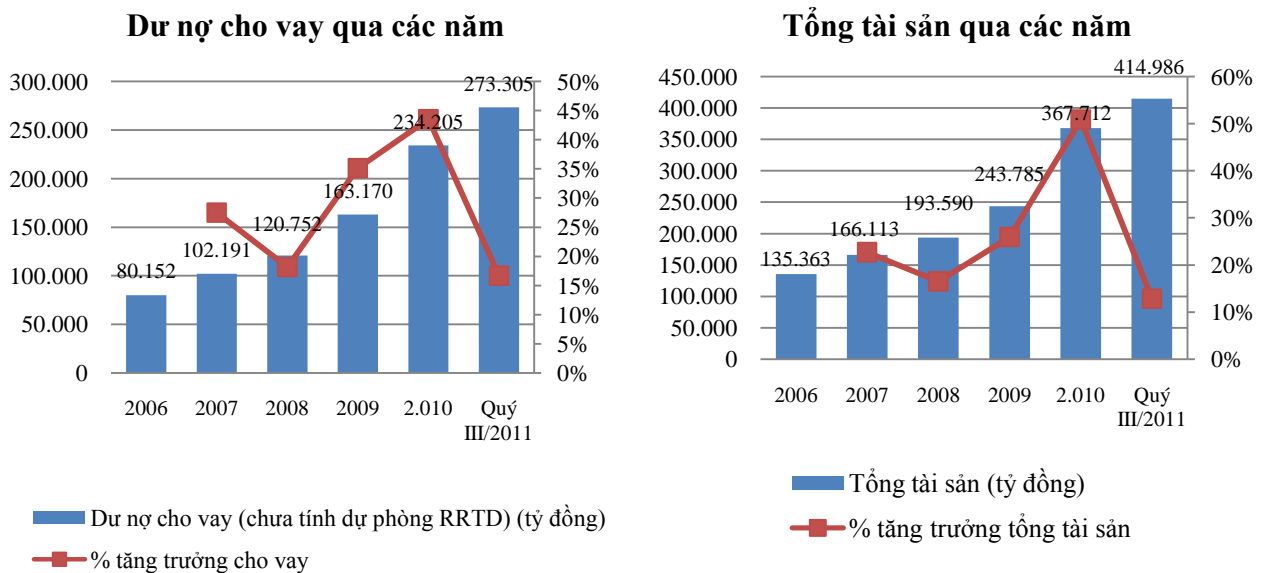


Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 và BCHN Quý III/2011 của VietinBank

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

trường này chủ yếu là do tăng dư nợ cho vay từ 61.752 tỷ đồng năm 2003 lên 234.205 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 31/12/2010.

Hình 8: Tốc độ tăng trưởng tài sản và dư nợ cho vay



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2007, 2008, 2009, 2010 và Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank

Kể từ khi thành lập, hoạt động cho vay là phần trọng tâm trong chiến lược kinh doanh của VietinBank. Tuy nhiên, kể từ năm 2005 tỷ trọng dư nợ cho vay trên tổng tài sản giảm, từ mức trên 75% vào cuối năm 2005 xuống còn 63.5% vào cuối năm 2010. Tỷ trọng dư nợ cho vay trên tổng tài sản của VietinBank giảm do nhiều nguyên nhân, mà chủ yếu là do VietinBank có chiến lược chuyển dịch cơ cấu hoạt động trực tiếp sang kinh doanh dịch vụ - phù hợp với thông lệ quốc tế và hoạt động của ngân hàng hiện đại.

Mặt khác, VietinBank đã nhận thức rõ việc quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay và điều hành hoạt động tín dụng sát hơn với các quy định quốc tế cũng như các quy định của NHNN về quản trị rủi ro, về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, đảm bảo tỷ lệ an toàn trong hoạt động. VietinBank đã nỗ lực xây dựng các hệ thống chính sách, quản lý và theo dõi, đảm bảo cho các khoản vay được kiểm soát chặt chẽ, an toàn và hiệu quả với chiến lược là củng cố và nâng cao chất lượng tín dụng.

Những năm gần đây, tỷ trọng dư nợ cho vay trên tổng tài sản có sinh lời giảm, trong khi các hoạt động dịch vụ của ngân hàng như: hoạt động kinh doanh nguồn vốn, chuyển tiền kiều hối, bảo lãnh và tái bảo lãnh, tài trợ thương mại v.v. tăng mạnh. Trong tương lai, các hoạt động tài chính ngoài cho vay như tiền gửi và đầu tư dự kiến sẽ đóng vai trò quan trọng trong

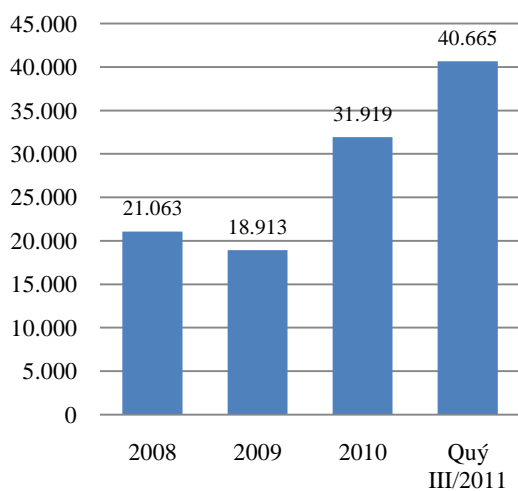
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

việc đa dạng hoá danh mục đầu tư, giảm thiểu rủi ro cũng như đảm bảo tính thanh khoản của VietinBank.

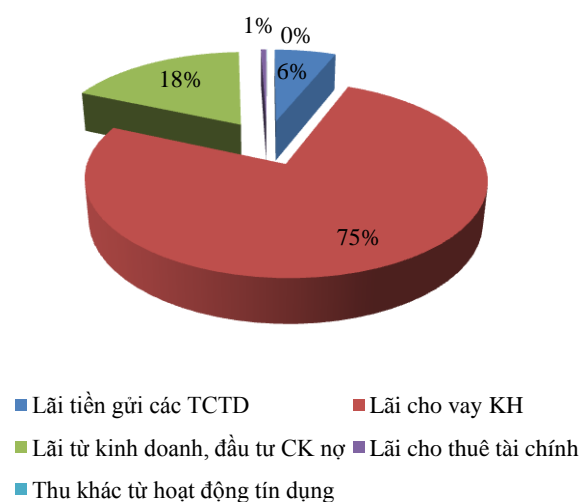
b. *Hiệu quả của hoạt động tín dụng*

Thu nhập lãi và thu nhập lãi thuần từ hoạt động cho vay tăng trưởng mạnh qua các năm:

Hình 9: Thu nhập lãi từ cho vay khách hàng và các khoản thu nhập tương tự thời kỳ 2008-Quý III/2011 (tỷ đồng)



Hình 10: Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự năm 2010



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 và Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank

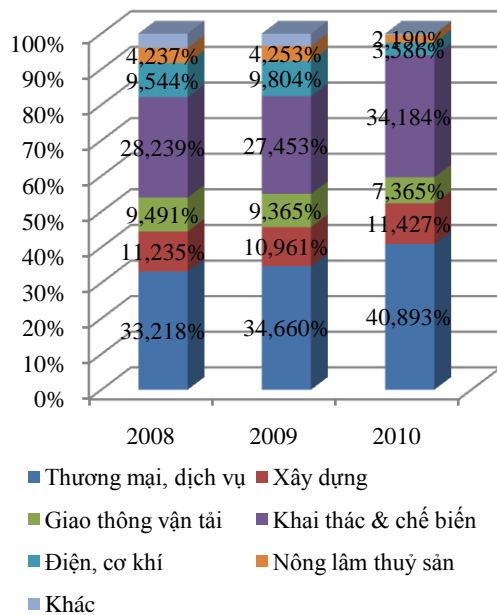
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ hoạt động cho vay trong năm 2010 đạt mức 31.919 tỷ đồng, tăng 73% so với năm 2009

c. *Cơ cấu dư nợ*

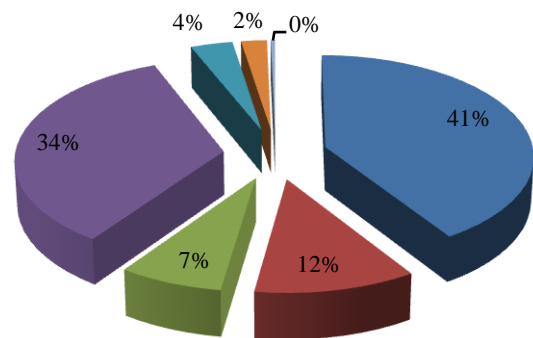
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Hình 11: Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế

Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế giai đoạn 2008 - 2010



Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế năm 2010



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 của VietinBank

Sự phát triển của danh mục tín dụng theo ngành hàng phản ánh tình hình phát triển kinh tế chung của đất nước. Dư nợ tín dụng của VietinBank đối với các ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 7% tổng dư nợ tín dụng năm 2004 và giảm xuống còn 2,19% năm 2010. Trong năm 2010, dư nợ tín dụng của ngành thương mại và dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất với 40,89%, tiếp đến là ngành công nghiệp chế biến và sản xuất chiếm tỷ trọng 34,18%. Xu thế này phù hợp với chiến lược tín dụng của VietinBank giai đoạn sắp tới - tập trung vào các ngành đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam đó là: Thương mại, Sản xuất và Chế biến, Xây dựng, Điện, Năng lượng và Dầu khí, Viễn thông.

Ngoài ra, hầu hết các chi nhánh của VietinBank được đặt tại trung tâm các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu đô thị lớn nên thế mạnh của Ngân hàng là tập trung tín dụng vào các ngành hàng này. Chiến lược tín dụng của VietinBank tới năm 2011 là hạn chế tín dụng đối với các ngành đã phát triển đến giai đoạn bão hòa và kém cạnh tranh trong nền kinh tế hội nhập của Việt Nam.

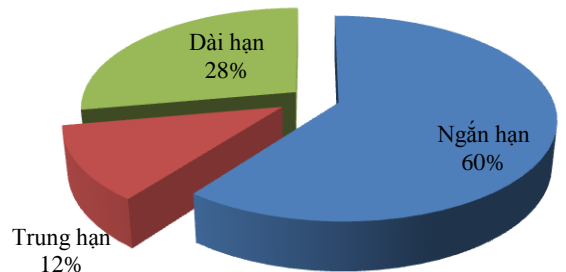
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Trong năm 2010, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu nợ của Vietinbank với 60%, cao hơn so với tỷ trọng 57,2% tổng dư nợ trong năm 2009.

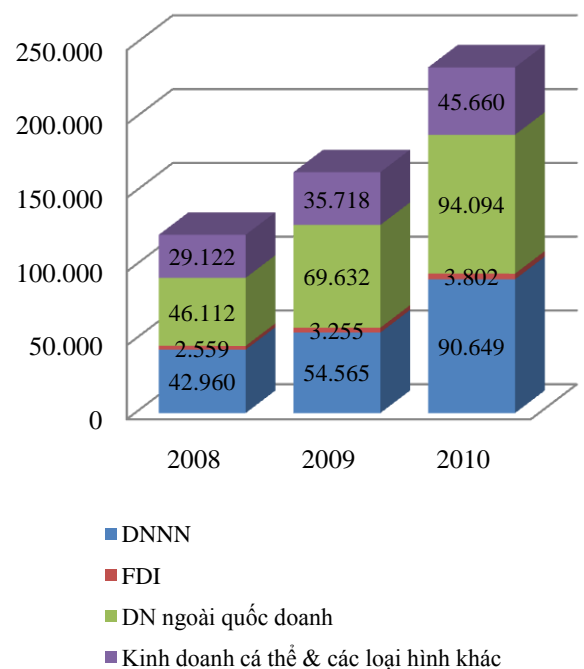
Đa dạng hoá danh mục tín dụng theo thành phần kinh tế cũng đã được chú trọng. Năm 2004, khách hàng truyền thống của VietinBank chủ yếu là các DNNN (chiếm khoảng 45% dư nợ tín dụng) gồm nhiều doanh nghiệp Nhà nước địa phương. Tuy nhiên, năm 2005, các khoản tín dụng DNNN giảm còn 38%, tín dụng đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty tư nhân tăng lên 46%. Xu thế này tiếp tục phát triển trong năm 2010, trong đó cho vay DNNN (trong đó bao gồm cả các công ty cổ phần Nhà nước và công ty TNHH Nhà nước) chỉ chiếm 39% tổng dư nợ, cá nhân và các loại khác chiếm 19%. Chiếm khoảng 42%, phần còn lại là doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và tổ chức kinh tế tập thể.

Yếu tố chính dẫn đến sự thay đổi này là do chiến lược tín dụng của VietinBank có sự thay đổi cho phù hợp với diễn biến chung của nền kinh tế, nhằm tăng hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro.

Hình 12: Cơ cấu dư nợ 2010 theo kỳ hạn



Hình 13: Cơ cấu dư nợ thời kỳ 2008 – 2010 theo loại hình DN



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 của VietinBank

Tín dụng doanh nghiệp

Hoạt động kinh doanh chính của VietinBank là cung cấp tín dụng cho khách hàng là doanh nghiệp. Từ hoạt động tín dụng truyền thống là cho vay công nghiệp, thương nghiệp, VietinBank đã mở rộng sản phẩm tín dụng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có nhu cầu vay vốn để sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ và đầu tư phát

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

triển. VietinBank không chỉ chú trọng đến các doanh nghiệp lớn có các dự án trọng điểm, an toàn, có hiệu quả và có khả năng trả nợ tốt, mặt khác để phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, VietinBank cũng rất chú trọng phát triển sản phẩm tín dụng đối với khối các DN VVN.

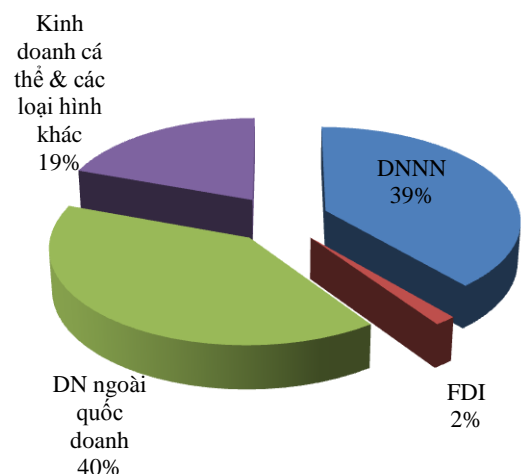
Các khách hàng lớn của VietinBank bao gồm các Tập đoàn và Tổng Công ty như: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia (Petro Việt Nam), Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam, Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, Tổng công ty Thép, Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Vinaconex, Tổng công ty Xăng dầu (Petrolimex), Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam v.v.

Các dự án tín dụng lớn VietinBank đã ký kết trong năm 2010: Dự án Mở rộng sản xuất giai đoạn II Công ty CP Gang thép Thái Nguyên 1.863 tỷ đồng; Dự án Trụ sở chính Tổng công ty Vinaconex 361 tỷ đồng, Dự án Thủy điện Sông Bung (6) 272 tỷ đồng; Dự án Phát triển mỏ Đại Hùng của Tổng công ty Thăm dò & Khai thác Dầu khí 200 triệu USD; Dự án phân đạm Hà Bắc 222 triệu USD đồng tài trợ với NH Á Châu (ACB), NH Indovina và Cathay United Bank, Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất 200 triệu USD; Dự án tổ hợp Boxit nhôm Lâm Đồng trị giá 72 triệu USD,...

Với định hướng phát triển nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, ngay từ năm 2003, VietinBank đã thành lập bộ phận chuyên trách phục vụ khách hàng DN VVN xuyên suốt từ Trụ sở chính tới các chi nhánh. Đồng thời VietinBank cũng rất chú trọng việc phát triển sản phẩm dịch vụ phù hợp với các DN VVN. Ngoài các sản phẩm dịch vụ áp dụng với mọi đối tượng khách hàng, bằng nguồn vốn tự huy động hoặc kết hợp với các nguồn vay quốc tế.

VietinBank thực hiện chính sách không phân biệt đối với mọi qui mô doanh nghiệp, loại hình, thành phần kinh tế. Bên cạnh đó, để thu hút và giữ vững các khách hàng tốt, NHCT đã thực hiện nhiều hoạt động hỗ trợ triển khai nhiều sản phẩm dịch vụ phi tài chính như cung

Hình 14: Cơ cấu dư nợ 2010 theo loại hình DN



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2010 của VietinBank

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

cấp thông tin, tư vấn, đào tạo, tổ chức hội nghị, hội thảo, hỗ trợ khách hàng tham gia các sự kiện v.v. miễn phí cho DNVVN. Ngân hàng cũng đã khai thác nhiều nguồn vốn ưu đãi của các tổ chức trong và ngoài nước như SMEDF, JBIC, KFW..., phối kết hợp với nguồn vốn thương mại của VietinBank thiết kế nhiều sản phẩm tín dụng dành riêng cho DNVVN. VietinBank là NHTM duy nhất được lựa chọn quản lý 2 quỹ bảo lãnh tín dụng dành cho DNVVN và là Ngân hàng có Website riêng phục vụ đối tượng khách hàng này (<http://www.vietinbank.vn/sme>). Với nỗ lực phát triển khách hàng DNVVN, VietinBank được Chính Phủ, Ngân hàng Nhà nước, Cục Phát triển DNVVN - Bộ KHĐT, các đối tác các Tổ chức trong và ngoài nước như Bộ Tài chính, NHNN, Hiệp hội DNVVN, các đối tác v.v. ghi nhận là tổ chức luôn đi tiên phong trong phục vụ các DNVVN. VietinBank hiện là đại diện Việt Nam duy nhất ký kết thoả thuận với các tổ chức tài chính APEC vì sự phát triển của DNVVN, đồng thời tham gia Ban chấp hành và ký Thoả thuận hợp tác với các Hiệp hội DNVVN Việt Nam, Hiệp hội các DNVVN Công thương để tạo tiền đề phát triển nhóm khách hàng này.

Tín dụng doanh nghiệp của VietinBank chủ yếu là bằng VND, phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp và nền kinh tế cũng như chính sách quản lý ngoại hối của NHNN. VietinBank đã cung cấp các sản phẩm tín dụng đa dạng cho doanh nghiệp bao gồm:

- **Cho vay từng lần:** VietinBank áp dụng phương thức cho vay từng lần cho mọi khách hàng có nhu cầu vay vốn khi khách hàng đáp ứng được các điều kiện vay vốn theo quy định của Pháp luật và quy chế nội bộ của Ngân hàng. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhu cầu vay vốn của khách hàng v.v. khách hàng sẽ được cấp cho một khoản tín dụng cụ thể, trong một khoảng thời gian nhất định.
- **Cho vay theo hạn mức tín dụng:** phương thức này được áp dụng đối với khách hàng vay có nhu cầu vay vốn thường xuyên, có uy tín trong quan hệ thanh toán, tín dụng với Ngân hàng, sản xuất kinh doanh ổn định, mặt hàng đa dạng. Căn cứ vào phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, nhu cầu vay vốn của khách hàng, tài sản bảo đảm tiền vay, NHCT và khách hàng xác định và thoả thuận một hạn mức tín dụng duy trì trong thời hạn nhất định hoặc theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh.
- **Cho vay theo dự án đầu tư:** VietinBank cho khách hàng vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các dự án đầu tư phục vụ đời sống.
- **Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng:** Phương thức cho vay này áp dụng đối với khách hàng có nhu cầu dự phòng nguồn vốn tín dụng trong một khoảng thời gian nhất định nhằm đảm bảo khả năng chủ động về tài chính khi thực hiện sản xuất kinh doanh,

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

dịch vụ, đời sống. Trong thời hạn hiệu lực rút vốn của hợp đồng khách hàng phải trả phí cam kết theo mức quy định của VietinBank.

- **Cho vay hợp vốn (đồng tài trợ):** VietinBank cùng một hoặc một số tổ chức tín dụng khác thực hiện cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của khách hàng; trong đó, VietinBank hoặc một tổ chức tín dụng khác làm đầu mối đàm xếp. Cho vay hợp vốn được thực hiện theo quy chế đồng tài trợ của NHNN và hướng dẫn của VietinBank.

Ngoài ra, tùy theo nhu cầu của khách hàng và thực tế phát sinh, VietinBank sẽ xem xét cho vay theo các phương thức khác phù hợp với đặc điểm hoạt động trong từng thời kỳ và không trái với quy định của pháp luật như cho vay trả góp, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, vay VND lãi suất USD, vay bảo đảm bằng bộ chứng từ xuất khẩu, vay thấu chi, nhận ủy thác cho vay, các sản phẩm bảo lãnh, chiết khấu, đồng tài trợ v.v.

Tín dụng cá nhân

VietinBank cấp cho khách hàng cá nhân nhiều loại sản phẩm tín dụng, bao gồm chủ yếu hai nhóm sản phẩm:

- **Cho vay sản xuất kinh doanh, dịch vụ và đầu tư phát triển:** bao gồm cho vay cá nhân, hộ gia đình sản xuất kinh doanh, xây dựng thương mại, đầu tư, dài hạn, cho vay nông nghiệp và phát triển nông thôn ...
- **Cho vay tiêu dùng:** mua nhà, xây dựng và sửa chữa nhà, mua ô tô, du học, chữa bệnh...

Các phương thức cho vay cũng rất linh hoạt, bao gồm cho vay từng lần, cho vay theo dự án đầu tư, cho vay trả góp v.v. Khách hàng chủ yếu là những người tiêu dùng có mức sống khá và CBCNV có mức thu nhập cao.

Theo số liệu thống kê 31/12/2010 của VietinBank, dư nợ cho vay khách hàng cá nhân chiếm khoảng 19,37% trong tổng dư nợ. Trong giai đoạn hiện nay, đây chưa phải lĩnh vực kinh doanh trọng tâm trong chiến lược tín dụng của VietinBank.

Chính sách tín dụng

Chính sách tín dụng của VietinBank thực hiện theo cơ chế thị trường, tín dụng trên cơ sở an toàn, hiệu quả, xếp hạng khách hàng, không phân biệt thành phần kinh tế. Chính sách tín dụng của VietinBank phù hợp với các quy định của pháp luật và từng bước hướng tới chuẩn mực quốc tế, dẫn dắt hoạt động tín dụng theo mục tiêu, định hướng đặt ra của VietinBank và dành ưu đãi về giới hạn tín dụng, lãi suất cho các khách hàng chiến lược.

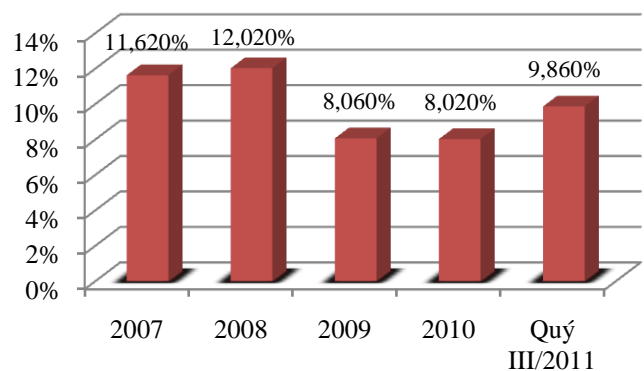
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

VietinBank đã hoàn thiện, ban hành lại và ban hành mới đầy đủ hệ thống các văn bản, cơ chế nghiệp vụ tín dụng, qui định cụ thể hóa các điều kiện lựa chọn khách hàng, cấp tín dụng, quy trình cho vay bảo lãnh, quy trình nhận và xử lý tài sản đảm bảo, triển khai thực hiện theo tiêu chuẩn ISO 9001. Hiện nay VietinBank đã có bộ phận chuyên trách soạn thảo và ban hành các cơ chế, quy trình, quy định tín dụng và thường xuyên bổ sung chỉnh sửa để đảm bảo ngày càng phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường.

d. Mức độ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn (Capital Adequacy Ratio – CAR) là một chỉ tiêu quan trọng phản ánh năng lực tài chính của các ngân hàng. Chỉ tiêu này được dùng để xác định khả năng của ngân hàng trong việc thanh toán các khoản nợ có thời hạn và đối mặt với các rủi ro khác như rủi ro tín dụng, rủi ro vận hành.

Hình 15: Tỷ lệ an toàn vốn 2007-QIII/2011



Nguồn: VietinBank

$$CAR = [(Vốn cấp I + Vốn cấp II) / (Tài sản đã điều chỉnh rủi ro)] * 100\%$$

Đây cũng là một trong 5 tiêu chuẩn quan trọng nhất mà các ngân hàng thương mại phải đáp ứng để đảm bảo an toàn hoạt động, theo định hướng quản lý rủi ro của Ngân hàng Nhà nước theo từng thời kỳ (4 tiêu chuẩn còn lại bao gồm yêu cầu vốn tự có, tỷ lệ khả năng chi trả (thanh khoản), giới hạn cho vay và bảo lãnh thương mại, giới hạn sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn).

Theo Quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ban hành ngày 20/05/2010 về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng, trừ chi nhánh ngân hàng nước ngoài, phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 9% trên cơ sở hợp nhất vốn, tài sản của tổ chức tín dụng và công ty trực thuộc. Tuy nhiên, trên thế giới, việc áp dụng hệ số an toàn vốn tối thiểu hiện phổ biến theo tiêu chuẩn của Basel II với mức 12%.

e. Phân loại nợ và rủi ro tín dụng

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

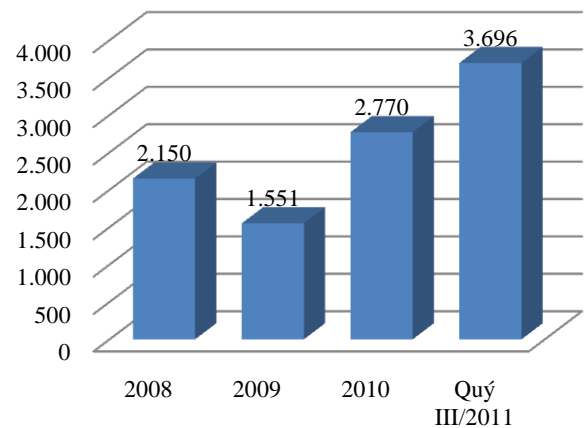
Việc phân loại các khoản nợ ở VietinBank tuân theo quy định của NHNN, theo đó các khoản nợ được xếp vào 5 nhóm: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ, và Nợ có khả năng mất vốn. Việc phân loại nợ theo khách hàng, mỗi khách hàng chỉ thuộc duy nhất một nhóm nợ (bao gồm cả các cam kết ngoại bảng) và tất cả các khoản nợ đều phải phân loại vào nhóm của khoản nợ có trạng thái nợ xấu nhất. Việc trích dự phòng rủi ro có loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

Tất cả các khoản nợ đều được theo dõi chặt chẽ, đồng thời trên hồ sơ giấy và hồ sơ máy. Hàng ngày, hệ thống phần mềm (BDS) sẽ tự động thông báo cho các cán bộ tín dụng về các khoản nợ đến hạn các khoản nợ sắp đến hạn và các khoản nợ quá hạn. Cán bộ tín dụng sẽ liên hệ yêu cầu khách hàng thanh toán phần gốc và lãi đến hạn cũng như đôn đốc khách hàng trả các khoản nợ quá hạn. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ, hệ thống sẽ tự động chuyển khoản nợ sang nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn theo quy định.

Các khoản nợ thuộc nhóm Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là các khoản nợ xấu (NPL), Phòng Quản lý nợ có vấn đề quản lý, theo dõi hàng ngày tình hình các khoản nợ cần chú ý, các khoản nợ xấu, đề xuất trình Ban lãnh đạo các biện pháp xử lý thu hồi nợ.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007 bổ sung sửa đổi Quyết định 493, VietinBank thực hiện trích lập dự phòng cụ thể và dự phòng chung cho từng nhóm nợ như sau: dự phòng cụ thể được tính bằng dư nợ đã loại trừ giá trị tài sản bảo đảm khấu trừ nhân với tỷ lệ rủi ro tương ứng của từng nhóm nợ, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể, và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm.

Hình 16: Quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng 2008 – Quý III/2011



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 & Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: %

Bảng 7: Tỷ lệ trích dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của NHNN Việt Nam

Nhóm nợ	Tỷ lệ trích dự phòng cụ thể	Tỷ lệ trích dự phòng chung
1. Nợ đủ tiêu chuẩn	0%	0,75%
2. Nợ cần chú ý	5%	0,75%
3. Nợ dưới tiêu chuẩn	20%	0,75%
4. Nợ nghi ngờ	50%	0,75%
5. Nợ có khả năng mất vốn	100%	0,00%

Nguồn: theo quy định của NHNN về trích lập dự phòng

Theo Đề án tái cơ cấu của VietinBank (VietinBank bắt đầu tái cơ cấu về tài chính vào 31/12/2000) tổng nợ tồn đọng cần xử lý là 9.485 tỷ đồng, chiếm 27% giá trị các khoản vay. Số nợ tồn đọng phát sinh sau đó là 529 tỷ đồng. Sau 5 năm thực hiện tái cơ cấu, VietinBank đã xử lý được 9.762 tỷ đồng nợ tồn đọng, đạt 102,9% kế hoạch của Đề án xử lý nợ tồn đọng. VietinBank đã hoàn thành đề án xử lý nợ tồn đọng được Thủ tướng Chính phủ và Thống đốc NHNN phê duyệt. Tỷ lệ nợ xấu của VietinBank tại 31/12/2006 là 1,41%, 2,3% và 1,82% vào thời điểm cuối năm 2007 và 2008 cho thấy tình hình quản lý nợ xấu của VietinBank đã được cải thiện. Đặc biệt, trong năm 2009 và 2010, tỷ lệ nợ xấu của VietinBank chỉ ở mức lần lượt là 0,61% và 0,66%, thấp nhất trong hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Đơn vị tính: triệu đồng

Bảng 8: Phân loại nợ năm 2010 và Quý III/2011

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	Quý III/2011
Nợ đủ tiêu chuẩn	114.596.417	160.509.665	230.266.753	265.658.777
Nợ cần chú ý	3.968.311	1.660.011	2.399.518	3.714.119
Nợ dưới tiêu chuẩn	846.985	230.305	924.605	1.408.448
Nợ nghi ngờ	803.542	332.955	410.692	825.522
Nợ có khả năng mất vốn	536.818	437.549	203.241	1.697.716
Tổng	120.752.073	163.170.485	234.204.809	273.304.582

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008, 2009, 2010 và Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Bảng 9: Tổng hợp các dự án đã cấp tín dụng và cho vay đồng tài trợ tính đến 30/9/2011

	Tên dự án	Số tiền cam kết đã thẩm định & ký kết cấp tín dụng	Đơn vị đồng tài trợ
1	Dự án phát triển mỏ Đại Hùng - TCT Thăm dò và KT Dầu khí	200 triệu USD	
2	Dự án đầu tư cảng Gemalink - CTCP Cảng Gemadept - Terminal Link	225,615 triệu USD	Đang mời Đồng tài trợ
3	Nhà máy phân đạm Hà Bắc	222 triệu USD (ĐTT), NHCT cho vay 92 triệu USD	Indovina, Cathay United Bank, ACB
4	Dự án đầu tư tàu FPSO phục vụ mỏ Chim Sáo	68 triệu USD	SeaBank, Indovina, Shinhanvina, PVFC, Cathay United
5	Cty CP gỗ MDF VRG Dongwha	55,4 triệu USD	
6	DA đầu tư mua tàu Nord Brave - Vinalines	30 triệu USD	
7	Dự án xây dựng mạng 3G	63.272.000 USD	
8	Dự án đầu tư mua (đóng mới) giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD)	40 triệu USD	NH Quân đội
9	Dự án kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong	29 triệu USD	PG Bank, Sacombank, NH Quân đội
10	Xây dựng Trung tâm thương mại siêu thị Tafoco	400 tỷ đồng	
11	Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Công ty CP gang thép Thái Nguyên	1.863 tỷ đồng	
12	Dự án The Bay Water - CTCP Xây dựng số 5	400 tỷ đồng	
13	Dự án Nhà máy xi măng Bình Phước	651 tỷ đồng	Sở Giao dịch II BIDV, BIDV CN Tây Ninh, BIDV CN Bình Phước, VietinBank CN TPHCM, VietinBank CN Bình Phước, Agribank CN HCM, Agribank CN Nhà Bè, Vietcombank CN Bình Dương
14	Dự án KCN Phước Đông Bời Lời	1.500 tỷ đồng	
15	Dự án Cityland Gò Vấp	900 tỷ đồng	

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

16		1.215 tỷ đồng
17	Dự án nhà máy thủy điện Sông Tranh 2 (vay vốn bổ sung)	575 tỷ đồng
18	DA lớp Radial công suất 600.000 lớp/năm- CTCP Cao su Đà Nẵng	1.849 tỷ đồng
19	Dự án XM Xuân Thành - Công ty TNHH Xuân Thành	1.000 tỷ đồng
20	DAĐT TTTM và văn phòng cho thuê 168 Nguyễn Đình Chiểu	600 tỷ đồng
21	Dự án dây chuyền II - Nhà máy xi măng Duyên Hà của Công ty TNHH Duyên Hà	314 tỷ đồng
22	DAĐT XD khu phức hợp khách sạn - TTTM- căn hộ cao cấp 117 Nguyễn Đình Chiểu, TP.HCM	400 tỷ đồng
23	DAĐT XD khu nhà ở cao tầng - văn phòng ngõ 102 đường Trường Chinh	308 tỷ đồng
24	DA KDC Cát Lái	500 tỷ
25	6 dự án của HTX Chiến Công	323 tỷ
26	Dự án nhà máy bột giấy Miền Trung	2.770 tỷ đồng
27	Dự án nhà máy giấy Miền Đông	1.340 tỷ đồng
28	Đoạn tránh thành phố Biên Hòa	582 tỷ đồng
29	Dự án Gang thép Lào Cai	2.200 tỷ đồng
30	xây dựng Dự án Trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp của VNF1 tại Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.	95 tỷ đồng
31	Dự án xây dựng khu căn hộ - thương mại phức hợp The Kingdom.	140 tỷ đồng
32	Dự án đầu tư khu nhà ở và văn phòng cho thuê tại 1 bis 1 kếp, Nguyễn Đình Chiểu, Đakao, Q1, TPHCM	200 tỷ đồng
33	Đầu tư xây dựng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	50 tỷ đồng
34	Đầu tư xây dựng tòa nhà Văn phòng ITD của Công ty CP công nghệ Tiên	60 tỷ đồng

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Phong		
35	Khu định cư Phong Phú 4	200 tỷ đồng
36	Khu dân cư Bến Lức giai đoạn 2	40 tỷ đồng
37	Dự án xe vận chuyển quặng trong nội bộ mỏ của Cty TNHH MTV Apatit Viet Nam	35 tỷ đồng
38	Dự án cung cấp trang thiết bị cho khu khám bệnh chất lượng cao của BV Đa khoa tỉnh Phú Thọ	31 tỷ đồng
39	Dự án mở rộng nâng công suất nhà máy đường An Khê từ 4.500 TMN lên 7.000 TMN	220 tỷ đồng
40	DA đầu tư nhà máy giấy Kraft công suất 45.000 tấn/năm do Công ty giấy Thành Bắc làm chủ đầu tư	236 tỷ đồng
41	Nhà máy gạch Granite	240 tỷ đồng
42	Thủy điện Sông Bung 6	272 tỷ
43	KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh	270 tỷ
44	Dự án Nhà máy Thép cán nguội	248 tỷ đồng
45	Dự án nhà máy bột giấy KonTum	276 tỷ đồng
46	Dự án đường dây 110kV đấu nối nhà máy nhiệt điện Nông Sơn vào lưới điện Quốc gia	23 tỷ đồng
47	Dự án 2 bơm 2 bể Công ty lọc hóa dầu Bình Sơn	200 tỷ đồng
48	DADT Khu đô thị mới Phú Mỹ	205 tỷ đồng
49	DA Bến số 10 - cảng Kỳ Hà của CTCP ô tô Trường Hải	210 tỷ đồng
50	Dự án Nhà máy ắc quy của Công ty TNHH Long Sơn	215 tỷ đồng
51	Dự án lốp xe tải radial do CTCP Cao su Miền Nam làm chủ đầu tư	100 tỷ đồng
52	Dự án đầu tư mua lại trại gà giống tại Tân Uyên - Bình Dương	28 tỷ đồng
53	Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng xây sẵn tại KCN Long Hậu	90 tỷ đồng
54	Dự án ĐTXD và KD hạ tầng kỹ thuật	100 tỷ đồng

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

KCN Hưng Phú 2B

55	DADT XD chung cư Thảo Điền	110 tỷ đồng
56	DA KCN Quê Võ mở rộng 66,8 ha	150 tỷ
57	Thủy điện Sông Tranh 3	200 tỷ
58	DA KCN Thuận Thành 3 - Cty CP Khai Sơn	100 tỷ
59	DA khu tái định cư Bình Minh	80 tỷ đồng
60	Mỏ đá xây dựng Tân Mỹ	103 tỷ đồng
61	Dự án Trụ sở chính Tổng công ty Vinaconex tại 34 Láng Hạ	361,55 tỷ đồng
62	Dự án mở rộng Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex	671 tỷ đồng

Nguồn: VietinBank

6.1.3. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

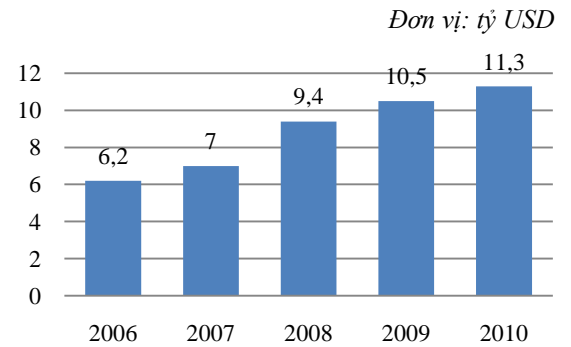
Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong năm 2010, tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam lần lượt đạt trên 72,2 tỷ USD (tăng 26,4% so với) và 84,8 tỷ USD (tăng 21,2%). Theo Báo cáo của Cục Đầu tư Nước ngoài, Tổng giá trị vốn ODA cam kết đạt 7,88 tỷ USD, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký trong năm 2010 đạt gần 18,59 tỷ USD. Đó là những điều kiện thuận lợi cho kinh doanh ngoại tệ.

Với thị trường trọng điểm là thị trường nội địa, các khách hàng chính của Vietinbank chủ yếu là các khách hàng có quan hệ kinh doanh xuất - nhập khẩu trong các lĩnh vực then chốt như Công nghiệp và Thương mại, Giao thông vận tải; Dầu và khí đốt; Điện, Bưu chính viễn thông; nông lâm, thủy hải sản. VietinBank đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu mua ngoại tệ của khách hàng, trong đó có Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Thép Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Minh Phú,...

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tổng doanh số mua bán ngoại tệ ở thị trường trong nước tăng trưởng dần qua các năm từ 2006 tới nay với tỷ lệ tăng bình quân hàng năm khoảng hơn 10%. Cụ thể, tổng doanh số mua bán ngoại tệ năm 2006 đạt 6,2 tỷ USD, năm 2007 đạt 7,0 tỷ USD (tăng 12%), năm 2008 đạt 9,4 tỷ USD (tăng mạnh lên 34%, do năm 2008 thị trường ngoại tệ có nhiều thuận lợi, nguồn cung ngoại tệ dồi dào, tỷ giá USD/VND ổn định), năm 2009 đạt 10,5 tỷ USD (tăng 12%) và năm 2010 đạt 11,3 tỷ USD (tăng gần 8%).

Hình 17: Doanh số mua bán ngoại tệ trong khu vực nội địa năm 2006 – 2010



Nguồn: VietinBank

Nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro một cách hợp lý, VietinBank đã đưa ra các hạn mức khác nhau, được áp dụng tại Trụ sở chính, bao gồm:

- Hạn mức dành cho đối tác
- Hạn mức để chặn thua lỗ
- Hạn mức dành cho mỗi nhân viên giao dịch tự doanh trên thị trường ngoại hối quốc tế.

Các hoạt động kinh doanh ngoại tệ của VietinBank do Phòng Kinh doanh Ngoại tệ thực hiện, và được hỗ trợ bởi các phòng ban nghiệp vụ khác. Tất cả các chi nhánh tuy không có phòng kinh doanh ngoại tệ riêng, nhưng đều được phép thực hiện các giao dịch mua bán ngoại tệ với các tổ chức và cá nhân, theo quy định của NHNN và VietinBank.

NHNN đã cấp phép cho các định chế tài chính cung cấp 4 hình thức kinh doanh ngoại hối, bao gồm: giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi và giao dịch quyền chọn. VietinBank đang thực hiện các hoạt động này đúng theo quy định của NHNN, đáp ứng được các nhu cầu về dịch vụ ngoại tệ của thị trường.

6.1.4. Hoạt động kinh doanh thẻ

VietinBank có kế hoạch trở thành ngân hàng phát hành thẻ hàng đầu Việt Nam bằng việc phát triển hoạt động kinh doanh thẻ với sự đa dạng về sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh với thương hiệu uy tín và phong cách chuyên biệt. Việc coi chi nhánh là kênh chủ lực, đồng thời phát triển mạnh các kênh gián tiếp và kênh tự động VietinBank chủ trương tăng cường phân phối các sản phẩm và dịch vụ thẻ tới khách hàng với việc coi chi nhánh là kênh chủ lực, đồng thời phát triển mạnh các kênh gián tiếp và kênh tự động.

Thẻ nội địa

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Thống kê đến cuối năm 2010, VietinBank đã phát hành mới được hơn 2.000.000 thẻ. Tính đến cuối năm 2010, số thẻ ghi nợ nội địa của Vietinbank đạt trên 5 triệu thẻ, chiếm 18% thị phần thẻ trong nước. Hoạt động kinh doanh thẻ thực sự trở thành một dịch vụ ngân hàng hiện đại mang tính nền tảng, là mũi nhọn cho chiến lược phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ, mở ra một hướng mới cho việc huy động vốn, giúp giảm lãi suất đầu vào cho VietinBank.

VietinBank hiện đang sở hữu mạng lưới ATM với hơn 1.829 máy, đặt tại trụ sở các chi nhánh, các phòng giao dịch của Ngân hàng, khu dân cư tập trung, cơ quan, trường học, v.v trên toàn quốc. Riêng trong năm 2010, có 5.181 POS được lắp mới; tính đến thời điểm cuối năm 2010, tổng số POS của VietinBank đạt 9.227, chiếm gần 19% thị phần. Thẻ E-Partner được cải tiến nhiều chức năng và tiện ích, đáp ứng ngày càng nhiều dịch vụ thông qua thẻ như tự động nhận tiền kiều hối qua thẻ, thanh toán tiền điện, cước viễn thông trực tuyến, mua các loại thẻ viễn thông trả trước của Vinaphone, Mobiphone v.v., gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại ATM, thanh toán vé tàu với Công ty Đường sắt Sài Gòn, Đường sắt Hà Nội tại các chi nhánh và ATM của VietinBank, tra cứu, thông báo biến động số dư tài khoản qua SMS, nạp tiền tài khoản viễn thông qua SMS (dịch vụ VNTopup) v.v.

Tính đến hết năm 2010, số dư tiền gửi đảm bảo thanh toán thẻ ATM đạt 2.570 tỷ đồng, tăng 24,4% so với năm 2009 và gấp đôi so với năm 2008.

Ngày 23/05/2008, hệ thống Banknetvn (gồm 14 ngân hàng với 3.480 máy ATM và 11.750 POS, chiếm gần 67% thị phần về máy ATM tại Việt Nam) đã kết nối thành công với hệ thống Smartlink. Trong giai đoạn đầu kết nối 2 liên minh thẻ này, VietinBank trở thành 1 trong 3 ngân hàng đầu tiên trong liên minh Banknetvn kết nối thành công với 2 ngân hàng trong liên minh Smartlink (gồm Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam). Với việc kết nối thành công này, chủ thẻ E-partner của VIETINBANK không chỉ thực hiện giao dịch được tại hệ thống các ATM của các ngân hàng trong liên minh Banknetvn mà còn thực hiện được giao dịch tại hệ thống ATM của 2 ngân hàng trong liên minh Smartlink với hơn 3.600 máy trên toàn quốc và 90% thị phần thẻ trên thị trường thẻ Việt Nam. Trong thời gian tới VietinBank dự định sẽ liên thông Banknet với một tổ chức thẻ của Trung Quốc thông qua liên kết của SmartLinkk với tổ chức này.

Thẻ quốc tế

Tính đến hết năm 2010, VietinBank đã phát hành được hơn 120.000 thẻ Cremium (thẻ tín dụng quốc tế VISA, MasterCard), trong đó phát hành mới riêng năm 2010 đạt khoảng 100.000 thẻ, gấp 5 lần tổng số thẻ tín dụng quốc tế phát hành được trong những năm trước đó, hoàn thành kế hoạch đặt ra cho năm 2010. VietinBank đặt kế hoạch phát hành thêm 2 triệu thẻ ghi nợ và 100.000 thẻ tín dụng quốc tế trong năm 2011; tính đến thời điểm cuối tháng 05/2011 VietinBank đã thực hiện được hơn 40% kế hoạch đặt ra.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Các sản phẩm thẻ Cremium hạng Vàng, Chuẩn, Xanh với hạn mức tín dụng từ dưới 10 triệu đến 300 triệu đồng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các khách hàng. Chủ thẻ thường xuyên được tham gia các chương trình loyalty, Marketing khuyến khích chi tiêu.

Do VietinBank thực hiện chiến lược thận trọng trong lựa chọn khách hàng cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng nên chưa có trường hợp khách hàng thanh toán chậm. Hiện nay, VietinBank chưa cho phép rút tiền vượt quá hạn mức nhưng VietinBank cũng dự kiến sẽ cung cấp dịch vụ này cho khách hàng dựa trên cơ sở đánh giá quá trình sử dụng tín dụng của từng khách hàng.

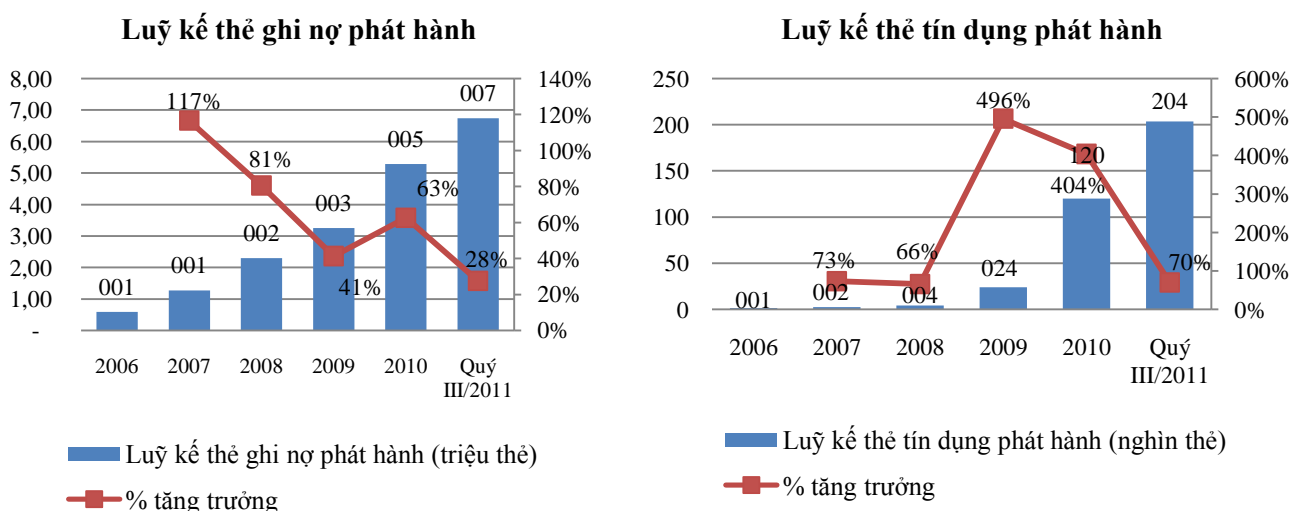
Hoạt động thanh toán thẻ

VietinBank đã chính thức trở thành ngân hàng thương mại thứ hai ở Việt Nam thực hiện kết nối thành công thẻ tín dụng quốc tế với hệ thống ATM của VietinBank từ tháng 12 năm 2005, cho phép chủ thẻ Visa và Master có thể rút tiền tại máy ATM của VietinBank. Ngoài ra, VietinBank cũng là ngân hàng đầu tiên chấp nhận thanh toán thẻ CHIP theo chuẩn EMV.

Doanh số thanh toán thẻ không ngừng tăng trưởng qua các năm: năm 2010 doanh số thanh toán đạt 1.671 tỷ đồng, gần gấp 3 lần doanh số năm 2009, chiếm gần 14% thị phần thanh toán thẻ trên thị trường. Chỉ trong 05 tháng đầu năm 2011 doanh số thanh toán thẻ của VietinBank đạt 1.162 tỷ đồng, tương đương 70% doanh thu của cả năm 2010.

Hệ thống VietinBank chấp nhận các loại thẻ VISA, MasterCard, JCB, với tổ chức thẻ thanh toán DinerClub, Amex, hiện VietinBank đang xúc tiến các bước đàm phán để trở thành ngân hàng đại lý thanh toán cho tổ chức này.

**Hình 18: Luỹ kế thẻ phát hành & tốc độ tăng trưởng
(giai đoạn 2006 – Quý III/2011)**



6.1.5. Hoạt động góp vốn và đầu tư

Hoạt động góp vốn

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Các hoạt động đầu tư, góp vốn liên doanh, liên kết ngày càng được mở rộng và tăng trưởng. VietinBank hiện đang góp vốn vào 06 công ty con (trong đó VietinBank nắm giữ 100% vốn của 05 công ty con và 75,6% của 01 công ty con) và 02 công ty liên doanh. Giá trị sổ sách của các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn tính đến 31/12/2010 theo Báo cáo riêng lẻ kiểm toán của VietinBank là 3.133 tỷ đồng, trong đó đầu tư vào công ty con là 1.430 tỷ đồng, vốn góp vào công ty liên doanh là 1.392 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, VietinBank còn đầu tư vào một số tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế khác với tỷ lệ cổ phần không chi phối, bao gồm NHTMCP Sài Gòn Công thương, NHTMCP Gia Định, Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung Ương, Công ty CP Chuyển mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam, và Công ty CP Xi măng Hà Tiên II, Cao su Phước Hòa,... Tại thời điểm 31/12/2010, tổng mức đầu tư vào các tổ chức này trị giá 311 tỷ đồng theo mệnh giá.

Thông qua các hoạt động đầu tư, VietinBank đang nỗ lực mở rộng và phát triển các hoạt động kinh doanh cũng như tăng cường năng lực cạnh tranh của mình với định hướng chiến lược sau:

- Tập trung và ưu tiên hàng đầu cho những hoạt động đầu tư vào những lĩnh vực mà VietinBank có khả năng riêng biệt, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính.
- Thiết lập các mối quan hệ chiến lược với các đối tác, hợp tác lâu dài với các công ty và doanh nghiệp lớn, cụ thể là với các tổ chức trong nước và quốc tế có thế mạnh và tiềm năng chiến lược.
- Phát triển các hoạt động của các công ty mà VietinBank đầu tư.
- Phát triển cơ cấu và quản lý danh mục đầu tư một cách chủ động và hiệu quả.
- VietinBank kiểm soát và gây ảnh hưởng đối với phần vốn đầu tư thông qua việc quản lý các công ty mà VietinBank đầu tư dưới các hình thức:
 - ✓ Với công ty mà VietinBank nắm giữ 100% vốn: VietinBank bổ nhiệm Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát, xây dựng điều lệ công ty và cơ cấu tổ chức, chiến lược kinh doanh và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động chủ yếu của công ty;
 - ✓ Với các công ty mà VietinBank nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Ngân hàng có thể đề xuất đại diện của mình là các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, những người tham gia xây dựng điều lệ công ty và đồng thời là cổ đông của công ty;
 - ✓ Với các công ty VietinBank nắm giữ cổ phần không chi phối: tham gia với tư cách là cổ đông của công ty.

Hoạt động đầu tư chứng khoán

Chứng khoán đầu tư

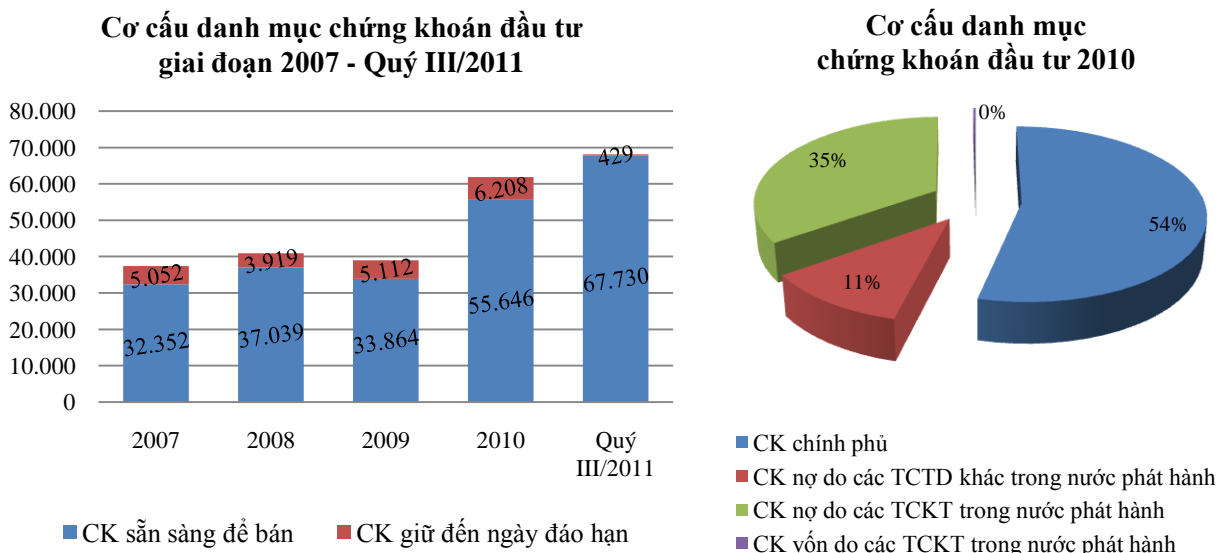
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ngoài các chứng khoán vốn VietinBank cũng mở rộng danh mục đầu tư vào các công cụ nợ như Trái phiếu Chính phủ, Tín phiếu Kho bạc, Tín phiếu NHNN, Trái phiếu Chính quyền địa phương, Trái phiếu NHTM, Trái phiếu doanh nghiệp v.v. với số dư hàng chục nghìn tỷ đồng và trở thành nhà tạo lập thị trường, thúc đẩy thị trường trái phiếu Việt Nam phát triển. Danh mục trái phiếu do VietinBank nắm giữ có mức sinh lời tốt, tính thanh khoản cao, góp phần rất lớn vào việc bảo đảm thanh khoản cho ngân hàng và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tính đến 31/12/2010, số dư chứng khoán đầu tư đã bao gồm dự phòng giảm giá của VietinBank là 61.585 tỷ đồng. Danh mục chứng khoán được đa dạng hóa bao gồm chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn 6.209 tỷ đồng và chứng khoán sẵn sàng để bán là 55.646 tỷ đồng, trong đó chứng khoán vốn sẵn sàng để bán đạt 145 tỷ đồng, còn lại là chứng khoán nợ.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng mua và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Đến thời điểm 31/12/2010, số dư chứng khoán kinh doanh đã bao gồm dự phòng giảm giá là 224,20 tỷ đồng, giảm mạnh so với năm 2008 và 2009, trong đó chứng khoán nợ là 83,07 tỷ đồng, chiếm 36% giá trị chứng khoán kinh doanh, chứng khoán vốn 147,69 tỷ đồng chiếm 64% giá trị chứng khoán kinh doanh. Đến thời điểm 31/12/2010, số dư dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là 6,56 tỷ đồng.

Hình 19: Cơ cấu danh mục chứng khoán đầu tư



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 và Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank

Đầu tư vào giấy tờ có giá là biện pháp quan trọng để VietinBank chuyển dịch cơ cấu tài sản có, nâng cao khả năng sinh lợi, giảm thiểu rủi ro, và tạo nguồn thanh khoản khi cần thiết,

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

đồng thời góp phần không nhỏ vào các công trình xây dựng trọng điểm của Nhà nước và đầu tư phát triển trong các ngành kinh tế xã hội.

6.1.6. Dịch vụ ngân hàng điện tử

Là một phần trong Dự án Hiện đại hóa Ngân hàng và Hệ thống Thanh toán do Ngân hàng Thế giới tài trợ, VietinBank đã bắt đầu thực hiện cung cấp dịch vụ Internet Banking từ tháng 3/2005 khi VietinBank bắt đầu triển khai hệ thống INCAS tới tất cả các chi nhánh trên toàn quốc. Từ đó đến nay, VietinBank đã liên tục hoàn thiện, bổ sung thêm một số dịch vụ mới như VietinBank At home cho phép khách hàng doanh nghiệp có thể thực hiện các giao dịch ngân hàng tại nhà, dịch vụ SMS banking cho phép khách hàng thực hiện chuyển khoản giữa các tài khoản ATM trong cùng hệ thống, vắn tin tài khoản, lịch sử giao dịch cung như thông báo biến động số dư qua tin nhắn với độ bảo mật, an toàn cao bằng công nghệ tiên tiến và phương thức xác thực mạnh. Mặc dù còn nhiều hạn chế nhưng các dịch vụ trên phần nào đã đáp ứng được yêu cầu ngày một tăng của khách hàng, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế của VietinBank trên lĩnh vực này.

VietinBank sẽ tiếp tục tham gia vào Dự án Hiện đại hóa ngân hàng và Hệ thống thanh toán giai đoạn 2 do Ngân hàng Thế giới tài trợ. Dự án này tập trung vào các mảng sau: Trung tâm liên lạc - Call center, Dịch vụ ngân hàng qua điện thoại cố định, Dịch vụ ngân hàng qua điện thoại di động, các giải pháp thương mại điện tử và dịch vụ ngân hàng điện tử.

6.1.7. Tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – VietinBank – là ngân hàng thương mại hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại với 150 chi nhánh trên toàn quốc, có quan hệ đại lý với trên 900 ngân hàng trên toàn cầu. VietinBank đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp cho khách hàng những dịch vụ thanh toán quốc tế, những giải pháp tài trợ thương mại tối ưu.

Năm 2010, cùng với việc áp dụng chính sách lãi suất, phí dịch vụ hợp lý, doanh số thanh toán xuất nhập khẩu đã được tăng lên đáng kể: doanh số thanh toán nhập khẩu đạt khoảng 10,55 tỷ USD, tăng hơn 15% so với năm 2009; doanh số thanh toán xuất khẩu đạt 8,44 tỷ USD tính gộp cả doanh số chi trả kiều hối 1,68 tỷ USD, tăng gần 40% so với năm 2009. Doanh số bảo lãnh bình quân tháng của năm 2010 đạt 678 triệu USD. Tính đến thời điểm 31/03/2011, doanh số thanh toán nhập khẩu 03 tháng đầu năm đạt 2,94 tỷ USD; doanh số thanh toán xuất khẩu đạt 2,75 tỷ USD; doanh số bảo lãnh bình quân tháng đạt 711 triệu USD.

Khách hàng sử dụng các dịch vụ tài trợ thương mại của VietinBank bao gồm các tập đoàn trong nước và quốc tế, và các DNVVN, trong đó có nhiều tổng công ty và tập đoàn lớn như

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, Tổng Công ty Thép Việt Nam, Tổng Công ty Xi măng... và một số ngân hàng cổ phần nhỏ trong nước.

Các sản phẩm dịch vụ Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại mà Vietinbank hiện đang cung cấp gồm có:

- Thư tín dụng:
 - ✓ Phát hành, sửa đổi, thanh toán thư tín dụng nhập khẩu
 - ✓ Xác thực, thông báo thư tín dụng xuất khẩu
 - ✓ Xác nhận thư tín dụng, chuyển nhượng thư tín dụng
 - ✓ Thương lượng, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu
- Bảo lãnh:
 - ✓ Phát hành, sửa đổi, thanh toán thư bảo lãnh
 - ✓ Xác thực, thông báo thư bảo lãnh
 - ✓ Phát hành bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng, xác nhận thư bảo lãnh
 - ✓ Đòi tiền theo thư bảo lãnh
- Nhờ thu:
 - ✓ Tiếp nhận, thông báo và thanh toán bộ chứng từ nhờ thu nhập khẩu
 - ✓ Tiếp nhận, chiết khấu và thu hộ bộ chứng từ nhờ thu xuất khẩu
- Chuyển tiền:
 - ✓ Chuyển tiền thanh toán mậu dịch theo hợp đồng
 - ✓ Chuyển tiền thanh toán phi mậu dịch: kiều hối, du học, chữa bệnh...
- Các dịch vụ khác:
 - ✓ Khai thác vốn ngắn hạn, trung và dài hạn từ các tổ chức tín dụng khác hỗ trợ cho nghiệp vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại; tư vấn cho khách hàng các thủ tục và điều kiện tham gia các chương trình ưu đãi xuất nhập khẩu.
 - ✓ Tư vấn giải pháp thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại hiện đại;
 - ✓ Cung cấp dịch vụ INSOURCING (xử lý giao dịch cho các định chế tài chính khác) về thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.
 - ✓ Ngoài ra, Vietinbank cũng đã và đang chuẩn bị các bước cần thiết để thực hiện dịch vụ mua bán chuyển nhượng các khoản phải thu, bao thanh toán

Với định hướng phát triển và tiềm lực của một ngân hàng hiện đại, Sở giao dịch – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã được thành lập vào tháng 04/2008 với chức năng trực tiếp xử lý tập trung toàn bộ các dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; khai thác các nguồn vốn ngân hàng trung và dài hạn từ các định chế tài chính để hỗ trợ cho hoạt động tài trợ thương mại của hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; cung cấp dịch vụ tư vấn giải pháp thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại; cung cấp dịch vụ INSOURCING cho các ngân hàng khác trong thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Sở giao dịch được trang bị những thiết bị và công nghệ hiện đại có khả năng xử lý từ xa các giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại; có đội ngũ lãnh đạo và cán bộ có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao, tận tình, năng động, được đào tạo chuyên nghiệp và không ngừng học hỏi với mục tiêu nhằm mang đến cho khách hàng các dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại có chất lượng cao, đồng đều, nhanh chóng, chính xác, an toàn, tiện lợi theo tiêu chuẩn quốc tế, với văn hoá phục vụ văn minh, hiện đại.

6.1.8. Dịch vụ chuyển tiền kiều hối

Doanh số chi trả kiều hối của VietinBank năm 2010 đạt 1,8 tỷ USD, tăng gần 100% so với năm 2009, chiếm khoảng 15% tổng lượng kiều hối chuyển về Việt Nam năm 2010. Bên cạnh sản phẩm chuyển tiền kiều hối truyền thống (điện Swift qua ngân hàng), VietinBank đã triển khai dịch vụ chuyển tiền nhanh như Western Union, Wells Fargo ExpressSend, VietinBank e-Remit, v.v. Thu nhập từ dịch vụ kiều hối bao gồm phí thanh toán 0,05%, tối thiểu 2USD/giao dịch cộng thêm 0,15% nếu rút tiền bằng ngoại tệ. Đối với dịch vụ chuyển tiền nhanh, phí dịch vụ trong khoảng 0,6% - 0,7% tổng số tiền chi trả.

Dịch vụ chuyển tiền kiều hối ngày càng có tiềm năng phát triển do lượng tiền Việt kiều và người Việt Nam lao động tại nước ngoài chuyển về ngày càng nhiều. VietinBank chủ yếu chi trả kiều hối bằng USD, EUR và VND. Thị trường trọng điểm bao gồm Mỹ, Đài Loan, Hàn quốc, Malaysia, Nhật, Séc, Úc và các nước Trung đông.

Trong kế hoạch phát triển giai đoạn 2008 - 2010, VietinBank sẽ tiếp tục việc mở rộng mạng lưới chuyển tiền kiều hối tới các thị trường quốc tế lớn, nơi có số lượng lớn người Việt Nam sinh sống và làm việc, trong khi thị trường nội địa chủ yếu được xác định là Tp Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Bình Thuận, Đà Nẵng, Huế, các tỉnh phía Bắc có nhiều lao động xuất khẩu như Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An. VietinBank cũng lên kế hoạch cung cấp các dịch vụ có giá trị gia tăng như dịch vụ chi trả kiều hối tận nhà.

Tháng 05/2011, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 đã thông qua chủ trương thành lập Công ty TNHH Một thành viên Chuyển tiền Toàn cầu VietinBank với vốn điều lệ ban đầu dự kiến là 50 tỷ đồng. Việc thành lập Công ty Chuyển tiền Toàn cầu VietinBank sẽ giúp cho việc phát triển dịch vụ kiều hối của VietinBank chuyên nghiệp hơn, phát huy tốt nhất ưu thế sẵn có của VietinBank về cơ sở vật chất, mạng lưới chi nhánh, cơ sở khách hàng, tiềm lực về vốn và nguồn nhân lực, tăng cường khả năng cạnh tranh và tăng thị phần dịch vụ chuyển tiền kiều hối, nâng cao uy tín và thương hiệu VietinBank trong nước và quốc tế.

6.1.9. Dịch vụ thu/chi hộ

Dịch vụ thu/chi hộ được cung cấp cho các khách hàng chiến lược có cân đối tài khoản tiền gửi lớn tại VietinBank hoặc khách hàng hoặc có khối lượng thu chi tiền mặt, chuyển khoản lớn như Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam. Hiện tại, khoảng 70% các chi nhánh của VietinBank cung cấp dịch vụ này cho các khách hàng tại

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

các khu công nghiệp và khu chế xuất. VietinBank hiện không thu phí đối với dịch vụ này. VietinBank cũng đã triển khai thành công dịch vụ thu hộ Ngân sách bao gồm thuế nội địa và thuế xuất nhập khẩu. VietinBank năm 2010 thu được tổng cộng 1,2 tỷ đồng từ dịch vụ thu hộ, chi hộ; đặc biệt chỉ trong 03 tháng đầu năm 2011, thu nhập từ mảng dịch vụ này của VietinBank tăng mạnh, đạt 0,5 tỷ đồng, bằng 40% doanh thu của cả năm 2009.

6.1.10. Dịch vụ cho thuê kết sắt và cất giữ tài sản

Dịch vụ này đã được VietinBank Chi nhánh Tp. HCM và Chi nhánh Đà Nẵng triển khai từ đầu năm 2006. Doanh thu từ dịch vụ này tuy chưa phản ánh hết tiềm năng vốn có của nó nhưng đã cho thấy khả năng phát triển dịch vụ này trong tương lai gần. Trong thời gian tới, dịch vụ này sẽ được cung cấp tại tất cả các chi nhánh của VietinBank trên các tỉnh và thành phố lớn trong cả nước.

6.1.11. Dịch vụ thu đổi Séc du lịch

Được giới thiệu lần đầu vào năm 1994, dịch vụ Thu đổi séc du lịch được cung cấp tại các Phòng giao dịch, quầy giao dịch và quầy tiết kiệm. Hiện nay, 50% các chi nhánh đã cung cấp dịch vụ này tới khách hàng với doanh thu thu đổi hàng năm đạt từ 3 - 5 triệu USD. Phí thu từ hoạt động thu đổi Séc du lịch của VietinBank năm 2010 và 03 tháng đầu năm 2011 đạt lần lượt 285 triệu đồng và 93 triệu đồng (tương đương 32,6% phí thu của cả năm 2010).

Dịch vụ Thu đổi séc du lịch bao gồm việc đổi séc du lịch Amex và các loại séc du lịch do các định chế có uy tín phát hành bằng USD và EUR. Điều này thể hiện nỗ lực của Ngân hàng trong việc tăng doanh thu từ phí dịch vụ. VietinBank cũng cung cấp dịch vụ thu séc của các tổ chức nước ngoài như là một cách giới thiệu các dịch vụ ngân hàng khác và nhằm nâng cao thương hiệu “Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam”.

6.1.12. Hoạt động kinh doanh chứng khoán (Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam)

Năm 2000, VietinBank thành lập Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc) theo mô hình Công ty TNHH một thành viên với vốn điều lệ là 105 tỷ đồng và do VietinBank sở hữu 100% vốn. VietinBankSc đã tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng tại thời điểm 26/06/2007. Tính đến 31/12/2008, vốn chủ sở hữu của VietinBankSc đạt 600.106 tỷ đồng, vốn điều lệ của VietinBankSc là 500 tỷ đồng. Tổng vốn điều lệ của VietinBankSc tại thời điểm chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần là 789,934 tỷ đồng, trong đó Ngân hàng Công thương nắm 75,6% vốn điều lệ

Các hoạt động chính của VietinBankSc bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, và tư vấn đầu tư và tài chính.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: triệu đồng

Bảng 10: Một số chỉ tiêu chủ yếu hoạt động thị trường vốn

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	Quý III/2011
1. Tổng tài sản	109.067	1.119.876	1.034.714	1.021.247
2. Vốn chủ sở hữu	600.849	851.963	821.053	847.092
3. Doanh thu thuần từ HĐKD	174.390	172.391	195.593	121.476
4. Chi phí HĐKD & Chi phí quản lý	161.227	112.341	174.327	74.935
5. Lợi nhuận trước thuế	13.163	69.860	28.413	47.645
6. Lợi nhuận sau thuế (LNST)	13.096	60.059	21.642	36.767
7. LNST/Tổng tài sản (%)	1,18	5,36	2,01%	3,60%
8. LNST/Vốn chủ sở hữu (%)	2,18	7,05	2,59%	4,34%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009 và 2010 và Báo cáo Quý III/2011 của Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Trong 8 năm hoạt động, lĩnh vực đầu tư và kinh doanh chứng khoán của VietinBankSc đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao về quy mô cũng như hiệu quả. Tính đến 31/12/2010, tổng tài sản của VietinBankSc đạt 1.035 tỷ đồng, doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 196 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2009; lợi nhuận sau thuế trong năm 2010 đạt 22 tỷ đồng.

Công ty Chứng khoán VietinBankSc là thành phần nòng cốt trong tầm nhìn chiến lược của VietinBank nhằm phát triển các hoạt động kinh doanh có thu phí, cụ thể là sự phát triển trong lĩnh vực chứng khoán và ngân hàng đầu tư.

6.1.13. Hoạt động cho thuê tài chính (Công ty TNHH một thành viên Cho thuê Tài chính VietinBank)

Công ty TNHH một thành viên Cho thuê Tài chính VietinBank là một trong những công ty hoạt động sớm trong lĩnh vực cho thuê tài chính ở Việt Nam. Công ty là thành viên hạch toán độc lập, được VietinBank cấp 100% vốn điều lệ, tính đến 30/6/2011 là 500 tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty tập trung vào hoạt động cho thuê tài chính, quản lý vốn đối với các doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam, tư vấn và nhận bảo lãnh cho khách hàng về các dịch vụ có liên quan đến nghiệp vụ cho thuê tài chính.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: triệu đồng

Bảng 11: Một số chỉ tiêu chủ yếu hoạt động cho thuê tài chính				
Chỉ tiêu	2008	2009	2010	Quý III/2011
1. Tổng tài sản	992.147	1.231.462	1.596.793	2.083.618
2. Vốn chủ sở hữu	368.113	609.246	564.042	575.895
3. Doanh thu	123.810	134.643	180.095	117.169
4. Chi phí hoạt động	94.026	81.283	98.204	25.531
5. Lợi nhuận trước thuế	29.784	53.360	81.891	68.379

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009 và 2010 và Báo cáo Quý III/2011 của Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

6.1.14. Hoạt động mua bán nợ và khai thác tài sản (Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản VietinBank)

Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản VietinBank thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 09/2000 theo quyết định số 106/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 10/07/2000 của Chủ tịch Hội đồng quản trị VietinBank, là công ty con do Ngân hàng sở hữu 100% vốn.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào mảng quản lý các khoản nợ xấu và khai thác các tài sản xiết nợ, thế chấp do VietinBank chuyển sang. VietinBank đã đạt được kết quả đáng kể trong xử lý nợ tồn đọng, trong đó có phần đóng góp không nhỏ của Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản VietinBank.

Đơn vị tính: triệu đồng

Bảng 12: Kết quả hoạt động Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản				
Chỉ tiêu	2008	2009	2010	Quý III/2011
Tổng tài sản	96.601	73.088	42.319	40.998
Nguồn vốn chủ sở hữu	30.677	31.565	30.416	30.000
Thu nhập hoạt động	5.949	6.275	6.753	4.987
Chi phí hoạt động	5.272	4.779	6.352	3.845
Lợi nhuận trước thuế	677	1.558	401	1.143

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009 và 2010 và Báo cáo Quý III/2011 của Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

6.1.15. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Công ty TNHH Bảo hiểm Ngân hàng TMCP

Công thương Việt Nam – Bảo Ngân)

Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ra đời trên cơ sở chiến lược thành lập Tập đoàn tài chính mang thương hiệu VietinBank, tiền thân là Công ty TNHH Liên doanh Bảo hiểm Châu Á – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và trở thành Công ty 100% vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tên gọi Bảo Ngân từ 17/12/2008.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào mảng dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ trực tiếp, tái bảo hiểm tất cả các loại hình nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính.

Đơn vị tính: triệu đồng

Bảng 13: Kết quả hoạt động Công ty TNHH Bảo hiểm NHCT Việt Nam

Chỉ tiêu	2009	2010	Quý III/2011
Tổng tài sản	457.033	529.468	538.033
Nguồn vốn chủ sở hữu	332.678	331.882	329.313
Doanh thu từ thụ phí bảo hiểm và phí tái bảo hiểm	77.800	83.300	80.092
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	18.088	52.472	54.537
Lợi nhuận trước thuế	41.799	33.181	43.392
Lợi nhuận sau thuế	31.586	25.033	38.426

Nguồn: BCTC kiểm toán 2009 và 2010 và Báo cáo Quý III/2011 của Công ty TNHH Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

6.1.16. Hoạt động kinh doanh vàng bạc đá quý (Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam)

Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được thành lập vào tháng 12/2010, số vốn điều lệ cấp đến 31/12/2010 là 50 tỷ đồng. Căn cứ vào nhu cầu vốn phục vụ cho việc triển khai hoạt động năm 2011, Công ty đã được cấp vốn điều lệ là 300 tỷ đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vàng bạc, đá quý.

Tính đến thời điểm 30/09/2011, tổng tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đạt 345 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 36,7 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

6.1.17. Hoạt động quản lý tài sản (Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam)

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được thành lập vào cuối năm 2010 với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng, đến thời điểm cuối Quý I/2011 tăng lên 500 tỷ đồng, do VietinBank cấp 100%. Công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài sản. Ngay sau khi mới được thành lập, Công ty nhanh chóng kiện toàn tổ chức và triển khai hoạt động kinh doanh theo giấy phép.

Tính đến thời điểm 30/6/2011, tổng tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đạt 1.531 tỷ đồng, tổng thu nhập hoạt động hơn 42,8 tỷ đồng, trong đó thu nhập lãi thuần đạt 38,7 tỷ đồng, chiếm hơn 90% tổng thu nhập hoạt động quý III năm 2011; Lợi nhuận trước thuế đạt 38,9 tỷ đồng.

6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

VietinBank thành lập Ban Quản trị rủi ro và Hội đồng quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO) để giám sát và quản lý toàn diện các loại rủi ro trong kinh doanh. Thành viên của ALCO bao gồm Chủ nhiệm ALCO (là một thành viên Hội đồng quản trị), Phó chủ nhiệm ALCO (là thành viên Ban điều hành phụ trách Treasury), trưởng các bộ phận quản lý rủi ro, trưởng các bộ phận khách hàng, trưởng các bộ phận kinh doanh và trưởng các bộ phận khác do Chủ nhiệm ALCO quyết định.

VietinBank đã xây dựng chiến lược quản trị rủi ro, trong đó Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét và thông qua các chiến lược và chính sách quản trị rủi ro của VietinBank, trong khi Ban Điều hành có trách nhiệm thực hiện và phát triển các chiến lược và chính sách đã được thông qua đó. Chức năng quản trị rủi ro của VietinBank hiện do Khối quản trị rủi ro (RMG) thực hiện. Khối này được tách riêng khỏi các giao dịch trực tiếp và thực hiện báo cáo trực tiếp lên Ban Điều hành.

Khối quản trị rủi ro bao gồm 6 phòng ban có trách nhiệm quản trị các loại rủi ro khác nhau, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, và rủi ro tác nghiệp:

- Phòng Quản lý rủi ro tín dụng, đầu tư (CIRM): có chức năng quản trị rủi ro tín dụng và đầu tư.

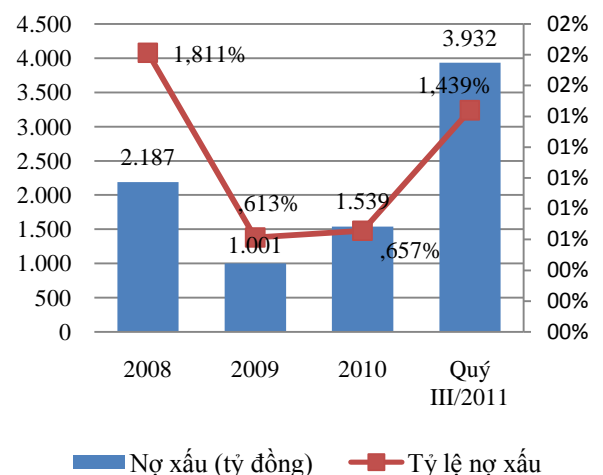
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Phòng Chế độ tín dụng, đầu tư: có chức năng tham mưu HĐQT xây dựng chiến lược tín dụng, đầu tư; Khung chính sách tín dụng, đầu tư; Hệ thống đo lường, quản lý và giám sát rủi ro tín dụng, đầu tư; các quy trình nghiệp vụ tín dụng, đầu tư.
- Phòng Quản lý rủi ro thị trường và tác nghiệp: có chức năng quản trị về rủi ro phát sinh từ thị trường và tác nghiệp.
- Phòng Quản lý nợ có vấn đề.
- Ban Kiểm tra kiểm soát nội bộ.
- Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO đảm nhiệm về kế hoạch kinh doanh và hỗ trợ quản lý tài sản nợ và tài sản có; Quản lý tài sản nợ/có được thực hiện trên cơ sở quản trị về rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro tiền tệ. Quá trình thực hiện được thông qua việc phân tích và dự báo các luồng tiền vào/ra trong hệ thống. Đồng thời căn cứ vào biến động nguồn vốn và sử dụng vốn thực tế để đưa ra các quyết định về quản lý và điều hành vốn đảm bảo đạt hiệu quả kinh doanh, đáp ứng nhu cầu thanh toán toàn hệ thống.

Quản trị rủi ro tín dụng

VietinBank đã xây dựng chiến lược cho vay từ năm 2005, trong đó nêu rõ đối tượng khách hàng mục tiêu, vị trí, và lĩnh vực cần hướng tới. Khách hàng mục tiêu là các công ty lớn có tình hình tài chính lành mạnh và năng lực cao, còn khách hàng tiềm năng là các DN VVN (SMEs) và cá nhân. Thị trường mục tiêu là các thành phố lớn, các khu vực kinh tế có tiềm năng, các khu vực đô thị và khu công nghiệp đang phát triển. Các lĩnh vực, ngành nghề mục tiêu VietinBank hướng tới bao gồm lĩnh vực công nghiệp, thương mại, và dịch vụ.

Hình 20: Số dư và tỷ lệ nợ xấu giai đoạn 2008 – Quý III/2011



Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009, 2010 và Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

VietinBank đã đưa ra chính sách quản trị rủi ro tín dụng ban hành vào cuối năm 2004. Các nguyên tắc chung của chính sách này bao gồm: đa dạng hóa danh mục đầu tư, quá trình xem xét và phê chuẩn đa cấp, hệ thống chấm điểm và xếp hạng tín dụng khách hàng để làm cơ sở cấp tín dụng và quản lý quan hệ tín dụng với khách hàng, chức năng độc lập của các thành viên /bộ phận tham gia vào quá trình cấp tín dụng, hệ thống quy định, quy trình cấp tín dụng, quy trình giám sát thường xuyên và kiểm soát hạn mức tín dụng....Hiện nay, VietinBank đang trong quá trình hoàn chỉnh hệ thống tính điểm tín dụng tự động hướng theo các Chuẩn mực quốc tế, thống này đã bắt đầu được thực hiện trong năm 2009 và sẽ tiếp tục triển khai tích cực trong năm 2011.

Căn cứ vào thị trường mục tiêu và chiến lược tín dụng tổng thể của VietinBank cũng như kết quả tình hình hoạt động tín dụng trong quá khứ, sự thay đổi của thị trường và nhu cầu vốn dự kiến, Phòng Quản lý rủi ro tín dụng và đầu tư đề xuất mức tăng trưởng tín dụng của VietinBank, các giới hạn tín dụng toàn hệ thống theo sản phẩm, loại tiền, lĩnh vực, ngành hàng, thành phần kinh tế, khách hàng, nhóm khách hàng v.v. Các đề xuất của Phòng sau đó sẽ được trình Tổng giám đốc để trình HĐQT phê duyệt.

Chức năng quản trị rủi ro tín dụng hàng ngày của VietinBank do các Phòng Chế độ tín dụng và đầu tư, Phòng Quản lý rủi ro tín dụng và đầu tư, và Phòng Quản lý nợ có vấn đề cùng phối hợp đảm trách. Thêm vào đó, Ban Kiểm tra kiểm soát nội bộ tiến hành các đánh giá định kỳ và đánh giá đột xuất đối với các hoạt động cấp tín dụng của VietinBank để đảm bảo các hoạt động này phù hợp với các hướng dẫn của VietinBank và các quy định của pháp luật.

Chức năng định giá tài sản bảo đảm hiện do các phòng Khách hàng và quản lý rủi ro tại chi nhánh đảm trách tại thời điểm cho vay và định giá lại theo quy định của VietinBank. Tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản đảm bảo được giới hạn theo tỷ lệ phần trăm giá trị của từng loại tài sản đảm bảo. Tài sản đảm bảo được định giá lại ít nhất 1 lần/năm (tuỳ theo loại tài sản) hoặc đột xuất.

Quy trình đánh giá rủi ro tín dụng

Sau khi nhận và kiểm tra đơn đề nghị cấp tín dụng của khách hàng cùng với các hồ sơ vay vốn, chuyên viên tín dụng thuộc bộ phận khách hàng tiến hành thẩm định khoản vay: tư cách pháp lý của khách hàng, tình hình sản xuất kinh doanh, tình trạng tài chính của khách hàng,

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

hiệu quả, tính khả thi của phương án/dự án vay vốn, tình hình vay trả nợ của khách hàng, tình hình tài sản đảm bảo, xác định phương thức cho vay, lãi suất v.v. và lập Tờ trình thẩm định tín dụng.

Trong một số trường hợp (tùy thuộc vào các điều kiện cấp tín dụng của VietinBank), bộ phận khách hàng sẽ chuyển đơn đề nghị cấp tín dụng và hồ sơ, tài liệu liên quan sang bộ phận quản lý rủi ro. Tại đây, chuyên viên quản lý rủi ro tín dụng sẽ tiến hành thẩm định độc lập và lập Báo cáo kết quả thẩm định rủi ro tín dụng, trong đó đánh giá mức độ rủi ro tín dụng và đề xuất biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Việc cấp tín dụng được xem xét căn cứ vào định hướng cấp tín dụng hàng năm của HĐQT, thông tin thu thập từ khách hàng, nhu cầu sử dụng tín dụng của khách hàng, xếp hạng khách hàng, kết quả thẩm định tín dụng và thẩm định rủi ro tín dụng v.v.

Tờ trình thẩm định của chuyên viên tín dụng và báo cáo kết quả thẩm định rủi ro tín dụng của chuyên viên quản lý rủi ro (trường hợp phải thẩm định rủi ro tín dụng) cùng hồ sơ tín dụng sẽ được trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt tín dụng được xác định trên cơ sở (i) mức phán quyết tín dụng: định kỳ được xem xét lại hàng năm căn cứ vào phân cấp quản lý khách hàng, năng lực trình độ của cấp được xem xét (tại Trụ sở chính), quy mô, năng lực trình độ cán bộ, kết quả hoạt động v.v. (tại chi nhánh); (ii) việc đáp ứng các điều kiện tín dụng của khách hàng: điều kiện tín dụng được xây dựng, chỉnh sửa, thay đổi tuân theo các quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn đảm bảo an toàn và tính cạnh tranh của VietinBank

Khoản tín dụng sau khi được người có thẩm quyền phê duyệt sẽ được bộ phận quản lý rủi ro giám sát tùy thuộc vào mức độ rủi ro của khoản tín dụng đó, trong suốt quá trình đàm phán ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo, hoàn thiện hồ sơ tín dụng và nhập vào hệ thống INCAS.

Hiện tại, VietinBank chưa thiết lập quy trình nghiên cứu đánh giá khách hàng toàn diện, nhưng trong thời gian sắp tới, VietinBank sẽ cân nhắc xây dựng chính sách “Hiểu biết về khách hàng của bạn” (KYC), “Chống rửa tiền” (AML) để ngăn ngừa việc người vay sử dụng ngân hàng như là công cụ để thực hiện các giao dịch bất hợp pháp.

VietinBank hiện đang triển khai 3 hệ thống tính điểm khác nhau dành cho khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và nhóm khách hàng định chế tài chính. Tuy nhiên, đây đều là

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

các quá trình tính toán thủ công và còn nhiều đánh giá mang tính định tính của cán bộ quản lý khách hàng.

Quản trị rủi ro thị trường và tác nghiệp

Tháng 3/2006, VietinBank đã thành lập Phòng Quản lý rủi ro thị trường và tác nghiệp (MORM) để theo dõi các rủi ro trong hoạt động và rủi ro thị trường của VietinBank, với chức năng chính là phát triển các chính sách, thủ tục và hệ thống cảnh báo sớm đối với các rủi ro hoạt động và thị trường.

Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO và Phòng Đầu tư dựa trên các thông tin thị trường mới nhất để phân tích các thay đổi về tỷ lệ lãi suất. Đối với hoạt động tín dụng, VietinBank áp dụng lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay trung và dài hạn, thậm chí tùy tình hình biến động của lãi suất trên thị trường có thể áp dụng cả lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay ngắn hạn. Việc đầu tư chứng khoán hiện nay được tập trung vào các sản phẩm có mức độ rủi ro thấp. Danh mục đầu tư của ngân hàng bao gồm hầu hết là trái phiếu Kho bạc Nhà nước, các loại trái phiếu chính phủ khác và một số trái phiếu an toàn khác. Hàng tháng, Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO chuẩn bị báo cáo về các chỉ số tài chính chủ yếu và các tỷ lệ an toàn theo yêu cầu của NHNN và trình Ban điều hành hoặc Ban Tổng giám đốc để xem xét và thông qua.

Là một trong những ngân hàng hàng đầu tại Việt nam, VietinBank đã đưa ra chiến lược quản trị rủi ro (được ghi nhận trong chiến lược kinh doanh tổng thể của VietinBank cho giai đoạn 2005 – 2010) và những quy định về quản trị rủi ro tác nghiệp (Quyết định 220 được HĐQT ban hành tháng 5/2007) nhằm thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế về quản trị rủi ro tác nghiệp. Ngoài ra VietinBank đã có bộ máy kiểm tra kiểm soát nội bộ được thiết lập từ Trụ sở chính đến các chi nhánh trong toàn hệ thống. Bộ máy này chịu trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát toàn diện các hoạt động của VietinBank nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận và sai sót, đưa ra các khuyến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy trình nghiệp vụ đảm bảo hoạt động kinh doanh của VietinBank tuân thủ pháp luật, an toàn, hiệu quả.

Quản trị rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý của VietinBank do Phòng Pháp chế phụ trách, với chức năng chính là tư vấn và đào tạo về pháp lý cho các đơn vị kinh doanh và đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành của VietinBank. Đối với những trường hợp cụ thể, ví dụ bảo lãnh phát

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

hành trái phiếu, bảo lãnh phát hành ra nước ngoài, cấp tín dụng cho các dự án lớn, VietinBank có thể thuê công ty luật bên ngoài tư vấn. Các chi nhánh cũng được phép thuê luật sư bên ngoài để giải quyết các vấn đề pháp lý của mình. Tuy nhiên, với các vấn đề pháp lý phức tạp hoặc do sai phạm của nhân viên cần được báo cáo lên Phòng Pháp chế tại Trụ sở chính để giải quyết. Đối với sản phẩm mới triển khai, Phòng Pháp chế sẽ xem xét các khía cạnh pháp lý để đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành.

Quản trị rủi ro thanh khoản

VietinBank đã thành lập Ủy ban quản trị tài sản nợ, tài sản có (ALCO), thực hiện chức năng quản lý tài sản Nợ - Có và kiểm soát rủi ro thanh khoản. Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO có trách nhiệm chính là lập kế hoạch sử dụng và cân đối vốn, duy trì khả năng thanh khoản. Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO báo cáo trực tiếp hàng tháng lên Ban điều hành, Ủy ban ALCO và Hội đồng quản trị để cập nhật tình hình thanh khoản hiện tại của VietinBank và dự báo tình trạng thanh khoản cho tháng tiếp theo. VietinBank tuân thủ các quy định hiện hành của NHNN trong việc quản trị khả năng thanh khoản. Do có khối lượng lớn Giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ nên tạo cho VietinBank khả năng thanh khoản đáng kể.

Hiện nay, VietinBank đang theo dõi khả năng thanh khoản bằng việc tính toán các tỷ lệ thanh toán theo các hướng dẫn của NHNN và thường xuyên báo cáo với NHNN. Để đảm bảo chủ động trong thanh khoản và phòng tránh các sự cố bất ngờ xảy ra, VietinBank tính toán và duy trì một tỷ lệ hợp lý tài sản dưới dạng tiền mặt, tài sản tương đương tiền, tài khoản Nostro, các công cụ thị trường tiền tệ, các Giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao và các công cụ khác (chiếm khoảng 22% - 30% tổng tài sản). Do đó, VietinBank luôn bảo đảm tốt khả năng thanh khoản.

6.3. Thị trường hoạt động

Mạng lưới hoạt động

Tính đến 31/09/2011, mạng lưới hoạt động của VietinBank phân bố rộng trên 63 tỉnh, thành phố trong cả nước, bao gồm:

- 01 Hội sở chính;
- 01 Sở Giao dịch;
- 150 chi nhánh
- 941 phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm;

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- 03 Văn phòng đại diện;
- 06 Công ty con bao gồm: Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính VietinBank, Công ty CP Chứng khoán VietinBank (VietinBankSc), Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản VietinBank; Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm VietinBank; Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ VietinBank; Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc đá quý VietinBank;
- 03 đơn vị sự nghiệp bao gồm: Trung tâm Thẻ, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực.

Mạng lưới khách hàng

Khách hàng và đối tác của VietinBank gồm có:

- Các tổ chức tài chính ngân hàng: VietinBank có mối quan hệ chặt chẽ với hầu hết các tổ chức tài chính ngân hàng tại Việt Nam bao gồm các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước, Công ty tài chính, các công ty chứng khoán và các quỹ đầu tư
- Các tổ chức kinh tế: Với vai trò là 1 trong 4 ngân hàng thương mại nhà nước lớn nhất, VietinBank cung cấp dịch vụ cho phần lớn các tập đoàn và tổng công ty như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)..., Tổng Công ty Thép Việt Nam, Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Xi măng, Tổng Công ty Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn. Bên cạnh đó các khách hàng tổ chức của VietinBank còn có các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các công ty cổ phần trong cả nước.
- Các cá nhân: hiện nay VietinBank đã triển khai rộng rãi các dịch vụ cho cá nhân như huy động tiền gửi có kỳ hạn, cho vay phát triển kinh tế gia đình, cho vay tiêu dùng, cho vay mua nhà trả góp ...

Thị trường hoạt động của VietinBank bao phủ khắp các ngành nghề trong đó có nông lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, công nghiệp khai mỏ, sản xuất và phân phối điện khí đốt, xây dựng, thương mại, xuất nhập khẩu, khách sạn nhà hàng....

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2008-2010 và Quý III/2011

7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2008-2010 và Quý III/2011

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: triệu đồng

Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh của VietinBank giai đoạn 2008-2010 và Quý III/2011				
	2008	2009	2010	Quý III/2011
Tài sản, nguồn vốn				
Tổng tài sản	193.590.357	243.785.208	367.712.191	414.985.844
Tiền gửi & cho vay các TCTD khác	18.273.849	24.045.152	50.960.782	48.106.607
Cho vay & tạm ứng KH	118.601.677	161.619.376	231.434.907	269.608.615
Chứng khoán đầu tư	40.959.079	38.977.048	61.585.378	68.111.781
Tổng nợ phải trả	181.254.198	231.007.895	349.339.915	390.463.027
Tiền gửi & vay các TCTD khác	8.824.710	15.012.157	35.096.726	41.426.207
Tiền gửi của KH & các khoản phải trả KH	121.634.466	148.374.599	205.918.705	223.403.322
Vốn chủ sở hữu	12.336.159	12.572.078	18.170.363	24.313.306
Kết quả kinh doanh				
Thu nhập hoạt động	8.694.253	9.684.274	14.819.402	16.537.234
Chi phí hoạt động	(4.957.685)	(5.803.230)	(7.197.137)	8.381.784
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước Chi phí dự phòng RRTD	3.736.568	3.881.044	7.622.265	8.155.450
Dự phòng rủi ro	(1.300.180)	(507.900)	(3.024.227)	(2.198.875)
Lợi nhuận trước thuế	2.436.388	3.373.144	4.598.038	5.956.575
Lợi nhuận sau thuế	1.804.464	2.583.131	3.414.347	4.501.203
Các chỉ tiêu tài chính				
Tỷ suất LNTT/Tổng tài sản bình quân	1,35%	1,54%	1,50%	1,47%
Tỷ suất LNTT/Vốn chủ sở hữu bình quân	21,20%	27,08%	29,91%	25,41%
Tỷ suất LNTT/Doanh thu	28,02%	34,83%	31,03%	36,02%
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bình quân	1,00%	1,18%	1,12%	1,11%
Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	15,70%	20,74%	22,21%	19,20%
Tỷ suất LNST/Doanh thu	20,75%	26,67%	23,04%	27,22%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2008, 2009, 2010 và

Báo cáo hợp nhất Quý III/2011 của VietinBank

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán.

Điều chỉnh số liệu năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Cho mục đích chuyển đổi doanh nghiệp của VietinBank từ Ngân hàng TM nhà nước thành Ngân hàng TMCP, vào ngày 02/7/2009, VietinBank đã lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 02/7/2009 nhằm xác định vốn nhà nước tại VietinBank trước thời điểm chính thức chuyển đổi và hoạt động như là một ngân hàng TMCP từ ngày 03/7/2009. Các báo cáo tài chính hợp nhất này được lập dựa trên tình hình thực tế kinh doanh của VietinBank cho giai đoạn nói trên và các chính sách, quy định của các cơ quan chức năng có ảnh hưởng đến hoạt động của VietinBank cho đến thời điểm đó.

Tuy nhiên, đến ngày 23/12/2009, VietinBank đã nhận thêm một số hướng dẫn của cơ quan chức năng như quyết định của cơ quan liên bộ và Ngân hàng Nhà nước về việc tính toán quỹ lương cho VietinBank và sau đó là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho năm 2009 và cơ sở để phân loại nợ và trích lập dự phòng cho báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến 02/7/2009. Ngoài ra, một số chi phí phát sinh trong giai đoạn trên cũng đã được quyết toán vào nửa cuối năm 2009 và các số liệu này ảnh hưởng trực tiếp đến số liệu trên các báo cáo tài chính hợp nhất của VietinBank cho giai đoạn từ 01/01/2009 đến 02/7/2009. Do vậy, ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh lại số liệu tại ngày 02/7/2009 theo các văn bản hướng dẫn bổ sung nói trên.

Ngoài ra, trong năm 2009, Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2008 của VietinBank. Ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh lại số liệu tại ngày 02/7/2009 theo các điều chỉnh của Kiểm toán nhà nước.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh nói trên đến số liệu tài chính tại ngày 02/7/2009 được trình bày cụ thể trong Báo cáo kiểm toán của VietinBank tại ngày 31/12/2009, mục 47 “Thuyết minh báo cáo tài chính”.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo

a. Nhân tố thuận lợi

Tiềm năng phát triển của ngành tài chính - ngân hàng

Trong thời gian qua, ngành ngân hàng đã có sự tăng trưởng nhanh chóng cả về số lượng và quy mô. Số lượng ngân hàng tăng từ 9 ngân hàng trong năm 1991 lên 102 ngân hàng vào đầu năm 2009. Số lượng ngân hàng tăng lên tập trung vào 2 khối ngân hàng thương mại cổ phần (38 ngân hàng) và ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài (63 ngân hàng). Điều này cho thấy sức hấp dẫn của ngành ngân hàng Việt Nam đối với các nhà đầu tư trong nước cũng như các tổ chức tài chính quốc tế. Về cơ cấu thị phần, đến cuối năm 2009, các Ngân hàng

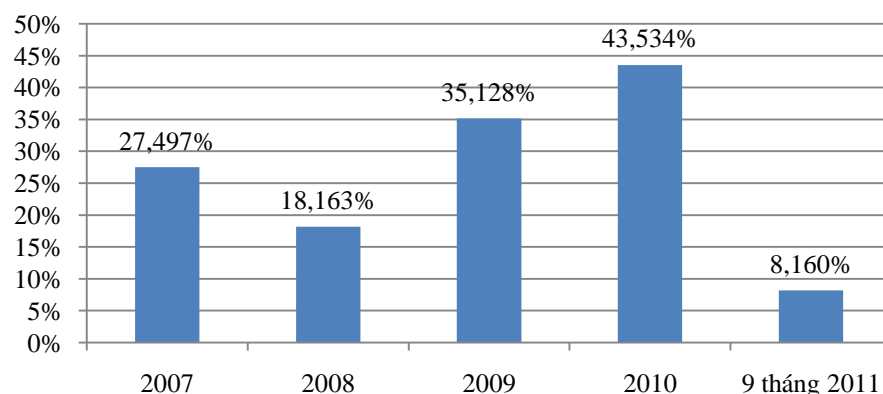
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

TM quốc doanh chiếm khoảng 52% tổng tài sản trong hệ thống, các NHTM CP chiếm khoảng 38%, phần còn lại thuộc về khối các ngân hàng có vốn nước ngoài.

Bên cạnh sự tăng trưởng về số lượng, quy mô hoạt động của hệ thống ngân hàng cũng tăng trưởng mạnh mẽ. Tốc độ tăng trưởng hoạt động tín dụng và huy động tiền gửi ở mức rất cao, đạt trung bình trên 35% năm trong suốt giai đoạn 2002-2008. Trong năm 2009, tỷ lệ này khoảng 38%.

Năm 2010, tốc độ tăng trưởng tín dụng của Vietinbank là 43,5%, cơ cấu dư nợ được chú trọng theo ngành phù hợp với khẩu vị rủi ro của Vietinbank. Dư nợ tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực công nghiệp, xuất khẩu (chiếm 31%), thương nghiệp (chiếm 28%), nông nghiệp, nông thôn & xuất khẩu (chiếm 17%) và xây dựng cơ sở hạ tầng (chiếm 13%).

Hình 21: Tăng trưởng tín dụng



Nguồn: Tổng cục thống kê

Bên cạnh đó tiềm năng thị trường đối với ngành ngân hàng còn rất lớn. Số lượng người dân Việt Nam sử dụng các dịch vụ ngân hàng còn khiêm tốn. Với dân số gần 87 triệu người nhưng chỉ có khoảng 7 triệu tài khoản ngân hàng tại Việt Nam, trong số đó 6 triệu tài khoản được mở trong hai năm gần đây, với khoảng 50% tổng số giao dịch vẫn sử dụng tiền mặt, 4 triệu người sử dụng thẻ tín dụng. Điều này cho thấy chỉ khoảng 8% dân số có tài khoản ngân hàng - một tỷ lệ nằm trong số thấp nhất toàn cầu (Nguồn: ADB), như ở Singapore, tỷ lệ này là 95%, ở Malaysia là 65%, ở Thái Lan là 46%. Do vậy thị trường ngân hàng trong nước còn nhiều tiềm năng phát triển.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

VietinBank là Thương hiệu lớn có mạng lưới hoạt động rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước

Tiền thân là một trong bốn Ngân hàng Thương mại Nhà nước lớn nhất tại Việt Nam, VietinBank có tổng tài sản chiếm hơn 10% trong toàn bộ hệ thống ngân hàng. Nguồn vốn luôn tăng trưởng qua các năm, tăng mạnh kể từ năm 1996, đạt bình quân hơn 20%/năm, đặc biệt có năm tăng 35% so với năm trước. Trong năm 2008, VietinBank là một trong những ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam thực hiện đăng ký bảo hộ thương hiệu tại Việt Nam và quốc tế.

Với mạng lưới hoạt động phân bố trên 63 tỉnh, thành phố có mặt tại tất cả các thành phố lớn, như Hà Nội (19 chi nhánh và 01 sở giao dịch), Tp. HCM (21 chi nhánh), các khu công nghiệp, khu kinh tế thương mại, vùng đông dân cư, VietinBank có lợi thế cung cấp các dịch vụ truyền thống, dịch vụ hiện đại và các dịch vụ giá trị gia tăng đến với mọi thành phần kinh tế.

Hệ thống công nghệ thông tin ngân hàng hiện đại

Hiện tại, hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT của VietinBank đã và đang được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế, tạo tiền đề cho việc phát triển các dịch vụ mới trong tương lai theo mô hình ngân hàng hiện đại. Toàn bộ hệ thống mạng trải rộng khắp cả nước và luôn có phương án dự phòng đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt và đảm bảo cho việc giao dịch trực tuyến với “Hệ thống ngân hàng lõi”. Với hệ thống máy chủ mạnh, hệ thống lưu trữ đủ lớn được thiết kế theo hướng tập trung hoá và ảo hoá nhằm đảm bảo cho Hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking) hoạt động ổn định, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển trong vòng 03 đến 05 năm tới v.v.

Hoàn thành việc cổ phần hóa và phát hành lần đầu ra công chúng trong năm 2009

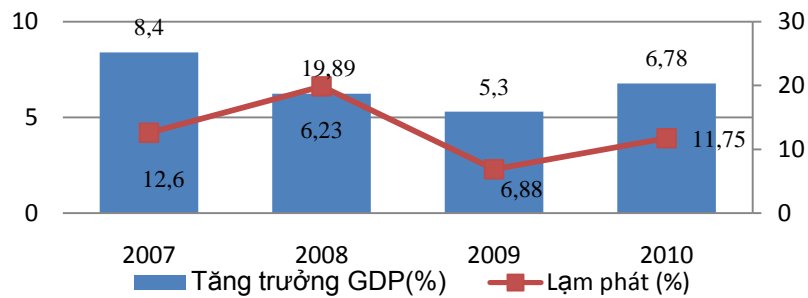
Năm 2009, VietinBank đã hoàn thành việc chuyển đổi từ Ngân hàng Nhà nước sang mô hình Ngân hàng cổ phần và chào bán thành công lần đầu ra công chúng. Đây là đợt chào bán thành công nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2008. Đến ngày 16/7/2009, cổ phiếu của VietinBank với mã giao dịch là CTG đã chính thức niêm yết giao dịch trên Sở GDCK TP.HCM. Sau khi chuyển đổi, chiến lược của VietinBank là Xây dựng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trở thành tập đoàn tài chính ngân hàng hiện đại, đáp ứng toàn diện nhu cầu về các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, tài chính, hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng trong nước và quốc tế; quản lý có hiệu quả và phát triển bền vững. Phần đầu trở thành một Tập đoàn Tài chính ngân hàng mạnh trong khu vực vào năm 2015 đó là Tập đoàn hoạt động dựa trên hai trụ cột là Ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư; tiếp tục mở rộng phạm vi và quy mô hoạt động thông qua việc phát triển mạng lưới, thành lập và liên kết thành lập các công ty kinh doanh trên lĩnh vực tài chính tiền tệ, ngân hàng và các lĩnh vực kinh doanh liên quan khác.

b. Nhân tố khó khăn

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Diễn biến bất lợi của nền kinh tế Việt Nam và thế giới

Hình 22: Tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2007-2010



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Những diễn biến trái chiều của nền kinh tế Việt Nam và thế giới đã ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp trong đó có các ngân hàng. Cùng với sự biến động mạnh của thị trường tiền tệ là sự thay đổi lớn của cơ cấu nguồn vốn theo hướng kỳ hạn ngắn dần, luồng tiền vào ngân hàng bị tác động bởi nhiều yếu tố như lạm phát, suy giảm kinh tế, tỷ giá ngoại tệ, tâm lý... mang lại rủi ro thị trường cho các tổ chức tín dụng. Sự suy giảm liên tục của thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản trong nước, ảnh hưởng xấu của nền kinh tế thế giới tạo ra nhiều sức ép và khó khăn cho doanh nghiệp là khách hàng của ngân hàng.

Khó khăn do áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt

Trên thị trường tài chính – ngân hàng hiện nay có 5 ngân hàng thương mại nhà nước, 39 ngân hàng thương mại cổ phần, 5 ngân hàng liên doanh, 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 40 chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, 53 văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, 13 công ty cho thuê tài chính và 17 công ty tài chính. (nguồn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 31-03-2010 <http://www.sbv.gov.vn/vn/home/htTCTD.jsp>.)

Trước đây với lợi thế về vốn, tài sản và mạng lưới hoạt động, các ngân hàng thương mại nhà nước (NHTMNN) đóng vai trò tạo lập sân chơi. Trong vài năm trở lại đây các ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) đã đạt được mức tăng trưởng vượt trội về vốn, quy mô hoạt động. Các ngân hàng này liên tục mở rộng mạng lưới các chi nhánh và các văn phòng đại diện. Hiện nay, thị phần đã có sự chuyển dịch mạnh mẽ giữa khối NHTMNN và khối NHTMCP. Thị phần cho vay năm 2000 của khối NHTMNN chiếm 77% nhưng năm 2006 con số này đã giảm xuống còn 55%. Thị phần cho vay năm 2000 của khối NHTMCP là 9% thì năm 2006 con số này đã tăng lên 29%. Thị phần huy động năm 2000 của khối NHTMNN đạt 77% nhưng năm 2006 thì chỉ còn 59%. Con số này đối với NHTMCP tăng từ 11% năm

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

2000 lên 30% năm 2006. Đến năm 2009, tỷ lệ thị phần cho vay và huy động vốn của khối các NHTM quốc doanh có giảm đôi chút. Đây cũng có thể là dấu hiệu cho thấy sức cạnh tranh ngày càng lớn từ các NHTM CP và khối các NH nước ngoài.

Bên cạnh sự lớn mạnh của hệ thống các NHTMCP, hoạt động của các ngân hàng nước ngoài đang ngày càng được mở rộng. Theo cam kết hội nhập, từ 01/04/2007 Việt Nam cho phép các ngân hàng 100% vốn nước ngoài được hoạt động và thực hiện hầu hết các nghiệp vụ như một ngân hàng nội địa – hiện đã có 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài được cấp phép thành lập là Ngân hàng Hồng Kông – Thượng Hải và Ngân hàng Standard Chartered Bank và ngân hàng ANZ, Ngân hàng Hồng Leong Việt Nam, Ngân hàng Shinhan Việt Nam.

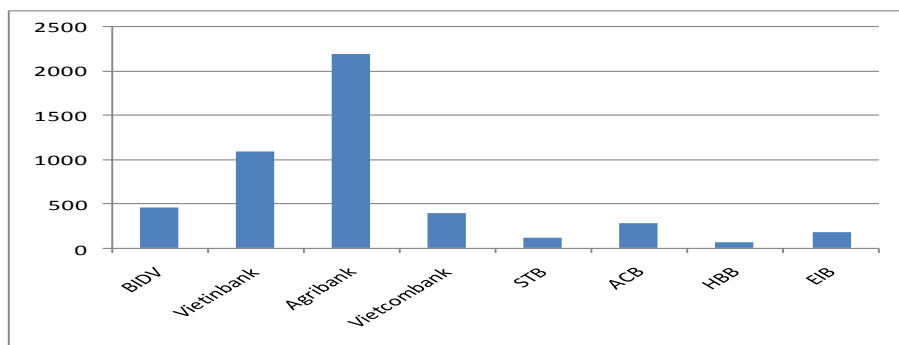
8. Vị thế của Ngân hàng so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của VietinBank trong ngành

Tính đến hết năm 2010, VietinBank là một trong 4 ngân hàng thương mại lớn nhất thị trường hiện nay với tổng tài sản chiếm khoảng 10% tổng tài sản toàn hệ thống, thị phần huy động vốn chiếm 12%, thị phần cho vay chiếm 11,6% của toàn hệ thống, mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch đứng thứ 2 toàn quốc sau Agribank. Với thương hiệu tốt và mối quan hệ chặt chẽ với nhiều khách hàng truyền thống, cùng với nền tảng tài chính vững mạnh, VietinBank luôn là một trong những Ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam.

Về mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch

Hình 23: Mạng lưới hoạt động của VietinBank và các Ngân hàng khác



Nguồn: Báo cáo thường niên các ngân hàng

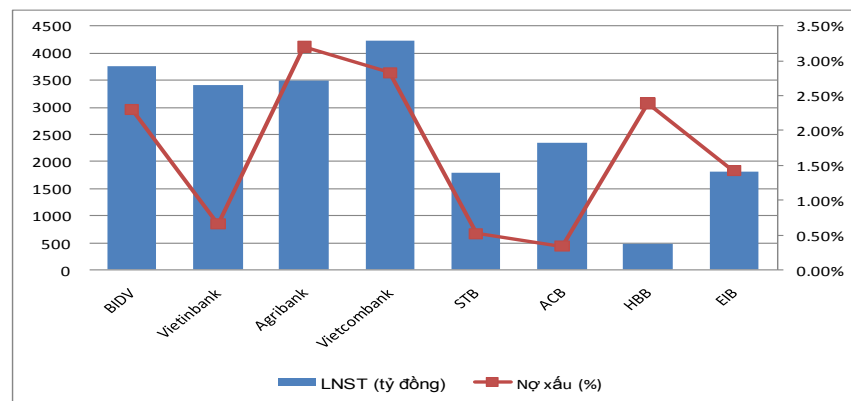
Đến hết Quý III/2011, Vietinbank có mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch đứng thứ 2 toàn quốc sau Agribank với 01 Hội sở chính; 01 Sở Giao dịch; 150 chi nhánh; 941 phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm; hơn 1.829 máy rút tiền tự động (ATM); 03 Văn phòng đại diện. Hiện nay, Vietinbank có 06 Công ty con bao gồm Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBankSc), Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Công ty Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Công ty Vàng bạc đá quý Ngân

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

hàng TMCP Công thương Việt Nam; 03 đơn vị sự nghiệp bao gồm Trung tâm thẻ, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực và 01 liên doanh là Ngân hàng Indovina.

Về hiệu quả hoạt động kinh doanh

Hình 24: Lợi nhuận sau thuế và tỷ tỷ lệ nợ xấu của VietinBank và các ngân hàng khác

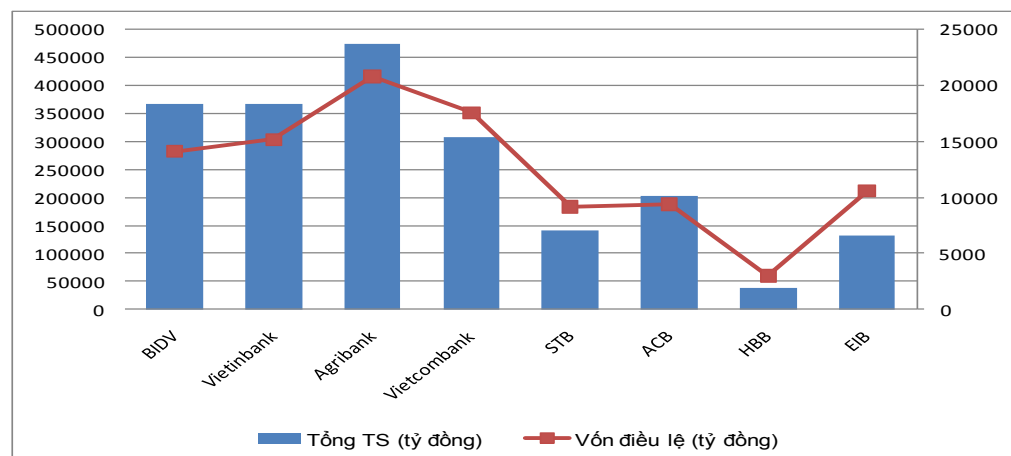


Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2010 các Ngân hàng

Hiện nay, Cơ cấu dư nợ của VietinBank tương đối hợp lý; tỷ lệ dư nợ xấu thuộc loại thấp nhất trong hệ thống. VietinBank đã áp dụng thực hiện xử lý tập trung các giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại, học tập mô hình các ngân hàng lớn tiên tiến trên thế giới đang áp dụng, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng doanh số thanh toán xuất nhập khẩu, đồng thời là kênh huy động vốn ngoại tệ có hiệu quả.

Về Quy mô

Hình 25: Tương quan Tổng tài sản và vốn điều lệ của VietinBank với các ngân hàng khác năm 2010



Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2010 các Ngân hàng

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Sau khi chuyển đổi thành doanh nghiệp cổ phần, VietinBank trở thành ngân hàng cổ phần có vốn điều lệ lớn thứ 2 trên thị trường và trở thành công ty đại chúng, nâng cao tính minh bạch và khả năng quản trị doanh nghiệp. Với hiệu quả kinh doanh trong quá khứ tốt cùng chiến lược phát triển rõ ràng và có trọng tâm, mục tiêu của VietinBank là trở thành Ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam.

Về thị phần

VietinBank là một trong những Ngân hàng lớn nhất tại Việt Nam với thị phần cho vay chiếm 11,6% của toàn hệ thống, thị phần huy động vốn chiếm 12% toàn hệ thống và là một trong những ngân hàng hàng đầu trong lĩnh vực huy động nội tệ. Trong lĩnh vực phát hành thẻ, thị phần của VietinBank chiếm khoảng 18% thị trường thẻ nội địa trong nước và 23% thị trường thẻ tín dụng quốc tế trong nước năm 2010. Trong hoàn cảnh kinh tế nhiều bất ổn, tỷ giá biến động bất lợi và điều kiện cạnh tranh gay gắt khi khối ngân hàng quốc doanh lớn để mất thị phần khách hàng cho các ngân hàng thương mại cổ phần, VietinBank vẫn thu được thành công trong việc gia tăng thị phần nắm giữ lên hơn 13,5% thị phần tài trợ thương mại xuất nhập khẩu và chi trả kiều hối 05 tháng đầu năm 2011, tăng khoảng 1,5% so với năm 2010. Năm 2010, doanh số thanh toán nhập khẩu của Vietinbank là 10,6 tỷ USD và thanh toán xuất khẩu là 8,4 tỷ USD, số dư bảo lãnh bình quân tháng là 678,3 triệu USD.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Suy thoái kinh tế và sụt giảm nhu cầu tại các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam dẫn đến nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp không cao. Tốc độ tăng trưởng tín dụng năm 2011 giảm so với năm 2010 đồng nghĩa với việc các ngân hàng phải giảm bớt lợi nhuận từ hoạt động truyền thông vốn chiếm tới 60-70% thu nhập của toàn hệ thống. Bên cạnh đó, nguy cơ về nợ xấu của các ngân hàng vẫn còn tiềm ẩn.

Mặc dù vậy, ngành Ngân hàng vẫn là ngành tiềm năng trong tương lai. Việt Nam đang được đánh giá là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất trên thế giới với nhu cầu dịch vụ tài chính và cho vay tăng cao. Thu nhập bình quân của người Việt Nam cũng cao hơn trước đây dẫn đến gia tăng nhu cầu có các sản phẩm tiết kiệm, sản phẩm thẻ và các dịch vụ tài chính cá nhân. Đây là một thị trường mở cho các ngân hàng vốn hiện tại vẫn chưa được đáp ứng nhu cầu một cách đầy đủ.

Theo báo cáo của ADB, Việt Nam có dân số khoảng 87 triệu người (đứng thứ 13 trên thế giới), hiện mới chỉ có khoảng 7 triệu tài khoản cá nhân được mở. Tỷ lệ tiền mặt/tổng phương tiện thanh toán ở Việt Nam giai đoạn năm đến Quý I/2011 là khoảng 14%, cao hơn so với nhiều nước trong khu vực ước tính khoảng 50% tiết kiệm cá nhân được giữ bên ngoài hệ

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

thông ngân hàng chính thống dưới dạng tiền mặt, vàng và các tài sản khác. Trong các năm tới, khi nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chuyển đổi từ nền kinh tế tiền mặt sang hệ thống tài chính chính thống, tỷ lệ thâm nhập dịch vụ tài chính dự kiến sẽ có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ. Cuối năm 2006, Chính phủ đã phê duyệt đề án “Thanh toán không dùng tiền”. Mục tiêu của đề án là đến năm 2020, tỷ lệ tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán là 15%, số lượng tài khoản cá nhân đạt 45 triệu, hơn 90% người lao động lĩnh lương qua tài khoản và 95% khoản thanh toán giữa các doanh nghiệp được thực hiện qua ngân hàng.

Bộ phận phân tích thông tin kinh tế (EIU) của Tạp chí Economist trong dự đoán tương lai đã đánh giá, năm 2011 và xa hơn nữa, viễn cảnh chính trị của Việt Nam vẫn ổn định và viễn cảnh kinh tế là bền vững. Theo đánh giá của Vietinbank, triển vọng nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới có nhiều lạc quan mặc dù khó có sự hồi phục nhanh chóng của kinh tế Việt Nam. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nhưng do Việt Nam có thị trường tiêu thụ nội địa rộng lớn và các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô đã dần phát huy tác dụng, nền kinh tế Việt Nam vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng khá so với các nước khác trên thế giới. Thị trường tín dụng quốc tế hồi phục sẽ tạo đà cho sự khởi động lại của dòng vốn FDI vào Việt Nam khi các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục chiến lược Trung Quốc + 1 bị khủng hoảng tài chính làm dang dở. Bên cạnh đó, có sự thay căn bản về cách thức ra quyết định về phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế dựa trên hiệu quả toàn diện gắn với các nguyên tắc thị trường thay vì dựa quá nhiều vào các yếu tố phi thị trường.

Bảng 15: Một số dự báo về nền kinh tế Việt Nam 2011-2012

Chỉ tiêu	Đơn vị	2011F	2012 F
Tốc độ tăng GDP	%	6,0	6,7
Tăng lượng hàng hóa bán lẻ	%	16	19
Xuất nhập khẩu			
- Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu	%	23	25
- Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu	%	18	22
- Thâm hụt cán cân thương mại	Tỷ USD	14,5	15
FDI thực hiện	Tỷ USD	9	9,5
Tỷ lệ đầu tư/GDP	%	37	40
Tăng trưởng tín dụng	%	20	30
Tăng CPI bình quân 12 tháng	%	18,5	10

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Ngân hàng với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Theo nhận định năm 2011 sẽ là năm khó khăn của nền kinh tế Việt Nam nói chung và của hệ thống ngân hàng nói riêng. Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ thông qua việc tăng lãi suất, điều hành tỷ giá linh hoạt (tăng tỷ giá, thu hẹp biên độ dao động, mua-bán ngoại tệ trên thị trường mở, quy định kết hối...), hạn chế tín dụng phi sản xuất... Theo chỉ đạo của Thủ tướng, năm 2012, Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục thắt chặt tiền tệ.

Là Ngân hàng trong đó Nhà nước nắm phần vốn chi phối, VietinBank là một trong những doanh nghiệp hỗ trợ cho Ngân hàng Nhà nước để thực hiện các mục tiêu, chính sách tiền tệ đề ra, giúp kiểm soát và điều tiết thị trường tài chính. Mục tiêu chiến lược của VietinBank là xây dựng Ngân hàng Công thương Việt Nam trở thành Tập đoàn tài chính ngân hàng hiện đại, xếp hạng tiên tiến trong khu vực: đáp ứng toàn diện nhu cầu về các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, tài chính, hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng trong nước và quốc tế; Quản lý có hiệu quả và phát triển bền vững, ngân hàng.

Trong năm 2011, VietinBank đặt mục tiêu tăng trưởng tài sản, tăng trưởng nguồn vốn huy động, tăng trưởng dự nợ cho vay và đầu tư đạt 20%/năm; tăng cường quản lý rủi ro, đảm bảo nợ xấu dưới 3%; phân đầu duy trì hệ số an toàn vốn lớn hơn 9%; tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) bình quân đạt trên 16-18%, tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản (ROA) đạt trên 1,2%, tỷ lệ cổ tức phân đầu đạt 16%.

Sự phát triển của ngành ngân hàng đã có vai trò tác động tích cực trở lại tạo động lực cho sự phát triển kinh tế. Vốn ngân hàng đã và sẽ tiếp tục đóng vai trò tích cực trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp, các dự án lớn của đất nước, góp phần định hướng sự phát triển kinh tế của nhiều địa phương trong cả nước.

Trong thời gian tới, VietinBank sẽ tìm kiếm và hợp tác cùng với đối tác chiến lược nước ngoài để nâng cao chất lượng và sản phẩm dịch vụ ngân hàng đạt tầm quốc tế. Định hướng phát triển của VietinBank là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành ngân hàng, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

Số lượng lao động và cơ cấu lao động

Tính đến thời điểm 30/9/2011, tổng số lao động của VietinBank là 18.352 người, được phân loại như sau:

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Bảng 16: Phân loại lao động tại thời điểm 31/12/2010 và Quý III/2011

STT	Chỉ tiêu	31/12/2010		30/09/2011	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Phân theo trình độ:	17.243	100%	18.352	100%
+	Đại học và trên Đại học	13.228	76.71%	14.529	79.17%
+	Cao đẳng và cao cấp	1.167	6.77%	942	5.13%
+	Trung cấp và sơ cấp	1.140	6.61%	865	4.71%
+	Khác (bao gồm cả lao động phục vụ và hợp đồng ngắn hạn)	1.708	9.91%	2.016	10.99%
2	Phân theo thời hạn lao động:	17.243	100%	18.352	100%
+	Lao động không phải ký hợp đồng	42	0.24%	42	0.23%
+	Lao động không xác định thời hạn	12.988	75.33%	14.186	77.3%
+	Lao động có thời hạn từ 1 – 3 năm	2.161	12.53%	1.908	10.4%
+	Lao động có thời hạn dưới 1 năm	2.052	11.90%	2.216	12.07%
3	Phân loại theo đơn vị kinh doanh	17.243	100%	18.352	100%
+	Tại Hội sở chính	1.331	7.72%	1.466	7.99%
+	Tại chi nhánh, Công ty trực thuộc và đơn vị sự nghiệp khác	15.912	92.28%	16.886	92.01%

Nguồn: VietinBank

VietinBank luôn coi việc phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, mang tính quyết định đối với sự phát triển bền vững của hệ thống VietinBank. Thực hiện chủ trương trên, VietinBank đã không ngừng tăng cường và cải thiện cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng những yêu cầu về nhân sự trong quá trình hoạt động và phát triển.

Hàng năm, VietinBank thực hiện công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ, đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu để các đơn vị tự chủ trong hoạt động kinh doanh, tiếp cận phục vụ khách hàng, phát triển sản phẩm, dịch vụ; thường xuyên tổ chức các đợt học tập, thực tập, khảo sát, hội thảo trong và ngoài nước về các lĩnh vực then chốt như quản trị rủi ro, giải pháp công nghệ cho ngân hàng, tài trợ thương mại, thẩm định, dịch vụ ngân hàng bán buôn và bán lẻ, v.v.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đặc biệt, VietinBank chú trọng nâng cao trình độ lý luận, phẩm chất và năng lực cán bộ cho sự nghiệp phát triển của Ngân hàng, quan tâm tới chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo, ưu đãi tiền lương cán bộ, thu hút tuyển dụng nhân tài, đánh giá sử dụng cán bộ đúng người đúng việc để phát huy hiệu quả công tác quản trị điều hành.

Các chính sách với người lao động

Chế độ làm việc

Người lao động trong hệ thống VietinBank thực hiện làm việc theo HĐLĐ đã ký kết (trừ các chức danh không thuộc đối tượng ký kết HĐLĐ gồm: Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng). Thời giờ làm việc của người lao động không quá 08 giờ/ngày hoặc 48 giờ/tuần theo Quy chế nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể của VietinBank và Công đoàn VietinBank.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Ngân hàng đã ban hành Quy chế tuyển dụng lao động, theo đó Ngân hàng thực hiện việc tuyển dụng lao động có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu kinh doanh và tiêu chuẩn chức danh. Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Ngân hàng, VietinBank đặc biệt chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. VietinBank thường xuyên tổ chức đào tạo nội bộ, đồng thời khuyến khích nhân viên nâng cao trình độ thông qua việc tham gia các khoá học bên ngoài do Ngân hàng đài thọ. Ngân hàng đã ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho toàn hệ thống.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Tiền lương và tiền thưởng trả cho người lao động trong VietinBank căn cứ vào hiệu quả kinh doanh, chức danh công việc và chế độ tiền lương theo Quy chế tiền lương đã được ban hành, bao gồm:

- Lương cơ bản: Lương cơ bản chi trả đối với người lao động được xác định trên cơ sở hệ số lương cơ bản và hệ số phụ cấp theo lương cơ bản (nếu có) của người lao động (theo hệ thống thang bảng lương của Nhà nước quy định tại Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ và mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định theo từng thời kỳ).
- Lương kinh doanh: VietinBank thực hiện trả lương theo vị trí công việc, theo mức độ hoàn thành kế hoạch, công việc được giao trên cơ sở các mức lương VietinBank xây dựng tại quy định trả lương trong hệ thống VietinBank ban hành kèm theo Quyết định 126/QĐ-HĐQT-NHCT2 ngày 04/02/2008.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Mức lương bình quân Vietinbank chi trả đối với người lao động: năm 2006 là 5,50 triệu đồng/người/tháng, năm 2007 là 7,16 triệu đồng/người/tháng, năm 2008 là 13,5 triệu đồng/người/tháng, năm 2009 là 16,68 triệu đồng/người/tháng và năm 2010 là 17,86 triệu đồng/người/tháng.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. VietinBank chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ VietinBank và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VietinBank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).
- Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của VietinBank do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của VietinBank hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.
- Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng thanh toán và sinh lời của VietinBank.
- Trừ trường hợp cổ phiếu có các quyền đi kèm hoặc các điều khoản phát sinh cổ phiếu có quy định khác, mức cổ tức của những cổ phiếu chưa được thanh toán hết được trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó tính đến thời điểm chi trả cổ tức. VietinBank không chi trả cổ tức bổ sung khi các cổ phiếu đó được thanh toán hết.
- VietinBank không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn trả cổ tức.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

11. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, kế toán trưởng

Hội đồng quản trị

Họ và tên: **PHẠM HUY HÙNG** – Chủ tịch HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/11/1954

CMND: 011539613 ngày cấp: 19/01/2005 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Ngõ Ngán, Từ Liêm, Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 06/154 phố Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04. 3942 1030

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế (1995 – 1997 Đại học Tài chính Kế toán)

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

1973 - 1978	Sinh viên Đại học Tài chính Kế toán khoa Ngân hàng
02/1978 - 09/1980	Cán bộ Vụ thương nghiệp Vật tư Bộ Tài chính
10/1980 - 06/1988	Cán bộ Vụ Tín dụng Thương nghiệp NHNN Việt Nam
07/1988 - 02/1990	Phó văn phòng Ngân hàng Công thương Việt Nam
02/1990 - 03/1992	Phó Trưởng phòng tín dụng NHCT Việt Nam
04/1992 - 04/1993	Trưởng phòng Tiền tệ Ngân hàng Công thương Việt Nam
05/1993 - 04/1994	Phó Giám đốc Chi nhánh NHCT Ba Đình
05/1994 - 10/1996	Giám đốc Chi nhánh NHCT Ba Đình
11/1996 - 04/2002	Phó Tổng giám đốc NHCT Việt Nam

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

04/2002 - 07/2002	Quyền Tổng giám đốc NHCT Việt Nam
07/2002 - 10/2007	UVHĐQT kiêm Tổng giám đốc NHCT Việt Nam
11/2007 - 05/2009	Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng Công thương VN Bí thư Đảng uỷ Ngân hàng Công thương Việt Nam
06/2009 - Nay	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Bí thư Đảng uỷ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
- Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng liên doanh Indovina.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu:

- Của bản thân: 4.044 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 6.210 cổ phần

- Vợ: Phạm Thị Hòa Minh sở hữu 6.202 cổ phần
- Chị: Phạm Thị Thanh sở hữu 8 cổ phần

Họ và tên: NGUYỄN VĂN THẮNG - Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/09/1973

CMND: 011836037 ngày cấp: 12/08/2008 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Địa chỉ thường trú: Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04. 3942 1030

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính lưu thông tiền tệ

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

10/1991 – 10/1995	Học Cao đẳng Ngân hàng tại Học viện Ngân hàng
12/1996 – 12/2000	Cán bộ Kinh doanh đối ngoại NHCT Chi nhánh Ba Đình
01/2001 – 05/2003	Thư ký Tổng Giám đốc NHCTVN
06/2003 – 02/2006	Phó Chánh văn phòng kiêm Thư ký Tổng Giám đốc NHCTVN
03/2006 – 08/2008	Phó trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn NHCTVN
09/2008 – 12/2009	Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn NHCTVN
01/2010 – 01/6/2011	Giám đốc NH TMCP CT VN Chi nhánh TP Hà Nội
01/6/2011 - nay	Ủy viên HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu:

- Của bản thân: 121.896 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 0 cổ phần

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Họ và tên: PHẠM THỊ HOÀNG TÂM - Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 05/06/1958

CMND: 020588498 ngày cấp: 18/10/2002 nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh

Nơi sinh: Tỉnh Bến Tre

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tỉnh Bến Tre

Địa chỉ thường trú: 133 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04. 3942 1030

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tiên sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

1977 - 1981	Sinh viên trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh
01/1982 - 04/1984	Cán bộ tín dụng Ngân hàng Nhà nước thị xã Bến Tre
04/1984 - 05/1987	Trưởng phòng TD Ngân hàng Nhà nước thị xã Bến Tre
06/1987 - 07/1988	Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước thị xã Bến Tre
08/1988 - 05/1991	Phó Giám đốc NHCT tỉnh Bến Tre
05/1991 - 10/1991	Quyền Giám đốc NHCT tỉnh Bến Tre
11/1991 - 09/1999	Giám đốc NHCT tỉnh Bến Tre
10/1999 - 01/2003	Phó Tổng giám đốc NHCT Việt Nam
02/2003 - 08/2006	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL
09/2006 - 05/2009	Ủy viên HĐQT - Ngân hàng Công thương VN, kiêm Trưởng ban Kiểm soát từ ngày 01/09/2007.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

05/2009 - nay

Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu:

- Của bản thân: 16.988 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 2.292 cổ phần

- Con trai: Nguyễn Tấn Phát sở hữu 2.292 cổ phần

Họ và tên: TRẦN XUÂN CHÂU - Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/03/1959

CMND: 010450227 ngày cấp: 11/07/2007 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Quảng Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hương Trà, Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ thường trú: 504A, số 6 Lê Thánh Tông, TP Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.39421030

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

02/1983 - 06/1988

Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Ba Đình

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

07/1988 - 01/1991	Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Công thương chi nhánh Ba Đình Đảng ủy viên Đảng bộ NHCT Ba Đình, Bí thư Đoàn cơ sở
02/1991 - 3/1998	Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Quản lý các Ngân hàng – Vụ các Ngân hàng và TCTD phi ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
04/1998 - 7/2008	Phó Vụ trưởng Vụ các Ngân hàng và TCTD phi ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
08/2008 - 06/2009	Ủy viên chuyên trách HĐQT Ngân hàng Công thương Việt Nam
7/2009 - nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 3.370 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 3.775 cổ phần

- Em: Trần Thị Kim Yến sở hữu 3.775 cổ phần

Họ và tên: NGUYỄN HỒNG VÂN - Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 11/12/1969

CMND: 011567149 ngày cấp: 15/03/2008 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Cát Nhon – Phù Cát – Bình Định

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Địa chỉ thường trú: Số 62 Trần Quốc Toản, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.39421030

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng (năm 2007)

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

1986 - 1990	Sinh viên Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội
12/1990 - 07/1995	Cán bộ phòng Kế hoạch Ngân hàng Công thương Việt Nam
07/1995 - 03/2003	Phó phòng Cân đối Tổng hợp NHCTVN
03/2003 - 03/2006	Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp & Đầu tư NHCTVN
03/2006 - 08/2008	Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp & Hỗ trợ ALCO NHCTVN
09/2008 - 05/2009	Ủy viên HĐQT Ngân hàng Công thương VN
5/2009 - nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương VN

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH một thành viên Bảo hiểm NH TMCP CT VN

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 2.292 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 0 cổ phần

Họ và tên: TRẦN THỊ HỒNG HẠNH - Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 07/11/1958

CMND: 010968764 ngày cấp: 18/02/2008 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phương Sơn – Triệu Phong – Quảng Trị.

Địa chỉ thường trú: 61 Nguyễn Du - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ năm 1997.

Quá trình công tác:

11/1975 - 01/1980	Sinh viên trường Đại học Tài chính Kế toán
07/1980 - 11/1990	Giáo viên trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng
12/1990 - 01/1993	Thực tập sinh tại Liên Xô
02/ 1993 - 03/1993	Cán bộ Phòng Thông tin phòng ngừa rủi ro – Vụ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
04/1993 - 11/1994	Phó trưởng phòng – Phòng Thông tin phòng ngừa rủi ro
12/1994 - 04/1998	Trưởng phòng Phòng Thẩm định dự án Vụ Tín dụng
04/1998 - nay	Phó Vụ trưởng Vụ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
06/2009 - nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;
- Phó Vụ trưởng Vụ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Chủ tịch Công đoàn bộ phận Vụ Tín dụng;
- UVBCH Công đoàn Ngân hàng Nhà nước Trung ương;
- UVBCH Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam khoá X.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Số lượng chứng khoán sở hữu: 0 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 0 cổ phần

Họ và tên: ĐỖ THỊ THUỶ - Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 04/01/1960

CMND: 010442664 ngày cấp: 08/11/2004 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thôn Thông Lộ, xã Cổ Thành, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ thường trú: 25 ngõ 12, Chùa Bộc, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04. 3942 1030

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

02/1982 - 07/1997	Giảng viên trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng (nay là Học viện Ngân hàng Hà Nội)
08/1997 - 02/2001	Cán bộ Tín dụng Trụ sở chính NHCT Việt Nam
03/2001 - 03/2003	Phó phòng Tín dụng Ngắn hạn NHCT Việt Nam
04/2003 - 10/2003	Trưởng phòng Tín dụng Ngắn hạn NHCT Việt Nam
11/2003 - 05/2007	Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn NHCT
06/2007 - 07/2008	Giám đốc chi nhánh NHCT Ba Đình
08/2008 - 05/2009	Ủy viên HĐQT – Ngân hàng Công thương VN
06/2009 - nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Chức vụ công tác hiện:

- Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 10.219 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 10.112 cổ phần

- Ông Kim Đức Thịnh sở hữu 10.112 cổ phần

Họ và tên: MICHAEL KNIGHT IPSON - Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 26/01/1947

Số hộ chiếu: 710962103 Ngày cấp 15/6/2005 Ngày hết hạn 14/6/2015

Nơi sinh: Yakima, Washington, Hoa Kỳ

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Dân tộc:

Quê quán: Yakima, Washington, Hoa Kỳ

Địa chỉ thường trú: 1055 Laurel Lane, Pebble Beach, California 93953, Hoa Kỳ

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (831) 375-5900

Trình độ văn hóa:

Trình độ chuyên môn:

09/1964 – 06/1969	Cử nhân lịch sử, Đại học Stanford, Stanford, California
08/1966 – 06/1968	Sinh viên lịch sử trong chương trình trao đổi sinh viên của Đại học California
09/1971 – 06/1973	Thạc sĩ Đông Á học, Đại học Stanford, Stanford, California

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

09/1973 – 08/1979	Ứng viên học hàm Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử và ngôn ngữ Đông Á, lịch sử Việt Nam, Trung Quốc
02/1997 – 12/1999	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Đại học DePaul Chicago III

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

09/1979 – 02/1982	Chemical Bank – New York
02/1982 – 01/1986	Chemical Bank – Hồng Kông
01/1986 – 02/1988	Chemical Bank – Bắc Kinh
02/1988 – 12/1991	Công ty TNHH Ngân hàng Chemical – Hồng Kông
12/1991 – 03/2005	Ngân hàng quốc tế Châu Á – Hồng Kông
04/2005 – 12/2009	Tổ chức Tài chính Quốc tế - Bắc Kinh
02/2010 - nay	Tổ chức tài chính Quốc tế - Washington, DC

Chức vụ công tác hiện:

- Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 0 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 0 cổ phần

Ban Điều hành

Họ và tên: NGUYỄN VĂN THẮNG – Quyền Tổng Giám đốc (sơ yếu lý lịch xem trong phần HĐQT)

Họ và Tên: NGUYỄN VIỆT MẠNH – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ngày tháng năm sinh: 15/02/1962

CMND: 110511834 ngày cấp: 22/5/1979 nơi cấp: CA Hà Sơn Bình

Nơi sinh: Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Tây

Địa chỉ thường trú: 98 Vọng Hà, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

4/1984 – 3/1987	Cán bộ tín dụng Ngân hàng Quảng Nam-Đà Nẵng
4/1987 – 12/1992	Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Công thương Đống Đa
01/1993 – 01/1997	Phó phòng, TP Kế toán NHCT Đống Đa
02/1997 – 01/1999	Phó Giám đốc Ngân hàng Công Thương Đống Đa
02/1999 – 9/1999	Giám đốc Ngân hàng Công Thương Đống Đa
10/1999 – 3/2003	Giám đốc Ngân hàng Công Thương Ba Đình
4/2003 – nay	Phó Tổng giám đốc NH TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng giám đốc VietinBank
- Ủy viên HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương;
- Ủy viên HĐQT Công ty CP chuyển mạch tài chính quốc gia Việt Nam (Banknet).

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Số lượng chứng khoán sở hữu: 3.235 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 3.235 cổ phần

- Wợ Vũ Thị Lan Hương sở hữu 3.235 cổ phần

Họ và tên: NGUYỄN VĂN THẠNH - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1960

CMND: 012708469, ngày cấp: 24/5/2004, nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi sinh: Vụ Bản, Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

Địa chỉ thường trú: 38/160 Phố Hào Nam, quận Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

04/1982 – 04/1985	Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước Thị xã Hồng Gai
05/1985 – 3/1991	Cán bộ kế toán Ngân hàng Hà Nam Ninh
04/1991 – 8/1994	Phó phòng Kế toán Ngân hàng Công thương Việt Nam
09/1994 – 01/1996	Chánh văn phòng Ngân hàng Công thương Việt Nam
02/1996 – 9/1999	Trưởng phòng Quản lý tài chính NHCTVN
10/1999 – nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Ủy viên HĐQT Quỹ tín dụng Nhân dân Trung ương

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác tài sản NH TMCP CT VN

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 2.777 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 6.202 cổ phần

- Vợ Đỗ Thị Kim Thoa sở hữu 6.202 cổ phần

Họ và tên: NGUYỄN VĂN DU – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/6/1962

Số CMND: 010311024 ngày cấp: 09/12/2002 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nhân Chính – Thanh Xuân – Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 12A02, Nhà 24T1, Đường Hoàng Đạo Thúy, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.394211200

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

3/1986-7/1987	Cán bộ Phòng Kế toán tài chính NHNN huyện Thanh Trì, Hà Nội
8/1987-02/1991	Cán bộ Phòng Tín dụng Chi nhánh NHCT Đống Đa
3/1991-3/1995	Cán bộ Phòng Kinh tế Đối ngoại NHCTVN
4/1995-6/1995	Phó trưởng Phòng Kinh tế đối ngoại NHCTVN

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

7/1995-3/1996	Quyền Trưởng phòng Khai thác vốn quốc tế NHCTVN
4/1996-3/2003	Trưởng phòng Quan hệ đại lý và khai thác vốn quốc tế NHCTVN
4/2003-7/2008	Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo NHCTVN
8/2008-Nay	Phó Tổng giám đốc NHCTVN

Chức vụ công tác hiện nay:

5/1997 - nay	Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng liên doanh Indovina
2004 - nay	Ủy viên Thường vụ Đảng ủy NHCTVN
2007 - nay	Chủ tịch Công đoàn Trụ sở chính NHCTVN
2008 - nay	Chủ tịch Công đoàn NHCTVN
8/2008 - nay	Phó Tổng giám đốc NHCTVN
2009 - nay	Ủy viên Ban chấp hành TW Hiệp hội Kinh doanh Vàng VN

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 16.449 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 539 cổ phần

- Anh trai Nguyễn Cao Khánh nắm giữ 539 cổ phần

Họ và tên: PHẠM ANH TUẤN - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 09/4/1966

CMND: 021744805 **ngày cấp:** 23/02/2006 **nơi cấp:** CA TP HCM

Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hải Châu, Hải Hậu, Nam Định

Địa chỉ thường trú: 157/23/2B Pháo Đài Láng, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

8/1990-1/1994	Cán bộ Trung tâm tính toán NH TP Hồ Chí Minh, Sở giao dịch II Ngân hàng Công thương Việt Nam
02/1994 – 2/1995	Phó trưởng phòng Thông tin điện toán Sở giao dịch II NHCTVN
3/1995 – 9/1997	Trưởng phòng Thông tin điện toán Sở giao dịch II
10/1997 – 4/1999	Phó phòng TTĐT Sở giao dịch II NHCTVN
5/1999 – 5/1999	Phó phòng TTĐT Văn phòng Đại diện
6/1999 – 7/2008	Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin NHCTVN
8/2008 đến nay	Phó Tổng giám đốc NHCTVN

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu:

Số lượng chứng khoán nắm giữ của cá nhân: 55.337 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 3.640 cổ phần

- Vợ Đoàn Thị Thu Hà nắm giữ 3.640 cổ phần

Họ và tên: BÙI NHƯ Ý – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nữ

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ngày tháng năm sinh: 15/4/1962

CMND: 011706614 ngày cấp: 25/7/2007 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hải Bắc, Hải Hậu, Nam Định

Địa chỉ thường trú: Nhà 24 Ngõ 81 đường Đặng Văn Ngữ, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

11/1984 - 4/1990	Cán bộ Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng
5/1990 - 3/1993	Cán bộ tín dụng NHCT Hà Nội
4/1993 - 4/1995	Cán bộ tín dụng NHCT Việt Nam
05/1985 - 9/1997	Phó phòng XD&QLDA đầu tư NHCT VN
10/1997- 10/2003	Phó phòng QLDA&TDTH NHCT VN
11/2003 - 2/2006	Trưởng phòng Quản lý tín dụng NHCT VN
3/2006 - 5/2007	Trưởng phòng Chế độ tín dụng, đầu tư NHCT VN
06/2007 - 7/2008	Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp lớn NHCT
8/2008 - đến nay	Phó Tổng Giám đốc NH TMCP CT VN

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Số lượng chứng khoán sở hữu của bản thân: 16.158 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

Họ và tên: VÕ MINH TUẤN – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 24/10/1967

CMND: 022835428 ngày cấp: 14/03/2008 nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh

Nơi sinh: Sài Gòn

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán:

Địa chỉ thường trú: 160 Ông Ích Khiêm, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.39421030

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế phát triển)

Quá trình công tác:

01/1990 - 02/1998	Cán bộ Phòng Kế toán tài chính NHCT chi nhánh TP.HCM
03/1998 - 07/2001	Phó Phòng Thanh toán Quốc tế NHCT Chi nhánh TP. HCM
08/2001 - 09/2005	Trưởng phòng Kế toán tài chính NHCT Chi nhánh TP.HCM
10/2005 - 01/2008	Phó Giám đốc NHCT Chi nhánh TP.HCM
02/2008 - 03/2010	Giám đốc NHCT Chi nhánh 1 TP.HCM
04/2010 - nay	Phó Tổng Giám đốc NH TMCP CT VN

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu của bản thân: 5.797 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 2.778 cổ phần

- Wợ Trần Kim Thu nắm giữ 2.778 cổ phần

Họ và tên: LÊ ĐỨC THỌ – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 25/7/1970

CMND: 012942814 ngày cấp: 11/4/2007 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phú Thọ

Địa chỉ thường trú: P108, Nhà C3, Làng Quốc tế Thăng Long, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.39421030

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

11/1991 - 12/1992	Cán bộ Phòng Kế toán NHCT chi nhánh Vĩnh Phú
01/1993 - 03/1995	Cán bộ Phòng Thông tin điện toán NHCT Chi nhánh Vĩnh Phú
04/1995 - 08/1996	Cán bộ Phòng Tín dụng NHCT Chi nhánh Vĩnh Phú
09/1996 - 12/1996	Tổ trưởng tổ thâm định thuộc Phòng Kinh doanh NHCT Chi nhánh Vĩnh Phú
01/1997 - 04/2002	Phó Trưởng Phòng Kinh doanh NHCT Chi nhánh Phú Thọ
05/2002 - 05/2003	Cán bộ Phòng Tín dụng Trung dài hạn và QL Dự án NHCT VN

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

06/2003 - 10/2003	Phó Trưởng Phòng Cân đối tổng hợp NHCT VN
11/2003 - 02/2006	Phó Trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp và Đầu tư NHCT VN
03/2006 - 03/2010	Trưởng Phòng Đầu tư NHCT VN
04/2010 - nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần PCB
- Phó Chủ tịch Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu của bản thân: 21.168 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 6.797 cổ phần

- Vợ Trần Thị Minh Vỹ nắm giữ 6.797 cổ phần

Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG DŨNG – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/11/1962

CMND: 025261199

Ngày cấp: 15/12/2010

Nơi cấp: CA TP HCM

Nơi sinh: TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 114, Lô E, Chung cư Hùng Vương, Phường 11, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại liên lạc:

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế ngành Kinh doanh tiền tệ

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

03/1985 – 10/1988	Cán bộ tín dụng NHNN TX Cà Mau, tỉnh Minh Hải
10/1988 – 02/1991	Tổ phó Tổ tín dụng NHCT tỉnh Minh Hải
03/1991 – 09/1992	Phó trưởng phòng Kiểm soát NHCT tỉnh Minh Hải
10/1992 – 07/1993	Trợ lý Giám đốc NHCT tỉnh Minh Hải
08/1993 – 12/1996	Trưởng phòng TCHC NHCT tỉnh Minh Hải
01/1997 – 10/1998	Trưởng phòng kinh doanh NHCT Cà Mau
11/1998 – 12/2004	Trưởng phòng giao dịch TPHCM NHCT Cà Mau
01/2005 – 10/2007	Phó Giám đốc NHCT Cà Mau
10/2007 – 02/2010	Giám đốc NHCT Cà Mau
02/2010 – 15/3/2011	Cán bộ quản lý cấp cao NH TMCP CT VN
15/3/2011 - nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu của bản thân: 24.269 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 1.709 cổ phần

- Vợ Nguyễn Trần Hòa Bình sở hữu 1.709 cổ phần

Họ và tên: NGUYỄN HẢI HÙNG – Kế toán trưởng

Giới tính: Nam

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ngày tháng năm sinh: 13/12/1972

CMND: 013348377

Ngày cấp: 23/9/2010

Nơi cấp: CA Hà Nội

Nơi sinh: Xã Bạch Đằng Huyện Đông Hưng Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 5A Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0904252732

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

04/1991 – 06/2001	Nhân viên phòng kế toán NHCT Thái Bình
07/2001 – 03/2007	Nhân viên phòng kế toán Thanh toán NHCT Việt Nam
04/2007 – 05/2008	Phó phòng kế toán Thanh toán NHCT Việt Nam
06/2008 – 09/2009	Phó phụ trách phòng kế toán Thanh toán NHCT Việt Nam
10/2009 – 05/2011	Trưởng phòng kế toán Thanh toán NHCT Việt Nam
01/6/2011 - nay	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu của bản thân: 12.404 cổ phần

Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 1.617 cổ phần

- Vợ Trần Thanh Phương sở hữu 1.617 cổ phần

Ban kiểm soát

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Họ và tên: TRẦN THỊ LỆ NGA - Trưởng Ban kiểm soát

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 07/09/1961

CMND: 010479290 ngày cấp: 18/06/2001 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hoàng Diệu, Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 150 Tô 4, Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, khoá 11 trường ĐHKT Quốc Dân

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

1979 - 1983	Sinh viên trường Cao đẳng Ngân hàng
04/1984 - 08/1988	Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước huyện Gia Lâm
09/1988 - 04/1994	Cán bộ Tín dụng Chi nhánh NHCT Chương Dương
05/1994 - 11/1994	Phó phòng Kinh doanh chi nhánh NHCT Chương Dương
12/1994 - 05/2001	Trưởng phòng Kinh doanh ĐN - NHCT Chương Dương
06/2001 - 03/2003	Phó Giám đốc chi nhánh – NHCT Chương Dương
04/2003 - 5/2009	Giám đốc chi nhánh – NHCT Chương Dương
06/2009 – Nay	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 27.403 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 430 cổ phần

- Em trai Trần Công Thành nắm giữ: 430 cổ phần

Họ và tên : **PHAN THỊ QUÝ** - Ủy viên Ban kiểm soát

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 24/09/1954

CMND: 011090342 ngày cấp: 28/10/2008 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Tỉnh Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội)

Địa chỉ thường trú: Phòng 501A, D3 tổ 78, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

01/1974 - 02/1978	Sinh viên trường Đại học Tài chính
02/1978 - 06/1979	Làm công tác cải tiến quản lý Tài chính của Bộ Tài chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.
06/1979 - 12/1980	Giáo viên trường Trung học Ngân hàng miền núi Bắc Thái tại Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên
01/1981 - 07/1994	Giáo viên trường Trung học Ngân hàng 4 tại Sơn Tây, Hà Tây
07/1994 - 08/1998	Cán bộ Tín dụng tại chi nhánh NHCT Khu vực Ba Đình

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

09/1998 - 05/2005	Cán bộ Tín dụng tại phòng Tín dụng ngắn hạn phòng Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Trụ sở chính NHCTVN
06/2005 - 12/2007	Kiểm tra viên tại Ban Kiểm tra kiểm soát Nội bộ NHCTVN
01/2008- 5/2009	Thành viên Ban Kiểm soát HĐQT – Ngân hàng công thương Việt Nam
06/2009 - Nay	Ủy viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên Ban Kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 8.089 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 1.348 cổ phần

- Con gái Nguyễn Thu Trà nắm giữ 1.348 cổ phần

Họ và tên: PHẠM THỊ THƠM - Ủy viên Ban kiểm soát

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 05/02/1969

CMND: 012468828 ngày cấp: 10/09/2001 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Xã Yên Từ - huyện Yên Mô - tỉnh Ninh Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Yên Từ - huyện Yên Mô - tỉnh Ninh Bình

Địa chỉ thường trú: Số nhà 33, ngõ 12, Quang Trung, Đồng Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 12/12

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

10/1986 - 10/1990	Sinh viên trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng (nay là Học viện Ngân hàng Hà Nội)
03/1991 - 09/2001	Nhân viên Ngân hàng No&PTNT chi nhánh Hà Nội
10/2001 - 09/2003	Phó phòng Kế toán Ngân hàng No&PTNT chi nhánh Hà Nội
10/2003 - 12/2005	Trưởng phòng Kế toán Ngân hàng No&PTNT chi nhánh HN
01/2006 -10/2006	Chuyên viên phòng Chế độ Vụ Kế toán - Tài chính NHNN
11/2006 -12/2008	Phó phòng Chế độ Vụ Kế toán - Tài chính NHNN
01/2009 - nay	Trưởng phòng Chế độ Vụ Kế toán - Tài chính NHNN
06/2009 - nay	Ủy viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Ủy viên Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam
- Trưởng phòng Chế độ Vụ Tài chính – Kế toán NHNN VN

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng chứng khoán sở hữu: 0 cổ phần

Số lượng chứng khoán nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

12. Tình hình hoạt động tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 17: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của VietinBank

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Quý III/2011
Quy mô vốn				
- Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	12.336.159	12.572.078	18.170.363	24.313.306

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Bảng 17: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của VietinBank

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Quý III/2011
- Tổng tài sản Có (triệu đồng)	193.590.357	243.785.208	367.712.191	414.985.844
- Tỷ lệ an toàn vốn Car	12,02%	8,46%	8,02%	9,86%
Kết quả hoạt động kinh doanh				
- Số dư huy động vốn (triệu đồng)	174.905.680	220.435.795	339.699.277	354.513.832
- Số dư cho vay (triệu đồng)	118.601.677	161.619.376	231.434.907	269.608.615
- Nợ nhóm 2 (triệu đồng)	3.968.311	1.660.011	2.399.518	3.714.119
- Nợ xấu (triệu đồng)	2.187.345	1.000.809	1.538.538	3.931.686
- Hệ số sử dụng vốn				
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	15,70%	20,74%	22,21%	1,11%
+ Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản bình quân	1,35%	1,54%	1,50%	19,20%
- Tỷ lệ nợ nhóm 2/ Dư nợ cho vay	3,29%	1,02%	1,02%	1,36%
- Tỷ lệ nợ xấu/ Dư nợ cho vay	1,81%	0,61%	0,66%	0,71%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Khả năng thanh toán ngay (%) ^(*)	25,70%	29,27%	22,48%	-
- Khả năng thanh toán chung (%) ^(**)	55,90%	58,70%	33,30%	-

(Nguồn: VietinBank)

$$(*) \text{ Khả năng thanh toán ngay} = \frac{\text{Tài sản Có có thể thanh toán ngay}}{\text{Tài sản Nợ phải thanh toán ngay}}$$

$$(**) \text{ Khả năng thanh toán chung} = \frac{\text{Tổng dư nợ cho vay trung, dài hạn}}{\text{Nguồn vốn dùng để cho vay trung, dài hạn}}$$

13. Tài sản

Bảng chỉ tiêu trên cho thấy trong giai đoạn 2008-Quý III/2011, VietinBank đã có sự tăng trưởng cả về quy mô và kết quả hoạt động kinh doanh, cụ thể:

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: %

Bảng 18: Tăng trưởng về quy mô và kết quả hoạt động kinh doanh của VietinBank 2008-Quý III/2010

	2008	2009	2010	Quý III/2011
% tăng trưởng Vốn Chủ sở hữu	15,9%	1,9%	44,5%	33,8%
% tăng trưởng Tổng tài sản có	16,5%	25,9%	50,8%	12,9%
% tăng trưởng huy động vốn	15,5%	26,1%	54,0%	4,4%
% tăng trưởng dư nợ cho vay	18,0%	36,3%	43,2%	16,5%

Nguồn: VietinBank

Về quy mô, tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu năm 2007 đạt 88,8%, năm 2008 tăng 15,8%, năm 2010 tăng 24,5%. Tốc độ tăng trưởng tài sản có bình quân hàng năm của VietinBank đạt trên 20%, đặc biệt năm 2010 tăng 51%. Tốc độ tăng trưởng huy động vốn bình quân hàng năm cũng đạt trên 20%. Tỷ lệ an toàn vốn Car đã có sự cải thiện rõ rệt từ 5,18% năm 2006 lên 11,62% năm 2007 và 12,02% năm 2008, năm 2009 là 8,06% và năm 2010 là 8,02%.

Về kết quả hoạt động kinh doanh, tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay bình quân hàng năm của VietinBank đạt xấp xỉ 25%, trong đó tỷ lệ nợ nhóm 2/Tổng dư nợ cho vay có xu hướng giảm dần từ 5,00% năm 2006 xuống còn 1,19% năm 2007, 3,28 % năm 2008 và 1,02% cho năm 2009 và 2010; tỷ lệ nợ xấu của VietinBank cũng giảm từ 1,4% năm 2006 xuống còn 1,01% năm 2008, 0,61% năm 2009 và năm 2010 là 0,66%. Trong giai đoạn 2006-2010, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu liên tục được cải thiện, tăng đáng kể từ mức 15,7% năm 2008 lên mức 22,2% năm 2010.

13.1. Tài sản cố định theo sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2010

Đơn vị tính: triệu đồng

Bảng 19: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2010

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	4.596.080	2.389.734	2.206.346

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: triệu đồng

Bảng 19: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2010

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	935.184	393.548	541.636
Máy móc thiết bị	2.823.953	1.557.481	1.266.472
Phương tiện vận chuyển	560.530	280.850	279.680
Tài sản cố định khác	276.413	157.855	118.558
Tài sản cố định vô hình	1.279.523	188.224	1.091.299
Tiền thuê đất	0	0	0
Quyền sử dụng đất	948.365	49.133	899.232
Phần mềm kế toán	319.939	135.551	184.388
Tài sản vô hình khác	11.219	3.540	7.679

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán 2010 VietinBank

13.2. Tình hình quản lý và sử dụng đất

Tổng diện tích đất VietinBank hiện đang quản lý, sử dụng tính đến thời điểm 31/03/2011 là: 699.679 m², được chi tiết như sau:

Bảng 20: Tình hình quản lý và sử dụng đất

Hình thức sử dụng đất	Số vị trí	Diện tích (m ²)
Đất thuê trả tiền hàng năm	279	286.143
Đất thuê trả tiền một lần	20	51.303
Đất giao có thời hạn	53	66.888
Đất giao lâu dài	118	180.652
Đất có nguồn gốc đất ở dân cư	102	27.577
Chưa xác định được hình thức sử dụng đất	43	87.116

Nguồn: VietinBank

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Bảng 21: Một số khu đất chính do VietinBank đang sở hữu

Đơn vị quản lý, sử dụng	Địa chỉ	Diện tích (m2)
NHCTVN	Đất Láng Hòa Lạc	-
NHCTVN	Đất tại Ciputra	29.932
NHCTVN	Đất Vân Canh	-
NHCTVN	108 đường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.	1.023
NHCTVN	18 Phan Đình Phùng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.	62
NHCTVN	25 Lý Thường Kiệt	2.850
NHCTVN	TTĐT tại Huế	-
Hoàn Kiếm	35 Hàng Bò, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	179
Ba Đình	126 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội.	1.077
Đống Đa	187 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội	1.167
Thanh Xuân	Khu Nội chính - Thanh Xuân TSC NHCT	1.500
Chương Dương	32/298 đường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội	4.315
Bắc Hà Nội	441 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Hà Nội.	1.659
Đông Hà Nội	284 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội.	1.314
Hoàng Mai	Quyền sử dụng đất đấu giá, tại khu đô Đền Lừ	4.680
Nam Thăng Long	117A đường Hoàng Quốc Việt.	887
Hai Bà Trưng	285 đường Trần Khát Chân, Hai Bà Trưng, Hà Nội.	1.485
Đông Anh	Khối I, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội.	762
Tây Hà Nội	72 đường Hồ Tùng Mậu, huyện Từ Liêm, Hà Nội.	143
Hải Phòng	36 đường Điện Biên Phủ, Thành phố Hải Phòng.	850
Tô Hiệu	116 đường Tô Hiệu, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.	473
Đồ Sơn	193 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, Hải Phòng	4.305
Lê Chân	124 Nguyễn Đức Cảnh	2.871
Hồng Bàng	90 Trần Quang Khải	845
Kiến An	83 Trần Thành Ngọ, quận Kiến An	3.149
Bắc Kạn	15 đường Trường Chinh, Tx Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	1.297

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Lào Cai	Đất Cam Đường	3.598
Lào Cai	7 Hoàng Liên, P.Cốc Lều, Lào Cai	885
Cao Bằng	Đất lô 72&72A tỉnh lộ 18, phường Sông Bằng, tỉnh Cao Bằng	263
Cao Bằng	64 đường Hoàng Đình Giông, phường Hợp Giang, TX Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	1.104
Sơn La	Ngã tư Nguyễn Lương Bằng phố 3/2 - TP.Sơn La	2.190
Lạng Sơn	51 Lê Lợi, P.Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	1.703
Thái Nguyên	62 Hoàng Văn Thụ	1.500
Sông Công	1 đường Thắng Lợi, phường Mỏ Chè, TX Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.	3.316
Lưu Xá	656/1đường CMT8, phường Trung Thành, TP Thái Nguyên.	2.087
Phú Thọ	1514 Hùng Vương	2.288
Nam Việt Trì	806 đại lộ Hùng Vương, P. Thanh Miếu, TP Việt Trì	1.342
TX Phú Thọ	01 Phú An, phường Phong Châu, Thị xã Phú Thọ	4.951
Vĩnh Phúc	4 Ngô Quyền Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	4.433
Đền Hùng	Trụ sở chính tại xã Vân Phú, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	2.493
Hoà Bình	186 đường Cù Chính Lan, phường Phương Lâm, Hoà bình	1.042
Phúc Yên	4 đường Trần Hưng Đạo, Trung Trắc, TX.Phúc Yên, Vĩnh Phúc	1.289
Bình Xuyên	Trụ sở chính tại thị trấn Hương Canh Bình Xuyên	9.600
Quang Minh	Trụ sở chính tại xứ đồng Mé Tây (Khu công nghiệp Quang Minh) - xã Quang Minh - huyện Mê Linh - tỉnh Vĩnh Phúc	2.160
Bắc Giang	45 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang.	2.465
Bắc Ninh	31 đường Nguyễn Đăng Đạo	2.225
Tiên Sơn	Trụ sở chính tại Đồng Nguyên, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh.	2.476
KCN Tiên Sơn	Thuê đất và Mua bổ sung sân Tennis	1.063
KCN Tiên Sơn	Trụ sở CN và TT lưu trữ tại xã Hạp Lĩnh, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	11.455
KCN Tiên Sơn	Trụ sở tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.	2.367

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Quế Võ	Đất trong khu công nghiệp Quế Võ	3.000
Quảng Ninh	120 Lê Thánh Tông	457
Quảng Ninh	25/4 TP. Hạ long, Q.Ninh	1.509
Cẩm Phả	376 Trần Phú, Cẩm Trung, Cẩm Phả, Quảng Ninh	2.351
Uông Bí	446 Quang Trung, Thị xã Uông Bí	2.288
Bãi Cháy	Trụ sở tại đường Hạ Long, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh.	1.461
Móng Cái	01 Hữu Nghị	982
Hà Tây	269 đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Tây	1.000
Sông Nhuệ	10 Ngô Quyền, Hà Đông, Hà Tây	1.060
Quang Trung	104 đường Trần Phú, Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Tây.	574
Láng Hoà Lạc	3 khu Tân Bình, thị trấn Xuân Mai - huyện Chương Mỹ - Hà Nội (Hà Tây)	594
Láng Hoà Lạc	Lô A1 - THCT1 Khu đô thị Lê Trọng Tấn - GELEXIMCO	8.053
Hải Dương	1 đường Hồng Quang, phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương	1.781
Hung Yên	1 đường Điện Biên, phường Lê Lợi, Thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Hiện tại, đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.	1.257
Mỹ Hào	Khu đất thuê tại Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào	3.476
Mỹ Hào	Trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Công thương Mỹ Hào, Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào	630
Nhị Chiểu	388, Thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	2.159
KCN Hải Dương	TS CN kiêm kho Đường Đức Minh, phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	2.960
Thái Bình	190 đường Hai Bà Trưng, Thành phố Thái Bình	1.699
Diêm Điền	Khu 5 Thị trấn Diêm Điền	383
Nam Định	119 đường Quang Trung, phường Quang Trung, Thành phố Nam Định	2.927
TP Nam Định	01 Máy Tơ, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định	1.012
Hà Nam	Trụ sở mới tại đường Lê Hoàn (Quốc lộ 1A), phường Quang Trung, Thị xã Phủ Lý	2.508
Ninh Bình	Trụ sở chính tại đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 1A), phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình	1.543

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tam Điệp	17 P.Trung Sơn	1.579
Tam Điệp	Trụ sở chính - nhà hát cũ Bắc Sơn	3.372
Thanh Hoá	17 Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa	4.661
Sầm Sơn	Đất, Trung tâm đa chức năng, phường Bắc Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	7.603
Sầm Sơn	Trụ sở chính Phố Tài Lộc Phường trường Sơn	1.171
Bỉm Sơn	169 đường Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn	5.434
Hà Tĩnh	82 Phan Đình Phùng, TP Hà Tĩnh	1.981
Nghệ An	7 Nguyễn Sỹ Sách, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh	2.606
Cửa Lò	62 đường Bình Minh, TX.Cửa Lò, Nghệ An	4.900
Bến Thủy	229 Lê Duẩn	2.468
Bắc Nghệ An	Trụ sở chính - Xá Quỳnh Vinh, Huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An	3.809
Quảng Trị	236 H.Vương - Đông Hà Quảng Trị	1.860
Thừa Thiên Huế	2 Lê Quý Đôn, phường Phú Hội, Thành phố Huế	2.887
Phú Bài	Khu 8 TT Phú Bài, huyện Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	2.987
Quảng Bình	50 Lý Thường Kiệt	3.845
Đà Nẵng	Số 172 Nguyễn Văn Linh, Tp. Đà Nẵng	1.959
Quảng Nam	22 Phan Bội Châu, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	3.198
Hội An	4 Hoàng Diệu - Hội An	2.001
Ngũ Hành Sơn	49 Ngũ Hành Sơn - Tp. Đà Nẵng	1.497
Liên Chiểu	381 Nguyễn Lương Bằng, Q.Liên Chiểu. Đà Nẵng	5.289
Gia Lai	01 Trần Hưng Đạo - Tp. Pleiku - tỉnh Gia Lai	1.252
Đăk Lăk	35 Nguyễn Tất Thành, phường Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột	3.427
Bình Phước	622 Quốc lộ 14 - Phường Tân Phú, TX Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	3.640
Kon Tum	92 Trần Phú, phường Thắng Lợi, tỉnh Kontum	1.013
Quảng Ngãi	97 Hùng Vương - P. Trần Hưng Đạo - Tp. Quảng Ngãi	1.339
Bình Định	257 Lê Hồng Phong, Tp. Quy Nhơn	550
Bình Định	Lô đất đường Lê Duẩn, P. Lý Thường Kiệt, Tp. Quy Nhơn	2.494

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Phú Tài	Trụ sở chính - đường Hùng Vương, phường Trần Quang Diệu, Tp. Quy Nhơn	508
Phú Yên	236 Hùng Vương, phường 7, Tp. Tuy Hoà	1.950
Khánh Hoà	04 Hoàng Hoa Thám - P. Vạn Thạnh - Tp. Nha Trang	1.728
Bình Thuận	2 Nguyễn Tất Thành, phường Bình Hưng, TP.Phan Thiết	2.972
Ninh Thuận	Đất đền bù giải phóng mặt bằng để XD TSC tại đường 16/4, Xã Mỹ Hải Phan Rang - Ninh Thuận	3.482
Lâm Đồng	01 Lê Đại Hành - Tp. Đà Lạt	1.042
Bảo Lộc	01 đường 28/3, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	933
Bảo Lộc	03 đường 28/3, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	757
Di Linh	616 Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng	1.433
Bình Dương	330 Đại Lộ Bình Dương - Thị Xã Thủ Dầu Một	5.119
Tây Ninh	145 đường 30/4 - P.1 - TX Tây Ninh	2.162
Hoà Thành	77 (số cũ 154/3) Đường Phạm Văn Đồng, khu phố 2, thị trấn Hoà Thành, huyện Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh	330
Trảng Bàng	QL22 ấp An Bình An Tịnh Trảng Bàng Tây Ninh	1.330
Đồng Nai	77D Hưng Đạo Vương, P. Trung Dũng, TP Biên Hoà	1.082
Nhon Trạch	Đường 25 B, Lô đất tại xã Phú Hội, huyện Nhon Trạch	2.583
KCN Biên Hoà	Trụ sở CN (đang xây dựng) P. Long Bình, Khu đất mặt tiền Xa lộ Hà Nội, Tp. Biên Hòa	6.000
Long An	396 Quốc lộ 1, phường 4 Tp Tân An	7.555
Châu Thành	Đường ĐT 827A Khóm 1, TT Tâm Vu	520
Bến Lức	234 Võ Công Tôn, TT Bến Lức, Long An	457
Đồng Tháp	87 Nguyễn Huệ - P1- TX Cao Lãnh - Đồng Tháp	2.696
Sa Đéc	209A Trần Hưng Đạo, TX Sa Đéc, Đồng Tháp	2.268
An Giang	270 Lý Thái Tổ, Long Xuyên, An Giang	1.144
Châu Đốc	66 Nguyễn Hữu Cảnh - phường Châu Phú A - Châu Đốc	80
Châu Đốc	68-70 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Châu Phú A - Châu Đốc	176
Tiền Giang	15B Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Mỹ Tho - Tiền Giang	2.473
Tây Tiền Giang	560 Quốc lộ 1A, thị xã Cai Lậy, Tiền Giang	788
Bến Tre	142 Nguyễn Đình Chiểu, TX Bến Tre	796

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Bến Tre	Lô đất 05 Đồng Khởi P2 Bến Tre	628
Vĩnh Long	1C Hoàng Thái HiếuA	1.222
Vĩnh Long	1C Hoàng Thái HiếuB (sân sau TSCN)	724
Cần Thơ	09 Phan Đình Phùng, TP.Cần Thơ	1.161
Cần Thơ	16,18 Phan Đình Phùng, TP.Cần Thơ	224
Cần Thơ	P5 TX Vị Thanh Đất Hậu Giang xây dựng Trụ sở chi nhánh NHCT Hậu Giang	3.988
Sóc Trăng	24C Trần Hưng Đạo, khóm 1, P2, TP Sóc Trăng	1.925
Kiên Giang	63 Lê Lợi, TX Rạch Giá, Kiên Giang	308
Cà Mau	94 Lý Thường Kiệt	1.778
Vũng Tàu	10 Trưng Trắc, Tp. Vũng Tàu	1.182
Bà Rịa	9 Trường Chinh phường Phước Trung - Thị xã Bà Rịa	2.387
SGD II	79 Hàm Nghi, Q.1	1.600
KCN Bình Dương	148, 20 Độc lập, KCN Sóng Thần 1, Huyện Dĩ An	3.652
KCN Bình Dương	149, 20 Độc lập, KCN Sóng Thần 1, Huyện Dĩ An	3.304
CN1 TP HCM	93-95 Hàm Nghi	1.167
CN2 TP HCM	222-224 Phan Đình Phùng, Q.4, Tp. HCM	425
CN3 TP HCM	461-463 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3	185
CN4 TP HCM	57-59 Bến Vân Đồn P.12, Q.4 TP HCM	1.650
Văn phòng tại Frankfurt, Đức	Reuterweg, 44, 60323, thành phố Frankfurt am Main, CHLB Đức	205
Nam Sài Gòn	D1-12 và D1-13 Phú Mỹ Hưng	222
Nhà Bè	KCN Hiệp Phước	4.593
CN5 TP HCM	218 Trần Hưng Đạo Quận 5 TP.HCM	426
CN6 TP HCM	76-79-80 Tháp Mười	239
Bình Tân	Lô 20 đường Song Hành, khu Công nghiệp Tân Tạo, TP.HCM	3.083
CN7 TP HCM	346 Bùi Hữu Nghĩa, Q.Bình Thạnh	878
CN7 TP HCM	348 Bùi Hữu Nghĩa, Q.Bình Thạnh	56
CN7 TP HCM	350 Bùi Hữu Nghĩa, Q.Bình Thạnh	131
CN8 TP HCM	196-202 Hưng Phú, Quận 8, TP.HCM	579
CN8 TP HCM	Khu đất số 1073 Phạm Thế Hiển, phường 5, quận 8	863

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CN9 TP HCM	01 Nguyễn Oanh, quận Gò Vấp, TP.HCM	1.058
CN9 TP HCM	34/A Ng. ảnh Thủ, Q12	193
CN9 TP HCM	40/27 Phan Huy Ich	200
CN10 TP HCM	530, 532 Lê Hồng Phong, P.1, Q.10	216
CN11 TP HCM	1445-1449 đường 3/2, Q.11, TP.HCM	286
CN12 TP HCM	366 Trường Chinh, Q. Tân Bình, TP.HCM	2.525
Tân Bình	35 Nguyễn Văn Bá, KP 3, P.Bình Thọ, Q.Thủ Đức	1.715
Tân Bình	39 Lý Thường Kiệt, Q. Tân Bình, TP.HCM	162
Thủ Đức	01 Võ Văn Ngân - Q.Thủ Đức - TP.HCM	390
Trà Vinh	15 Điện Biên Phủ - TX Trà Vinh	665
Trường Đào tạo & PTNNL	133 đường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội.	918
Trung tâm Công nghệ Thông tin	46A Tăng Bạt Hổ, Hà Nội.	300
Trung tâm Công nghệ Thông tin	75-79 Châu Văn Liêm, P.14, Q.5, TP HCM	418
Cty Khai thác tài sản	Trụ sở chính tại 76 Nguyễn Văn Cừ, Q.1	356
Cty Cho thuê Tài chính	153 Hàm Nghi, quận 1, Tp. HCM	81
Cty Cho thuê Tài chính	16 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội.	486
VP đại diện TP HCM	112 Nguyễn Thị Minh Khai	341
VP đại diện miền Trung	36 Trần Quốc Toản - P. Hải Châu 1 - Q. Hải Châu - Tp. Đà Nẵng	1.404

Nguồn: VietinBank

Ghi chú: Các vị trí chưa có diện tích do chưa đo đạc cụ thể.

14. Chiến lược của NHTMCP Công thương Việt Nam

14.1. Mục tiêu chiến lược tổng thể:

Xây dựng Ngân hàng Công thương Việt Nam trở thành tập đoàn tài chính ngân hàng hiện đại, hiệu quả và chủ lực của nền kinh tế, xếp hạng tiên tiến trong khu vực: đáp ứng toàn diện nhu cầu về các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, tài chính, hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng trong nước và quốc tế; Quản lý có hiệu quả và phát triển bền vững.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

14.2. Mục tiêu chiến lược cụ thể:

Chiến lược Tài sản và Vốn

- Tăng quy mô tài sản hàng năm trung bình 20-22%;
- Tiếp tục đẩy nhanh lộ trình cổ phần hoá để tăng vốn chủ sở hữu, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tăng trưởng và phát triển trong thời gian tới, đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn;
- Đa dạng hóa cơ cấu sở hữu theo nguyên tắc Nhà nước sở hữu 51% trở lên, thu hút cổ đông chiến lược có uy tín trong và ngoài nước theo kế hoạch phê duyệt cụ thể của Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ.

Chiến lược Tín dụng và đầu tư

- Tín dụng là hoạt động kinh doanh chủ lực, cạnh tranh theo nguyên tắc thị trường;
- Điều chỉnh cơ cấu tín dụng hợp lý, phù hợp với thế mạnh của VietinBank;
- Tăng cường rủi ro tín dụng, bảo đảm nợ xấu dưới 3%;
- Đa dạng hóa các hoạt động đầu tư tín dụng trên thị trường tài chính, giữ vai trò định hướng trong thị trường, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và quản lý thanh khoản của ngân hàng.

Chiến lược dịch vụ

- Phát triển đa dạng các dịch vụ ngân hàng thu phí, xác định nhóm dịch vụ mũi nhọn để tập trung phát triển;
- Dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại để phát triển dịch vụ, lấy mức độ thỏa mãn nhu cầu khách hàng là định hướng phát triển.

Chiến lược nguồn nhân lực

- Tiêu chuẩn hóa nguồn lực, tăng cường đào tạo nâng cao năng lực trình độ của cán bộ;
- Hoàn thiện cơ chế sử dụng lao động và cơ chế trả lương;
- Xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực và chuyên nghiệp;
- Quán triệt thực hiện Quy chế Nội quy lao động và Văn hoá doanh nghiệp.

Chiến lược công nghệ

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Coi ứng dụng công nghệ thông tin và yếu tố then chốt, hỗ trợ mọi hoạt động phát triển kinh doanh;
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, an toàn, có tính thống nhất - tích hợp - ổn định cao.

Chiến lược bộ máy tổ chức và điều hành

- Điều hành bộ máy tổ chức với cơ chế phân cấp rõ ràng, hợp lý;
- Phát triển và thành lập mới các công ty con theo định hướng cung cấp đầy đủ các sản phẩm dịch vụ tài chính ra thị trường;
- Mở rộng mạng lưới kinh doanh, thành lập mới chi nhánh, phát triển mạnh mạng lưới các phòng giao dịch, phủ sóng toàn bộ các tỉnh thành phố trong toàn quốc;
- Phát triển mạnh hệ thống ngân hàng bán lẻ.

14.3. Lộ trình thực hiện

Năm 2011

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác sau cổ phần hoá, thực hiện việc tăng vốn nhằm đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh của VietinBank:
 - Bán cổ phần tăng vốn cho IFC: 10% vốn điều lệ tăng thêm (đã hoàn thành và chính thức tăng vốn vào ngày 10/3/2011);
 - Chào bán ra công chúng: 20% vốn điều lệ với giá chào bán dự kiến 10.000đ/cp;
 - Bán cổ phần tăng vốn cho Bank of Nova Scotia (BNS): 15% vốn điều lệ tăng thêm;
 - Vay nợ thứ cấp của IFC: khoản vay nợ thứ cấp có giá trị 125 triệu USD (tương đương 2.438 tỷ đồng với tỷ giá 19.500đ/USD);
- Mở văn phòng đại diện, chi nhánh tại một số nước;
- Với sự tham gia góp vốn của các đối tác đầu tư nước ngoài, VietinBank sẽ tăng cường hợp tác phát triển về mặt công nghệ, năng lực quản trị điều hành và quản trị rủi ro. Quản lý vốn theo cơ chế tập trung, áp dụng mô hình định giá điều chuyển vốn khớp ký hạn (FTP) theo thông lệ quốc tế.

Năm 2012

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

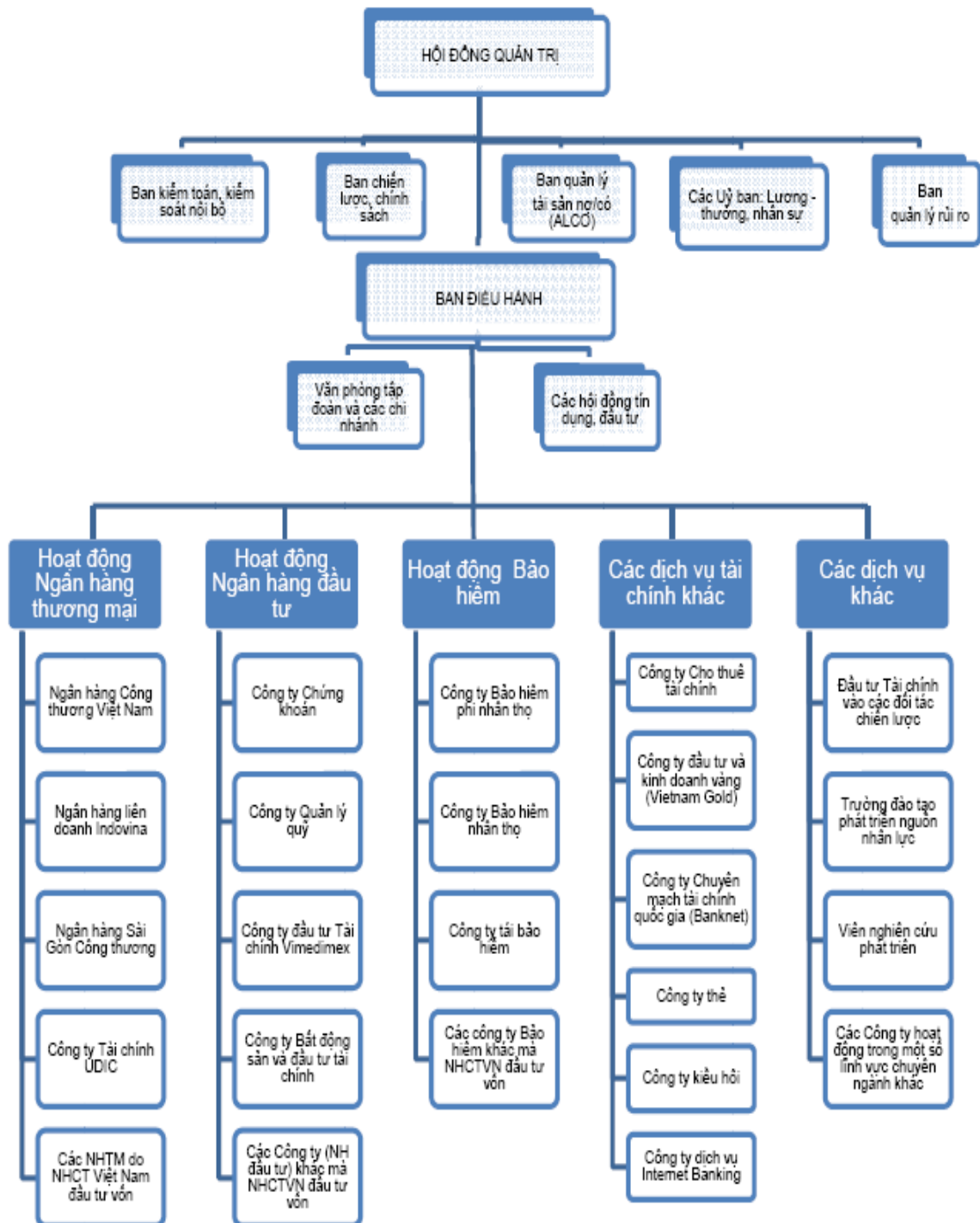
- Tiếp tục triển khai và từng bước hoàn thiện tổ chức Tập đoàn tài chính Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam: hoạt động theo mô hình Tập đoàn Tài chính ngân hàng;
- Thực hiện việc chào bán ra công chúng và chia cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư cùng một đợt tăng vốn điều lệ;
- IPO quốc tế và niêm yết quốc tế vào thời điểm thích hợp.

Từ năm 2013 đến 2015

Tiếp tục mở rộng phạm vi và quy mô hoạt động thông qua việc phát triển mạng lưới, thành lập và liên kết thành lập các công ty con kinh doanh trên lĩnh vực tài chính tiền tệ. Phấn đấu trở thành một Tập đoàn Tài chính Ngân hàng mạnh trong khu vực vào năm 2015.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Hình 26: MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



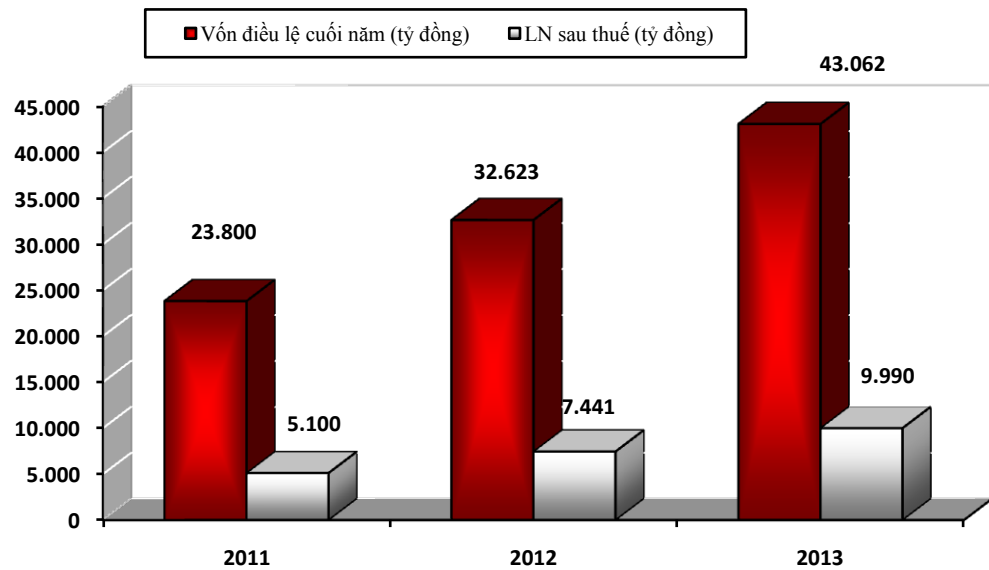
Nguồn: VietinBank

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của VietinBank trong giai đoạn 2011-2013 như sau:

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức này được dựa trên những điều kiện thực tế và tình hình mới sau cổ phần hóa

Hình 27: Vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế của VietinBank giai đoạn 2011-2013



Nguồn: VietinBank

Đơn vị tính: Triệu đồng

Bảng 22: Dự kiến kế hoạch lợi nhuận và cổ tức VietinBank 2011-2013

Chỉ tiêu	2011		2012		2013	
	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2010	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2011	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2012
Vốn điều lệ đầu năm	15.172.291	34,83%	23.800.000	56,86%	32.622.660	37,07%
Vốn điều lệ cuối năm (**)	23.800.000	56,86%	32.622.660	37,07%	43.061.911	32,00%
Vốn điều lệ bình quân	19.486.146	47,48%	28.211.330	44,78%	37.842.286	34,14%
Thu nhập trước dự phòng	8.460.714	11,00%	11.339.895	34,03%	14.526.406	28,10%
Chi phí dự phòng	-3.360.714	11,13%	-3.898.428	16,00%	-4.536.211	16,36%
Lợi nhuận trước thuế	5.100.000	10,92%	7.441.467	45,91%	9.990.194	34,25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	-1.275.000	7,71%	-1.860.367	45,91%	-2.497.549	34,25%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	3.825.000	12,03%	5.581.100	45,91%	7.492.646	34,25%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ bình quân(%)	19,63%		19,78%		19,80%	
Tỷ lệ cổ tức (%)	16%		15%		15%	

Nguồn: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

Ghi chú: (**) Chi tiết về kế hoạch tăng vốn

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Bảng 23: Dự kiến quá trình tăng vốn giai đoạn 2011-2013

Khoản mục	2011	2012	2013
Vốn điều lệ đầu năm	15.172.291	23.800.000	32.622.660
Tăng từ lợi nhuận để lại và các quỹ		5.950.000	
Phát hành thêm ra công chúng cho cổ đông trong nước và đối tác nước ngoài	8.627.709	2.872.660	10.439.251
Vốn điều lệ đến cuối năm	23.800.000	32.622.660	43.061.911
Tỷ lệ sở hữu nhà nước	68,26%	68,26%	51,71%
Tỷ lệ sở hữu cổ đông khác	16,74%	16,74%	28,29%
Tỷ lệ sở hữu cổ đông chiến lược nước ngoài	15,00%	15,00%	20,00%
Giá trị vốn của nhà nước	16.245.880	22.268.228	22.268.228
Giá trị vốn của cổ đông khác	3.984.120	5.461.033	12.181.301
Giá trị vốn của cổ đông chiến lược nước ngoài	3.570.000	4.893.399	8.612.382

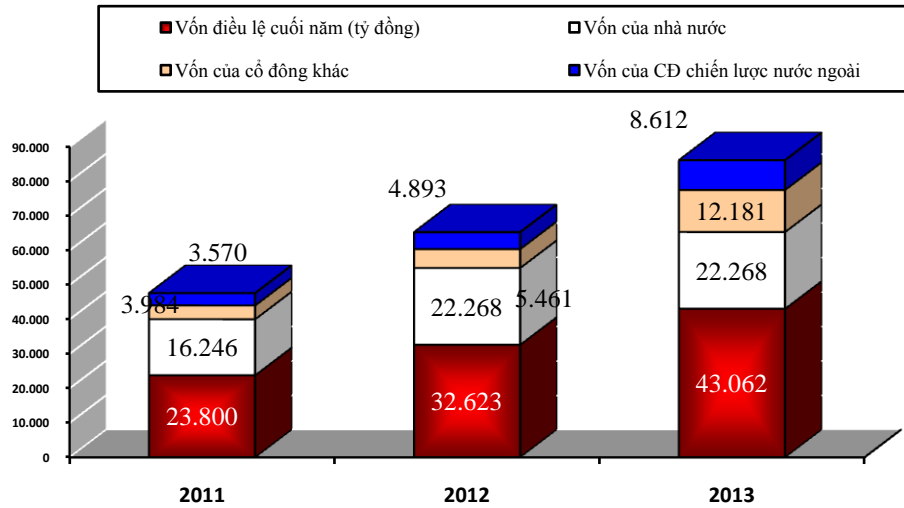
Nguồn: VietinBank

Tăng từ lợi nhuận để lại và các quỹ: Năm 2012 VietinBank dự kiến sẽ sử dụng nguồn cổ tức và/ hoặc thặng dư vốn cổ phần để thực hiện tăng vốn điều lệ với tỷ lệ khoảng 25%;

Tăng từ việc phát hành thêm cổ phiếu: việc phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông trong nước và cho đối tác chiến lược nước ngoài theo lộ trình đến năm 2013, tỷ lệ sở hữu của nhà nước sẽ giảm xuống và dự kiến trong tương lai, tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông nhà nước còn 51%, tỷ lệ sở hữu của cổ đông chiến lược nước ngoài là 20% và tỷ lệ sở hữu của cổ đông khác là 29% .

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Hình 28: Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ VietinBank giai đoạn 2011-2013



Bảng 24: Báo cáo thu nhập dự kiến giai đoạn 2011-2013

Khoản mục	2010	2011	2012	2013
I Lãi và thu nhập từ lãi	31.919	35.433	47.489	60.831
II Lãi và chi phí từ lãi	-19.830	-22.013	-29.503	-37.792
III Lãi và thu nhập lãi ròng (I+II)	12.089	13.420	17.986	23.039
Phí, hoa hồng và các khoản thu nhập ngoài lãi ròng	1.758	1.952	2.616	3.350
Các khoản thu nhập từ hoạt động khác	972	1.079	1.446	1.852
IV Thu nhập ngoài lãi ròng	2.730	3.031	4.062	5.203
Chi phí lương và các chi phí cho cán bộ khác	4.141	4.597	6.161	7.892
Khấu hao và các chi phí hoạt động khác	3.056	3.392	4.547	5.824
V Tổng chi phí ngoài lãi	7.197	7.989	10.708	13.716
VI Thu nhập hoạt động trước dự phòng (III+IV+V)	7.622	8.461	11.340	14.526
VII Chi phí dự phòng	-3.204	-3.361	-3.898	-4.536
VIII Thu nhập trước thuế (VI+VII)	4.598	5.100	7.441	9.990

Nguồn: VietinBank

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Căn cứ để đạt kế hoạch cổ tức, lợi nhuận trên

Kế hoạch kinh doanh năm 2011 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 thông qua, theo đó lợi nhuận trước thuế dự kiến là 5.100 tỷ đồng. VietinBank quyết tâm sẽ hoàn thành và vượt kế hoạch này.

Trong các năm qua, VietinBank luôn đạt mức tăng trưởng cả về quy mô nguồn vốn cũng như các chỉ tiêu hoạt động, cụ thể:

- Nguồn vốn luôn tăng trưởng qua các năm. Giai đoạn 2007-2009 mức tăng trưởng nguồn vốn bình quân là 18,5%, năm 2010 tổng nguồn vốn huy động tăng 54%, vốn điều lệ tăng 36%.
- Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2007-2009 đạt khoảng 67%, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 63,15%. Lợi nhuận trước thuế của VietinBank năm 2010 tăng 36% so với năm 2009 và vượt 15% kế hoạch ĐHĐCĐ giao.
- Các chỉ tiêu tài chính cũng ngày càng được cải thiện, tỷ lệ an toàn vốn Car tăng từ 5,18% năm 2006 lên 11,62% năm 2007 và đạt 12,02% năm 2008, năm 2009 là 8,46%, năm 2010 là 8,02% và đến 30/9/2011 là 9,86%.
- Tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức thấp, trung bình 1,18% trong giai đoạn 2006-2008. Năm 2009, 2010 tỷ lệ nợ xấu là 0.6%.

Với tiềm năng của ngành ngân hàng còn lớn, VietinBank có nhiều cơ hội để phát triển và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng trong cả mảng dịch vụ truyền thống và các mảng dịch vụ mới. Kế hoạch thực hiện đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 thông qua với các nội dung chính sau đây:

Kế hoạch tín dụng

Năm 2011, các NHTM tiếp tục triển khai theo Nghị Quyết 11/NQ-CP và Chỉ thị 01/CT-NHNN về thực hiện giải pháp tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội. Trong bối cảnh đó, Vietinbank sẽ thường xuyên phân tích đánh giá khách hàng có nhu cầu vay vốn trên địa bàn, chủ động tìm kiếm phương án, dự án, các khách hàng tốt. Một mặt quan tâm đến phát triển cho vay tiêu dùng, các sản phẩm cho vay đối với Khách hàng cá nhân, mặt khác đẩy mạnh cho vay đối với các chương trình tín dụng mục tiêu của Vietinbank bao gồm: cho vay nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ, doanh nghiệp vừa và nhỏ đảm bảo đúng mục đích, an toàn, hiệu quả, đạt mục tiêu đã đề ra.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Đầu tư vào giấy tờ có giá

Vietinbank tiếp tục đa dạng hóa danh mục đầu tư trên thị trường vốn và thị trường tiền tệ. Nâng cao chất lượng công tác chăm điểm xếp hạng các định chế tài chính trên thị trường, xác lập hạn mức giao dịch phù hợp, đảm bảo an toàn trong hoạt động đầu tư liên ngân hàng. Chủ động phân tích dự báo diễn biến của thị trường tiền tệ để nắm bắt thời cơ kinh doanh giấy tờ có giá trên thị trường mua bán sơ cấp và thứ cấp, giữ vai trò một trong những ngân hàng tạo lập và có ảnh hưởng lớn trên thị trường trái phiếu Việt Nam.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm hoạt động đầu tư góp vốn vào các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác. Những hoạt động này nằm trong chiến lược phát triển Tập đoàn VietinBank và triển khai theo khả năng tài chính từng năm.

Kế hoạch phát triển mạng lưới

Trong năm 2011, Vietinbank sẽ đánh giá lại hoạt động của toàn bộ các Chi nhánh, Phòng giao dịch, Điểm giao dịch để có giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh song song với việc tiếp tục nghiên cứu và mở rộng mạng lưới tại các địa bàn tiềm năng, các khu đô thị, thương mại, khu công nghiệp. Tiếp tục phát triển các nghiệp vụ ngân hàng quốc tế, mở rộng kinh doanh ra thị trường khu vực và quốc tế. Trong Quý II/2011 dự định sẽ khai trương 2 Chi nhánh tại CHLB Đức, tiến tới tiếp tục mở thêm các Chi nhánh tại Lào và Myanmar.

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm như công trình Trụ sở chính- Vietinbank Tower, Trụ sở tại 25 Lý Thường Kiệt (Hà Nội), Trụ sở tại 93-95 Hàm Nghi (TP Hồ Chí Minh),... Khẩn trương hoàn thiện các dự án xây dựng, cải tạo trụ sở của Chi nhánh, tạo cơ sở vật chất khang trang để phục vụ khách hàng chu đáo hơn. Trong năm 2011, khánh thành và đưa vào sử dụng trụ sở Trường ĐT&PTNNL tại Vân Canh, triển khai xây dựng Phân viện của Trường tại Huế, hoàn thiện thủ tục của khu đất xây dựng trường tại phía Nam, hoàn tất thủ tục mua trụ sở chuẩn bị cho hoạt động của các Chi nhánh tại Lào và Myanmar.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

18. Giải trình về việc Ngân hàng đã không triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Luật Doanh nghiệp

Theo Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 (Đại hội) của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank), Đại hội sẽ được tổ chức vào 07h00' ngày 04 tháng 4 năm 2011 tại Khách sạn Melia, số 44B, Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tuy nhiên, do có thay đổi trong kế hoạch công việc của VietinBank nên VietinBank chưa tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 vào ngày 04/4/2011.

Ngày 25/3/2011, VietinBank đã có công văn số 275/CV-HĐQT-NHCT26 gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và công văn số 276/CV-HĐQT-NHCT26 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc tạm hoãn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 vào ngày 04/4/2011. Đồng thời, VietinBank cũng thông báo việc tạm hoãn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 vào ngày 04/4/2011 đến các cổ đông của VietinBank.

Ngày 25/4/2011, VietinBank đã có công văn số 363/CV-HĐQT-NHCT26 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và công văn số 364/CV-HĐQT-NHCT26 gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh về việc xin gia hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 sau thời điểm 30/4/2011 nhưng không vượt quá thời hạn 30/6/2011.

Ngày 27/4/2011, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội có công văn số 55/CV-ĐKKD chấp thuận việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của VietinBank được gia hạn không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính 2010.

Ngày 16/5/2011, VietinBank có Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 gửi các cổ đông của VietinBank. Theo Thông báo này, ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 là ngày 31 tháng 5 năm 2011 tại Khách sạn Melia, số 44B, Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 (mười nghìn) đồng/1 cổ phiếu

3. Tổng số cổ phần chào bán

Tổng số cổ phần chào bán: **337.162.027 cổ phần** (Ba trăm ba mươi bảy triệu một trăm sáu mươi hai nghìn không trăm hai mươi bảy cổ phần)

4. Đối tượng chào bán

Chào bán cho cổ đông hiện hữu: nhà đầu tư có tên trong danh sách cổ đông của VietinBank tại ngày chốt danh sách cổ đông để nhận quyền mua cổ phần phát hành thêm.

5. Giá chào bán

Chào bán **337.162.027 cổ phần** cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 20% với giá 10.000/cổ phần (bằng mệnh giá).

6. Phương pháp tính giá

Giá chào bán được xác định căn cứ vào giá thị trường niêm yết của cổ phiếu, giá trị nội tại của công ty, số lượng cổ phần chào bán và số lượng vốn cần huy động, bảo đảm lợi ích của cổ đông, phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường. Thủ tục thông qua giá chào bán thực hiện theo quy định hiện hành.

7. Phương thức phân phối

Ngân hàng TMCP Công thương tự thực hiện phân phối cổ phiếu.

8. Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến

Ngân hàng sẽ thực hiện đợt chào bán trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy Chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực. Dự kiến như sau:

- Công bố báo chí: Trong thời gian 7 ngày kể từ ngày được Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, Tổ chức phát hành sẽ công bố Bản thông báo phát hành trên 1 tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 3 số liên tiếp.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp, VietinBank gửi thông báo đề nghị tới Trung tâm lưu ký Chứng khoán, SGDCK TP.HCM phối hợp xác định danh sách sở hữu chứng khoán cuối cùng, ngày giao dịch không hưởng quyền; lập và cung cấp danh sách sở hữu cuối cùng. Dự kiến thực hiện xong trong 10 ngày làm việc.

CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

- Phân bổ và thông báo quyền mua: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách sở hữu cuối cùng, tổ chức phát hành sẽ phối hợp cùng Trung tâm lưu ký Chứng khoán phân bổ và thông báo quyền mua đến các thành viên lưu ký và cổ đông chưa lưu ký chứng khoán.
- Trên cơ sở danh sách phân bổ quyền mua cổ phần do Trung tâm lưu ký Chứng khoán cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại tổ chức phát hành. Thời gian đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần là 20 ngày.
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phần: Quyền mua cổ phần được chuyển nhượng trong vòng 15 ngày. Cổ đông đã lưu ký thực hiện chuyển nhượng thông qua thành viên lưu ký. Các cổ đông chưa lưu ký hoặc việc chuyển nhượng quyền mua sang cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam. Nếu quá thời hạn trên mà cổ đông được quyền mua thêm cổ phiếu không thực hiện quyền mua của mình thì sẽ bị mất quyền mua cổ phiếu mà không nhận được sự đền bù nào của Ngân hàng.
- Xử lý số cổ phiếu lẻ dôi dư: Trên cơ sở tổng hợp quyền mua của các cổ đông hiện hữu, lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT thực hiện xử lý số cổ phần còn dư.

9. Đăng ký mua cổ phiếu

Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu thì quyền mua cổ phần (chuyển nhượng quyền mua) được thực hiện tại các công ty chứng khoán mà cổ đông mở tài khoản.

Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì thực hiện quyền mua cổ phiếu (chuyển nhượng quyền mua) tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam, số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội (cổ đông mang theo sổ chứng nhận cổ đông).

10. Phương thức thực hiện quyền

Cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ nhận được quyền mua 20 cổ phần mới. Tổng số cổ phần được quyền mua của mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Cổ đông A tại ngày chốt cuối cùng để chào bán cổ phần phát hành thêm sở hữu 154 cổ phần thì được nhận $154 \times 20\% = 30,8$ cổ phần mới, làm tròn xuống hàng đơn vị là 30 cổ phần. Số tiền mà cổ đông phải nộp để mua cổ phiếu là $30 \times 10.000 = 300.000$ đồng.

Quyền mua cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa một lần.

Xử lý cổ phiếu lẻ dôi dư

Số cổ phiếu lẻ phát sinh từ việc chào bán cho cổ đông hiện hữu và quyền mua cổ phần mà cổ đông từ chối thực hiện sẽ do HĐQT VietinBank quyết định chào bán với các điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho các cổ đông hiện hữu.

CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Căn cứ vào Điều 4 Nghị định của Chính phủ số 69/2007/NĐ-CP ngày 20/04/2007 về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt Nam:

- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả cổ đông nước ngoài hiện hữu) và người có liên quan của các nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài không phải là tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 5% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Mức sở hữu cổ phần của một tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của tổ chức tín dụng nước ngoài đó không vượt quá 10% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó không vượt quá 15% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ căn cứ đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quyết định mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó vượt quá 15%, nhưng không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.

Tính đến thời điểm ngày 15/3/2010, tổng số lượng cổ phần VietinBank do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 197.488.175 cổ phần, chiếm 11,71% vốn điều lệ.

12. Các loại thuế có liên quan

12.1. Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán

Kể từ ngày 01/01/2009, các tổ chức và cá nhân phải nộp thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và được lựa chọn 02 phương pháp tính thuế thu nhập như sau:

Cách 1:

Thuế thu nhập phải nộp = Thu nhập tính thuế x thuế suất, Trong đó:

- Thu nhập tính thuế được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng. Với chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh có chứng từ, hóa đơn hợp pháp, bao gồm: phí nhận chuyển nhượng và phí chuyển nhượng chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, chi phí ủy thác chứng khoán và các khoản chi phí khác.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 20% trên thu nhập tính thuế cả năm chỉ áp dụng đối với trường hợp đối tượng nộp thuế đã thực hiện đúng quy định của

CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ, xác định được thu nhập tính thuế và đăng ký thực hiện ổn định với cơ quan thuế từ tháng 12 của năm trước.

Cách 2:

Đối với các trường hợp khác ngoài trường hợp trên, áp dụng thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

12.2. Đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng

Đơn vị tính: Triệu đồng

Bảng 25: Chi tiết thuế TNDN thời điểm 31/12/2010		
STT	Chỉ tiêu	01/01/2010 đến 31/12/2010
1	Thu nhập chịu thuế TNDN của Hệ thống NHNN	4.310.435
	Chi phí Thuế TNDN của hệ thống NH theo thuế suất 25%	1.077.609
	Chi phí Thuế TNDN của công ty con	35.169
2	Thuế thu nhập trong năm tài chính	1.112.778
3	Thuế thu nhập phải trả đầu kỳ	589.191
4	Nhận chuyển giao từ doanh nghiệp trước cổ phần hóa	0
5	Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(1.096.772)
6	Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	695.576

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 31/12/2010

12.3. Các loại thuế khác

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, VietinBank phải thực hiện nộp các loại thuế khác bao gồm: Thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, thuế nhà đất...

13. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành từ việc chào bán cho cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng khi niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán.

CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

Cổ phiếu phát sinh từ việc chào bán cho các cổ đông có cổ phần hiện đang bị hạn chế chuyển nhượng là cổ đông chủ chốt (thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát) bị hạn chế chuyển nhượng (theo quy định của Luật tổ chức tín dụng) khi niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán.

Cổ phiếu phát sinh từ việc chào bán cho các cổ đông có cổ phần hiện đang bị hạn chế chuyển nhượng là Tổ chức tài chính Quốc tế (IFC) và Quỹ đầu tư cấp vốn IFC bị hạn chế chuyển nhượng (theo các thoả thuận mua bán cổ phần) khi niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán

Cổ phiếu phát sinh từ việc chào bán cho các cổ đông có cổ phần hiện đang bị hạn chế chuyển nhượng là cổ đông chiến lược trong nước được tự do chuyển nhượng khi niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán

14. Niêm yết cổ phiếu phát hành và chào bán thêm

Ngân hàng sẽ thực hiện niêm yết toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm cho các cổ đông ngoài Nhà nước tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông Nhà nước sẽ không được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tên tài khoản: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

Số tài khoản: 12530000294819

Ngân hàng: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô

Địa chỉ: Số 14 – Phố Láng Hạ - Ba Đình – Hà Nội

MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ Phương án phát hành đã trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 thông qua, mục đích chào bán gồm:

Việc tăng vốn điều lệ 2011 là cơ sở quan trọng để mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính, tăng cường cơ sở vật chất, hiện đại hoá ngân hàng, góp phần thực hiện có hiệu quả các định hướng và kế hoạch kinh doanh, phát triển Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) thành tập đoàn tài chính ngân hàng mạnh, hàng đầu ở Việt Nam, là trụ cột trong hệ thống tài chính ngân hàng Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Hệ số an toàn vốn của VietinBank tại thời điểm 31/12/2010 là 8,02%, thời điểm 30/9/2011 là 9,86%. Theo quy định của NHNN tỷ lệ này phải duy trì ở mức tối thiểu là 9%. Thông lệ thế giới hiện nay, các NHTM mạnh thường duy trì tỷ lệ an toàn vốn từ 12-14%. Để mở rộng quy mô huy động vốn, cho vay, đầu tư và phát triển dịch vụ ngân hàng, đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm hệ số an toàn vốn tối thiểu theo quy định của Việt Nam và tiệm cận dần với thông lệ tốt nhất của thế giới thì việc tăng vốn tự có, trong đó có vốn điều lệ, là cần thiết và là công việc phải thực hiện thường xuyên hàng năm.

Căn cứ vào kế hoạch tăng và sử dụng vốn điều lệ, VietinBank dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch chính của năm 2011 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Bảng 26: Dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2011

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	Tăng trưởng	
				Tuyệt đối	Tương đối
1	Tổng Tài sản	367.712	441.000	73.488	20%
2	Tổng nguồn vốn huy động	339.699	408.000	84.901	20%
3	Tổng dư nợ cho vay và đầu tư	349.084	419.000	66.100	20%
4	Tỷ lệ nợ xấu	0,66%	<3%		
5	Lợi nhuận trước thuế	4.598	5.100	502	11%
6	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	17% (*)	16%		
7	Tỷ lệ ROE	22,2%	16%-18%		
8	Tỷ lệ ROA	1,25%	1,2%		
9	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	8,02%	≥9%		

() Tính theo thời gian bình quân vốn điều lệ năm 2010*

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền thu dự kiến thu được từ đợt chào bán là 3.371.620.270.000 đồng sẽ được sử dụng để thực hiện kế hoạch kinh doanh, tăng tổng tài sản, tăng trưởng tín dụng, đầu tư vào giấy tờ có giá của Chính phủ, các Tổ chức tài chính, các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn của Việt Nam. Đồng thời VietinBank còn tiếp tục triển khai mạnh các nội dung sau:

- Các dự án đầu tư phát triển công nghệ thông tin;
- Đầu tư mở rộng mạng lưới, tăng cường hoạt động ở các thị trường tài chính nước ngoài (như Cộng hòa Liên bang Đức, Anh, Pháp, Mỹ, một số nước Châu Á như Lào, Myanmar...);
- Hỗ trợ vốn cho các Dự án trọng điểm quốc gia;
- Tập trung nguồn lực để hỗ trợ phát triển, tăng cường năng lực tài chính của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Một số lĩnh vực sử dụng vốn chính gồm:

Hoạt động tín dụng: Dự kiến 1.618 tỷ đồng

Tiếp tục mở rộng hoạt động tín dụng, đầu tư cho vay vốn đối với các doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, an toàn, có phương án/dự án kinh doanh khả thi và hiệu quả, quản lý kinh doanh tốt, bảo đảm khả năng trả nợ cho ngân hàng.

Năm 2011, VietinBank sẽ tiếp tục giải ngân vốn cho các dự án trọng điểm và sẽ tiếp tục giải ngân đối với các doanh nghiệp và dự án có phương án/dự án kinh doanh khả thi và hiệu quả trong năm 2012.

Hoạt động đầu tư, liên doanh, góp vốn: Dự kiến 1.012 tỷ đồng

Tăng cường hoạt động đầu tư và kinh doanh giấy tờ có giá, đầu tư trên thị trường liên ngân hàng, phát triển sản phẩm phái sinh; tiếp tục đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực mà VietinBank có tiềm năng phát triển và mang lại hiệu quả sinh lời cao. Thực hiện chiến lược phát triển VietinBank thành tập đoàn hoạt động đa năng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Năm 2011, VietinBank có kế hoạch đầu tư vốn thành lập công ty chuyên tiền Toàn cầu VietinBank với vốn điều lệ dự kiến ban đầu là 50 tỷ đồng theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011.

Năm 2011 và 2012, VietinBank sẽ tích cực đầu tư trên thị trường liên ngân hàng và các giấy tờ có giá có khả năng sinh lời cao.

Mở rộng mạng lưới: Dự kiến 242 tỷ đồng

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Mở rộng quy mô, mạng lưới kinh doanh ở thị trường trong nước và quốc tế. Chiếm lĩnh các khu vực thị trường có nhiều tiềm năng phát triển. Mở văn phòng đại diện, chi nhánh và các hình thức hiện diện thương mại khác ở các nước có nhiều tiềm năng phát triển quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại và đầu tư với Việt Nam.

Dự kiến trong năm 2011, VietinBank sẽ thành lập chi nhánh tại Cộng hoà Liên bang Đức và Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào.

Năm 2012, VietinBank tiếp tục có kế hoạch mở chi nhánh tại Ba Lan và Pháp.

Đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, phát triển sản phẩm dịch vụ mới: Dự kiến 500 tỷ đồng.

Đầu tư dự án hiện đại hoá, nâng cao năng lực quản trị điều hành; nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ; phát triển mạnh các sản phẩm dịch vụ hiện đại, nhiều tiện ích, cả bán buôn và bán lẻ; tăng tỷ lệ thu nhập từ dịch vụ trong tổng thu nhập.

Dự kiến thực hiện trong năm 2011 và 6 tháng đầu năm 2012.

CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính : 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : 04. 3974 1865

Fax : 04. 3974 5601

Chi nhánh : 49 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 08. 3914 0200

Fax : 08. 3914 0201

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH ERNST YOUNG VIỆT NAM (E&Y)

Địa chỉ: 360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3831 5100

Fax: 04. 3831 5090

PHỤ LỤC

IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành thêm cổ phiếu, Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ phát hành thêm cổ phiếu và các giấy tờ pháp lý liên quan của Công ty
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
3. **Phụ lục VI:** Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2009 và 2010
4. **Phụ lục VII:** Báo cáo tài chính Quý I/2011
5. **Phụ lục VIII:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BTGD, BKS.

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2011

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ÔNG. PHẠM HUY HÙNG

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC
ÔNG. NGUYỄN VĂN THẮNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG
ÔNG. NGUYỄN HẢI HÙNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
BÀ. TRẦN THỊ LỆ NGA

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



TỔNG GIÁM ĐỐC
ÔNG. VŨ TRUNG THÀNH

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0100111948



Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 07 năm 2009
Đăng ký thay đổi lần thứ 4: ngày 10 tháng 03 năm 2011

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **NGÂN HÀNG THƯƠNG
MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VIỆT NAM JOINT STOCK COMMERCIAL
BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**

Tên công ty viết tắt: **VIETINBANK**

2. Địa chỉ trụ sở chính

108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 043.9421030

Fax: 043.9421032

Email: Webmaster@vietinbank.vn

Website: www.vietinbank.vn

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	1. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh ngân hàng 2. Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam được phép thực hiện các hoạt động nghiệp vụ sau đây theo quy định của luật các Tổ chức tín dụng, Pháp lệnh ngoại hối và các quy định có liên quan về hoạt động của ngân hàng thương mại: 2.1 Huy động vốn: - Nhận tiền gửi; - Phát hành giấy tờ có giá; - Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác và của tổ chức tín dụng nước ngoài; - Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn; 2.2 Hoạt động tín dụng: - Cho vay; - Chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác; - Bảo lãnh; - Cấp tín dụng dưới các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

STT	Tên ngành	Mã ngành
	<p>2.3 Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tại các cơ chức tín dụng khác; - Mở tài khoản cho khách hàng trong nước và ngoài nước; - Cung ứng các phương tiện thanh toán; - Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế; - Thực hiện các dịch vụ thu hộ và chi hộ; - Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác do Ngân hàng Nhà nước quy định; - Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng; - Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước. Việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế phải được Ngân hàng Nhà nước cho phép. <p>2.4 Các hoạt động khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và của các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật; - Tham gia thị trường tiền tệ do Ngân hàng Nhà nước tổ chức; - Thực hiện kinh doanh vàng và các hoạt động kinh doanh ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép; - Được quyền uỷ thác, nhận uỷ thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng thương mại, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân theo hợp đồng; - Được cung ứng các dịch vụ bảo hiểm theo quy định của pháp luật; - Được cung ứng các dịch vụ tư vấn tài chính, tiền tệ, tư vấn đầu tư phù hợp với chức năng hoạt động của một Ngân hàng thương mại; - Được cung ứng dịch vụ bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật. <p>" CHUYỂN ĐỔI CPH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1354/QĐ-TTG NGÀY 23/09/2008 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ" "CẤP LẠI MÃ SỐ DN TỪ ĐKKD SỐ: 0103038874 DO PHÒNG ĐKKD SỐ 1 - SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TP HÀ NỘI CẤP NGÀY 03/07/2009"</p>	

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 16.858.101.340.000 đồng

Bằng chữ: Mười sáu nghìn tám trăm năm mươi tám tỷ một trăm lẻ một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.685.810.134

5. Số cổ phần được quyền chào bán 0

6. Vốn pháp định

7. Danh sách cổ đông sáng lập

8. Người đại diện theo pháp luật

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Họ và tên: PHẠM HUY HÙNG

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *02/11/1954*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *011539613*

Ngày cấp: *19/01/2005*

Nơi cấp:

Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

50 Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 6/154 phố Phương Liệt, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Thông tin về chi nhánh

1. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH YÊN BÁI
Địa chỉ chi nhánh: đại lộ Nguyễn Thái Học, tổ 9, Phường Nguyễn Thái Học, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-141
2. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH SÓC TRĂNG
Địa chỉ chi nhánh: Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-084
3. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÔNG HÀ NỘI //"CHUYÊN ĐỔI TỬ ĐƠN VỊ KINH TẾ TRỰC THUỘC DNNN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG YÊN VIÊN, GCN ĐKKD SỐ: 317051 SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TP HÀ NỘI CẤP NGÀY: 15/04/2003"
Địa chỉ chi nhánh: Số 284 Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-078
4. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THANH XUÂN "CHUYÊN ĐỔI TỬ CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG THANH XUÂN, GCN ĐKKD SỐ: 311824 DO TRỌNG TÀI KINH TẾ CẤP NGÀY: 08/03/1999"
Địa chỉ chi nhánh: Khu nội chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-070

5. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG
Địa chỉ chi nhánh: 381 Nguyễn Lương Bằng, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-137
6. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
Địa chỉ chi nhánh: 172 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948 - 022
7. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG
Địa chỉ chi nhánh: Số 01, đường Hồng Quang, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-014
8. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KHU CÔNG NGHIỆP HẢI DƯƠNG
Địa chỉ chi nhánh: Số 9, đường Đức Minh, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-107
9. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TRÀ VINH
Địa chỉ chi nhánh: Số 15A Điện Biên Phủ, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-045
10. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NHỊ CHIỂU
Địa chỉ chi nhánh: Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-108
11. Tên chi nhánh: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk
Địa chỉ chi nhánh: Số 35 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Tân Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-073
12. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH SÔNG NHƯỆ (CHUYỂN ĐỔI TỪ CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG SÔNG NHƯỆ; ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG SỐ : 0316000037; DO SỞ KH&ĐT HÀ TÂY CẤP NGÀY 21/06/2006)
Địa chỉ chi nhánh: Số 10 Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-104

13. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ TÂY (CHUYÊN ĐỔI TỪ NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH HÀ TÂY)
Địa chỉ chi nhánh: Số 269 đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-013
14. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUANG TRUNG (CHUYÊN ĐỔI TỪ CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG QUANG TRUNG; ĐKKD SỐ: 0316000038; CẤP NGÀY 21/6/2006)
Địa chỉ chi nhánh: Số 104 Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-109
15. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TÂY HÀ NỘI
Địa chỉ chi nhánh: Số 8 Hồ Tùng Mậu, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-096
16. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUANG MINH "CHUYÊN ĐỔI TỪ CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG MINH CÓ GCN SỐ: 0116001019 (SỐ CŨ: 1916000022) DO PHÒNG ĐKKD - SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TP HÀ NỘI CẤP NGÀY 09/08/2004" "CẤP LẠI MÃ SỐ DN TỪ ĐKKD SỐ: 0113025185 DO PHÒNG ĐKKD SỐ 1 - SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TP HÀ NỘI CẤP NGÀY 14/08/2009"
Địa chỉ chi nhánh: Lô số 9A, Khu công nghiệp Quang Minh, Km số 8, đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-126
17. Tên chi nhánh: Ngân hàng thương mại cổ phần công thương việt nam - chi nhánh hải phòng
Địa chỉ chi nhánh: Số 36 Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-003
18. Tên chi nhánh: Ngân hàng thương mại cổ phần công thương việt nam - chi nhánh lê chân
Địa chỉ chi nhánh: Số 124 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-047
19. Tên chi nhánh: Ngân hàng thương mại cổ phần công thương việt nam - chi nhánh hồng bàng
Địa chỉ chi nhánh: Số 90 Trần Quang Khải, Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-048

20. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TÂY SÀI GÒN
Địa chỉ chi nhánh: Lô 20 Đường Song Hành, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh:
21. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NGŨ QUYỀN
Địa chỉ chi nhánh: Số 5 Phạm Minh Đức, Phường Máy Tơ, Quận Ngũ Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-049
22. Tên chi nhánh: Ngân hàng thương mại cổ phần công thương việt nam - chi nhánh tô hiệu
Địa chỉ chi nhánh: Số 116 Tô Hiệu, Phường Trại Cau, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-102
23. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HẬU GIANG
Địa chỉ chi nhánh: Lý Tự Trọng, Phường III, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-161
24. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH ĐỒNG THÁP
Địa chỉ chi nhánh: Số 87, Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-035
25. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH QUẢNG TRỊ
Địa chỉ chi nhánh: 236 Hùng Vương, Phường Đông Lễ, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-076
26. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH SA ĐÉC
Địa chỉ chi nhánh: Số 209A, Trần Hưng Đạo, Phường 1, Thị xã Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-121
27. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH UÔNG BÍ
Địa chỉ chi nhánh: Số 466, Phường Quang Trung, Thị xã Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-092
28. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÃI CHÁY
Địa chỉ chi nhánh: Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-093

29. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẨM PHẢ
Địa chỉ chi nhánh: Thị xã Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Mã chi nhánh:
30. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH MÓNG CÁI
Địa chỉ chi nhánh: Thành phố Móng cái, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Mã chi nhánh:
31. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG NINH
Địa chỉ chi nhánh: Đường 25 tháng 4, Phường Hồng Gai, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-012
32. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH AN GIANG
Địa chỉ chi nhánh: Số 270 Lý Thái Tổ, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-036
33. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HOÀN KIẾM
“CHUYỂN ĐỔI TỪ CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG HOÀN KIẾM CÓ GCN SỐ: 300495 DO SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TP HÀ NỘI CẤP NGÀY 15/01/1994” “CẤP LẠI MÃ SỐ DN TỪ ĐKKD SỐ: 0113025163 DO PHÒNG ĐKKD SỐ 1 - SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TP HÀ NỘI CẤP NGÀY 14/08/2009”
Địa chỉ chi nhánh: 37 Hàng Bò, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã chi nhánh:
34. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH BẮC NINH
Địa chỉ chi nhánh: Số 31 đường Nguyễn Đăng Đạo, Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-004
35. Tên chi nhánh: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên
Địa chỉ chi nhánh: Số 01, đường Điện Biên I, Phường Lê Lợi, Thành phố Hưng yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-006
36. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TÂY TIỀN GIANG
Địa chỉ chi nhánh: Số 560 Quốc Lộ 1A, khu, Thị trấn Cai Lậy, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-101

37. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KHU CÔNG NGHIỆP TIÊN SƠN
Địa chỉ chi nhánh: Số 18 đường TS11, Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-086
38. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG
Địa chỉ chi nhánh: Đường Bà Triệu, Phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
Mã chi nhánh:
39. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HOÀN KIẾM
Địa chỉ chi nhánh: 37 Hàng Bò, Phường Hàng Bò, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã chi nhánh:
40. Tên chi nhánh: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Hào
Địa chỉ chi nhánh: Thị trấn Bản Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-123
41. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NGŨ HÀNH SƠN
Địa chỉ chi nhánh: 49 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-097
42. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TIÊN SƠN
Địa chỉ chi nhánh: Phường Đông Ngàn, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-087
43. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KHU CÔNG NGHIỆP QUẾ VÕ
Địa chỉ chi nhánh: Lô E1, Khu công nghiệp Quế Võ, Phường Văn Dương, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-139
44. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG
Địa chỉ chi nhánh: Đường Bà Triệu, Phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
Mã chi nhánh:
45. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH AN GIANG
Địa chỉ chi nhánh: Số 270 Lý Thái Tổ, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-036

46. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH CHÂU ĐỐC
Địa chỉ chi nhánh: Số 66-68-70 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Châu Phú A, Thị xã Châu Đốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam
Mã chi nhánh:
47. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH
Địa chỉ chi nhánh: Số 257 - Lê Hồng Phong, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-024
48. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÀI
Địa chỉ chi nhánh: Đường Hùng Vương, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-133
49. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH LONG AN
Địa chỉ chi nhánh: Số 396, quốc Lộ 1, Tỉnh Long An, Việt Nam
Mã chi nhánh:
50. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẾN LỨC
Địa chỉ chi nhánh: 234 Võ Công Tôn, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-099
51. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH CHÂU THÀNH
Địa chỉ chi nhánh: 219, đường 827, Thị trấn Tầm Vu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Long An, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-100
52. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH LÂM ĐỒNG
Địa chỉ chi nhánh: Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-030
53. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH DI LINH
Địa chỉ chi nhánh: Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-113
54. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẢO LỘC
Địa chỉ chi nhánh: Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-127
55. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH CÀ MAU
Địa chỉ chi nhánh: số 94, đường Lý Thường Kiệt ,p7, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Mã chi nhánh:

56. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NINH BÌNH (CỔ PHẦN HÓA THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 440/QĐ-HĐQT-NHCT1, NGÀY 05/8/2009)
Địa chỉ chi nhánh: Đường Trần Hưng Đạo, Phường Vân Giang, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-020
57. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH TAM ĐIỆP (CỔ PHẦN HÓA THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 391/QĐ-HĐQT-NHCT1, NGÀY 05/8/2009)
Địa chỉ chi nhánh: Tổ 17, Phường Trung Sơn, Thị xã Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-117
58. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THANH HÓA
Địa chỉ chi nhánh: Số 17 Phan Chu Trinh, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam
Mã chi nhánh:
59. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH SẦM SƠN
Địa chỉ chi nhánh: đường Đoàn Thị Điểm, khu phố Tài Lộc, Phường Trường Sơn, Thị xã Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-125
60. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌM SƠN
Địa chỉ chi nhánh: Số 169 đường Trần Phú, Phường Ba Đình, Thị xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-085
61. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÁI BÌNH
Địa chỉ chi nhánh: Số 190 Hai Bà Trưng, Phường Dề Thám, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-015
62. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH DIÊM ĐIỀN
Địa chỉ chi nhánh: Khu 5, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-119
63. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TUYÊN QUANG
Địa chỉ chi nhánh: Số 182, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Minh Xuân, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-153

64. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH HÒA THÀNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Địa chỉ chi nhánh: Số 77 đường Phạm Văn Đồng, khu phố 2, Thị trấn Hòa Thành, Huyện Hoà Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-135
65. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐIỆN BIÊN
Địa chỉ chi nhánh: Số 14, đường Trần Đăng Ninh, Tổ dân phố 4, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-155
66. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH KCN TRẢNG BÀNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Địa chỉ chi nhánh: 1564 A1, quốc lộ 22, ấp An Bình, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-138
67. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH TÂY NINH
Địa chỉ chi nhánh: Số 245 đường 30/4, Phường 1, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-032
68. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH THÁI NGUYÊN
Địa chỉ chi nhánh: Số 62, đường Hoàng Văn Thụ, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-008
69. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH LƯU XÁ
Địa chỉ chi nhánh: số 656/1, đường cách mạng tháng 8, Phường Trung Thành, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-105
70. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH SÔNG CÔNG
Địa chỉ chi nhánh: Số 01, đường Thắng Lợi, Phường Mỏ Chè, Thị xã Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-106
71. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM -CHI NHÁNH CẦN THƠ
Địa chỉ chi nhánh: 9 Phan Đình Phùng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-040

72. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
- CHI NHÁNH KHU CÔNG NGHIỆP TRÀ NÓC
Địa chỉ chi nhánh: Lô 30A9, khu CN Trà Nóc 1, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-132
73. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HẢ GIANG
Địa chỉ chi nhánh: Tổ 16, Phường Minh Khai, Thành Phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-154
74. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH LÀO CAI
Địa chỉ chi nhánh: 007, đường Hoàng Liên, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-088
75. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH BẠC LIÊU
Địa chỉ chi nhánh: Số 01 đường Hai Bà Trưng, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-044
76. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH CAO BẰNG
Địa chỉ chi nhánh: Số 064, đường Hoàng Đình Giông, Phường Hợp Giang, Thị xã Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam
Mã chi nhánh:
77. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KCN BIÊN HÒA (TÊN CŨ: CHI NHÁNH NGÂN H
Địa chỉ chi nhánh: Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-029
78. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI (TÊN CŨ: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG
Địa chỉ chi nhánh: đường Hưng Đạo Vương, Phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-033
79. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH LONG THÀNH (CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG
Địa chỉ chi nhánh: Quốc lộ 51A, Thị trấn Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-114

80. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH (TÊN CŨ: CHI NHÁNH NGÂN HÀN)
Địa chỉ chi nhánh: Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-118
81. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH LẠNG SƠN
Địa chỉ chi nhánh: Số 51, đường Lê Lợi, Phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-007
82. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THỪA THIÊN HUẾ
Địa chỉ chi nhánh: 2 Lê Quý Đôn, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
Mã chi nhánh:
83. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÚ BÀI
Địa chỉ chi nhánh: 45 Thuận Hoá, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
Mã chi nhánh:
84. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH VĨNH PHÚC
Địa chỉ chi nhánh: Số 4, Đường Ngô Quyền, Phường Ngô Quyền, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948 - 009
85. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÚC YÊN
Địa chỉ chi nhánh: Số 04, Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trung Trắc, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-091
86. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH XUYỀN
Địa chỉ chi nhánh: Thị trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948 - 124
87. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Địa chỉ chi nhánh: Số 45 Nguyễn Văn Cừ,, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Mã chi nhánh:
88. Tên chi nhánh: Chi nhánh công ty Cp Thương mại và vận tải Thái Hà tại Hưng Yên
Địa chỉ chi nhánh: thị trấn Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Mã chi nhánh:

89. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH VINH LONG
Địa chỉ chi nhánh: Số 1C, đường Hoàng Thái Hiếu, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-039
90. Tên chi nhánh: CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ chi nhánh: 153 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0101047075-001
91. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THỦ THIÊM
Địa chỉ chi nhánh: 208 Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-160
92. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THỦ ĐỨC
Địa chỉ chi nhánh: 1 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-110
93. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH 5 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ chi nhánh: 218 Trần Hưng Đạo, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-054
94. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ chi nhánh: 79A Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-002
95. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH NAM SÀI GÒN
Địa chỉ chi nhánh: 1425-1427, Khu phố Mỹ Toàn 2, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-146
96. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH CỬ CHI
Địa chỉ chi nhánh: 35-37 Tỉnh lộ 8, Khu phố 1,, Thị trấn Cù Chi, Huyện Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-129
97. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH TÂY SÀI GÒN
Địa chỉ chi nhánh: Lô 20, đường Song Hành, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-082

98. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ chi nhánh: 366 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-061
99. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ chi nhánh: 346 Bùi Hữu Nghĩa, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-056
100. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ chi nhánh: 111 - 121 Ngô Gia Tự, Phường 02, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-059
101. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH 9 - TP.HCM
Địa chỉ chi nhánh: 01 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-058
102. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ chi nhánh: 165-169 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-050
103. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TÂN BÌNH
Địa chỉ chi nhánh: 39 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-120
104. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ chi nhánh: 196-202 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-057
105. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÔNG SÀI GÒN (TÊN CŨ: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH 14 TP. HỒ CHÍ MINH)
Địa chỉ chi nhánh: 35 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thới, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-062

106. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH THUẬN
Địa chỉ chi nhánh: Số 02 Nguyễn Tất Thành, Phường Bình Hưng, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-027
107. Tên chi nhánh: Chi nhánh Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định
Địa chỉ chi nhánh: Số 119 Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
Mã chi nhánh:
108. Tên chi nhánh: Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Nam Định.
Địa chỉ chi nhánh: Số 1 Máy Tơ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
Mã chi nhánh:
109. Tên chi nhánh: Chi nhánh Ngân hàng Công thương Thành phố Nam Định
Địa chỉ chi nhánh: Số 41 Nguyễn Du, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
Mã chi nhánh:
110. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC KẠN
Địa chỉ chi nhánh: Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam
Mã chi nhánh:
111. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ TĨNH
Địa chỉ chi nhánh: Số 166 Hà Huy Tập, Phường Hà Huy Tập, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-083
112. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KIÊN GIANG
Địa chỉ chi nhánh: Số 63, đường Lê Lợi, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-041
113. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH LAI CHÂU
Địa chỉ chi nhánh: Tổ 12, Phường Tân Phong, Thị xã Lai Châu, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-156
114. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÒA BÌNH
Địa chỉ chi nhánh: số 186, đường Cù Chính Lan, tổ 21, Phường Phương Lâm, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Mã chi nhánh:

115. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI
Địa chỉ chi nhánh: 97 Đại lộ Hùng Vương, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-023
116. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC
Địa chỉ chi nhánh: 622 QL.14, Phường Tân Phú, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-072
117. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH LÀO CAI
Địa chỉ chi nhánh: Số nhà 007, đường Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Mã chi nhánh:
118. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH LIÊN CHIÊU
Địa chỉ chi nhánh: 381 Nguyễn Lương Bằng, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã chi nhánh:
119. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
Địa chỉ chi nhánh: 172 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã chi nhánh:
120. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG.
(TÊN CŨ: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG BÌNH DƯƠNG)
Địa chỉ chi nhánh: 330 Đại lộ Bình Dương, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-031
121. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG
(TÊN CŨ: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG)
Địa chỉ chi nhánh: Số 20 Độc Lập, khu công nghiệp Sóng Thần 1, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-074

122. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH BẮC HÀ NỘI "CHUYÊN ĐỔI TỪ CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG KHU CÔNG NGHIỆP BẮC HÀ NỘI, CÓ GCN ĐKKD SỐ 0116000253 DO PHÒNG ĐKKD - SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HÀ NỘI CẤP NGÀY 15/04/2003" "CẤP LẠI MÃ SỐ DN TỪ ĐKKD SỐ: 0113025159 DO PHÒNG ĐKKD SỐ 1 - SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HÀ NỘI 11/08/2009"
Địa chỉ chi nhánh: Số 567 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-077
123. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH CHƯƠNG DƯƠNG "CHUYÊN TỪ CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG KHU VỰC CHƯƠNG DƯƠNG, CÓ GCN ĐKKD SỐ 0116000235 DO PHÒNG ĐKKD - SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HÀ NỘI CẤP NGÀY 09/03/1993" "CẤP LẠI MÃ SỐ DN TỪ ĐKKD SỐ: 0113025161 DO PHÒNG ĐKKD SỐ 1 - SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HÀ NỘI CẤP NGÀY 12/08/2009"
Địa chỉ chi nhánh: Số 32, ngõ 298, phố Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-066
124. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KON TUM
Địa chỉ chi nhánh: Số nhà 92, Đường Trần Phú, Phường Thắng Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-081
125. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH QUẢNG BÌNH
Địa chỉ chi nhánh: 215 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-079
126. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HAI BÀ TRUNG
Địa chỉ chi nhánh: 285 Trần Khát Chân, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-063
127. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẾN TRE
Địa chỉ chi nhánh: 142 A, Nguyễn Đình Chiểu, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-038
128. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÚ THỌ
Địa chỉ chi nhánh: Số 1514, đường Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-010

129. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH THỊ XÃ PHÚ THỌ
Địa chỉ chi nhánh: Số 1 phú an, Phường Phong Châu, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-112
130. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH ĐỀN HÙNG
Địa chỉ chi nhánh: Xã Vân Phú, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-090
131. Tên chi nhánh: Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam
Địa chỉ chi nhánh: 22 Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-028
132. Tên chi nhánh: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hội An
Địa chỉ chi nhánh: 04 Hoàng Diệu, Phường Minh An, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Mã chi nhánh: 0100111948-128
133. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH GIA LAI
Địa chỉ chi nhánh: 01 Trần Hưng Đạo, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Mã chi nhánh:

10. Thông tin về văn phòng đại diện

11. Thông tin về địa điểm kinh doanh

W. TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Hải Hùng

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8956 /NHNN-TTGSNH
V/v tăng vốn điều lệ đợt 2 năm 2011
của Ngân hàng TMCP Công thương VN

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2011

Kính gửi: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

Về việc Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) đề nghị tăng vốn điều lệ đợt 2 năm 2011 từ 16.858 tỷ đồng lên 20.230 tỷ đồng tại Công văn số 1007/CV-HDQT-NHCT26 ngày 16/11/2011 và hồ sơ kèm theo, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận việc Vietinbank tăng vốn điều lệ đợt 2 năm 2011 từ 16.858 tỷ đồng (mười sáu ngàn tám trăm năm tám tỷ đồng) lên 20.230 tỷ đồng (hai mươi ngàn hai trăm ba mươi tỷ đồng) (tăng thêm 3.372 tỷ đồng) thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/5/2011, trong đó cổ đông Nhà nước góp thêm 2.708 tỷ đồng.

2. Vietinbank có trách nhiệm:

- Thực hiện việc tăng vốn điều lệ, đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và công bố thông tin theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Có văn bản kèm tài liệu chứng minh hoàn tất việc tăng vốn điều lệ, đề nghị Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) sửa đổi Giấy phép với mức vốn điều lệ mới.

- Sử dụng số vốn điều lệ được cấp hiệu quả, an toàn; dành và ưu tiên vốn tín dụng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp chế biến và doanh nghiệp nhỏ và vừa, tuân thủ đúng quy định về các tỷ lệ an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, đồng thời thực hiện có kết quả mục tiêu kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

3. Văn bản này có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký. Trường hợp việc tăng vốn điều lệ chưa hoàn tất trong thời hạn cho phép, nếu Đại hội đồng cổ đông Vietinbank thông qua việc thay đổi phương án tăng vốn điều lệ nêu trên, văn bản này hết hiệu lực pháp lý.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BLD NHNN;
- VPCP;
- Bộ Tài chính;
- Lưu VP, TTGSNH6 (5).

THÔNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC



TRẦN MINH TUẤN

Số: 118 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2011

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 84/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 112/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 17/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng;

Căn cứ Thông tư số 112/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 17/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng;

Căn cứ Quyết định số 13/2007/QĐ-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Ban hành Mẫu bản cáo bạch trong Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng và Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán;

Xét hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Phát hành Chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE;



- Tên viết tắt: VIETINBANK;
- Địa chỉ trụ sở chính: 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 7 năm 2009, thay đổi lần 4 ngày 10 tháng 3 năm 2011.
- Vốn điều lệ: 16.858.101.340.000 đồng (Mười sáu nghìn tám trăm năm mươi tám tỷ một trăm lẻ một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Điều 2. Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam được đăng ký chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 337.162.027 cổ phiếu (Ba trăm ba mươi bảy triệu một trăm sáu mươi hai nghìn không trăm hai mươi bảy cổ phiếu);
4. Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá cổ phiếu): 3.371.620.270.000 đồng (Ba nghìn ba trăm bảy mươi một tỷ sáu trăm hai mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Điều 3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy Chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy Chứng nhận này được lập thành 04 bản chính: 01 bản cấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



Vũ Thị Kim Liên

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2011

Số: 04/NQ-DHĐCĐ

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 11 thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 12, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/6/2010;
- Căn cứ Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 16/7/2009 của Chính phủ về Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank) ban hành theo Quyết định số 1573/QĐ-NHNN ngày 03/7/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Quyết định số 1553/QĐ-NHNN ngày 23/6/2010 về việc chuẩn y sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của VietinBank ngày 31/5/2011.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 và định hướng hoạt động kinh doanh năm 2011; Báo cáo của HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ năm 2010; Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của VietinBank; Báo cáo tài chính năm 2010 đã kiểm toán, trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2010.

Một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010:
 - ✓ Tổng tài sản: 367.172 tỷ đồng;
 - ✓ Nguồn vốn huy động và vốn vay: 339.699 tỷ đồng;
 - ✓ Dư nợ cho vay: 234.204 tỷ đồng;

- ✓ Lợi nhuận trước thuế: 4.598 tỷ đồng;
 - ✓ Tỷ lệ nợ xấu: 0,66% tổng dư nợ cho vay.
2. Trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2010:
- ✓ Lợi nhuận sau thuế dùng để phân chia: 3.343,7 tỷ đồng;
 - ✓ Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 100,8 tỷ đồng;
 - ✓ Trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc: 1,25 tỷ đồng;
 - ✓ Trích lập Quỹ dự phòng tài chính: 331,9 tỷ đồng;
 - ✓ Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành: 1 tỷ đồng;
 - ✓ Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 811,2 tỷ đồng;
 - ✓ Chia cổ tức: 2.044 tỷ đồng;
 - ✓ Lợi nhuận còn lại hợp nhất: 115,4 tỷ đồng.

3. Chia cổ tức năm 2010 cho các cổ đông bằng tiền mặt:

Chia cổ tức năm 2010 cho các cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ **13,47%** trên số vốn điều lệ tại thời điểm chốt danh sách chia cổ tức (tương đương tỷ lệ 17% trên vốn điều lệ bình quân theo thời gian thực tế).

Điều 2. Thông qua định hướng hoạt động kinh doanh năm 2011 của VietinBank với các nội dung chính sau đây:

1. Định hướng hoạt động:

Năm 2011, Vietinbank chủ trương tiếp tục đẩy mạnh các công việc sau cổ phần hóa, tăng vốn nhằm đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh, đầu tư công nghệ hiện đại hóa ngân hàng, chuẩn hóa toàn diện hoạt động quản trị điều hành, các sản phẩm dịch vụ, cơ chế quy chế, từng bước hội nhập quốc tế để giá trị thương hiệu Vietinbank được nâng cao trên thị trường trong nước và quốc tế; nhằm thực hiện mục tiêu tầm nhìn đến năm 2015: Trở thành Tập đoàn tài chính hiện đại, hiệu quả và chủ lực của nền kinh tế.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- ✓ Tổng tài sản: tăng 20%, đạt 441.000 tỷ đồng;
- ✓ Vốn điều lệ: 20.000 – 25.000 tỷ đồng;
- ✓ Tổng nguồn vốn huy động và vốn vay: tăng 20%, đạt 408.000 tỷ đồng;
- ✓ Tổng dư nợ cho vay và đầu tư: 419.000 tỷ đồng, trong đó
 - Dư nợ cho vay tăng 19,9%, đạt 281.000 tỷ đồng;
 - Đầu tư tăng 21%, đạt 138.000 tỷ đồng;
- ✓ Tỷ lệ nợ xấu: dưới 3%;
- ✓ Tổng lợi nhuận trước thuế: đạt 5.100 tỷ đồng;
- ✓ Chia cổ tức: 16%;

3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chi đạo thực hiện kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định việc điều chỉnh một số chỉ tiêu khi cần thiết.

Điều 3. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2011.

- ✓ Vốn điều lệ tại thời điểm 10/3/2011: 16.858 tỷ đồng;
- ✓ Vốn điều lệ tăng tiếp trong năm: Dự kiến từ 6.942 tỷ đồng, trong đó:
 - Phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 3.372 tỷ đồng;
 - Phát hành cổ phiếu mới cho cổ đông chiến lược nước ngoài: 3.570 tỷ đồng.
- ✓ Vốn điều lệ cuối năm (sau khi tăng): Dự kiến 23.800 tỷ đồng.
- ✓ Các nội dung khác như nêu trong Phương án tăng vốn điều lệ năm 2011 trình tại Đại hội đồng cổ đông lần này.
- ✓ Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ và ủy quyền cho Hội đồng quản trị:
 - Quyết định nội dung tăng vốn điều lệ cho từng đợt tăng vốn cụ thể trên cơ sở ý kiến chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
 - Quyết định thứ tự của các đợt phát hành tăng vốn điều lệ cụ thể; thời điểm phát hành cổ phần của từng đợt phát hành cụ thể; tỷ lệ và số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu; tỷ lệ và số lượng cổ phần phát hành cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài; giá bán cổ phần cho từng đối tượng cụ thể, trong từng đợt phát hành cụ thể; các điều kiện chào bán cổ phần và các điều kiện khác cho từng đợt phát hành;... bảo đảm lợi ích tổng thể của VietinBank và các cổ đông.
 - Trường hợp hết năm tài chính 2011 mà chưa thực hiện xong phương án tăng vốn điều lệ nói trên, HĐQT được phép trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn thời hạn tăng vốn điều lệ.
 - Trường hợp cổ đông hiện hữu không mua hết số cổ phần được phân bổ trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, HĐQT VietinBank được quyền quyết định chào bán số cổ phần chưa bán hết cho các đối tượng khác với các điều kiện chào bán không ưu đãi hơn điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán đó.
 - Tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện phát hành cổ phần thành công, đăng ký tăng vốn điều lệ của ngân hàng, hoàn tất các thủ tục sau khi tăng vốn, thực hiện niêm yết số cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh sau khi hoàn tất việc phát hành.
 - Quyết định và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, phê chuẩn toàn bộ các quyết định của HĐQT về việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh các vấn đề, nội dung của phương án tăng vốn điều lệ năm 2011; và về việc ký kết các hợp đồng, tài liệu, văn bản liên quan đến việc phát hành và bán cổ phần để tăng vốn điều lệ; nhằm triển khai tăng vốn điều lệ thành công, có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực

tế của thị trường, bảo đảm lợi ích tổng thể của VietinBank và các cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ VietinBank.

- ✓ Đối với trường hợp phát hành riêng lẻ để phát hành thêm cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, các cổ đông của VietinBank đồng ý sẽ không thực hiện quyền ưu tiên mua đối với số cổ phần này, theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần mà cổ đông sở hữu.

Điều 4. Thông qua Đề án Phát hành Trái phiếu quốc tế của VietinBank. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

1. Quyết định nội dung chi tiết đề án phát hành trái phiếu quốc tế, các nội dung liên quan đến việc phát hành trái phiếu quốc tế; tiến hành các thủ tục xin phép Chính phủ, NHNN Việt Nam, các bộ ngành liên quan phê chuẩn việc phát hành trái phiếu quốc tế của VietinBank.
2. Quyết định thời điểm, phương thức, khối lượng, lãi suất phát hành, các điều kiện phát hành trái phiếu, niêm yết trái phiếu,...
3. Quyết định và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, phê chuẩn toàn bộ các quyết định của HĐQT về việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh các nội dung của đề án phát hành trái phiếu quốc tế, các nội dung, thủ tục liên quan đến việc phát hành trái phiếu quốc tế; và về việc ký kết các hợp đồng, tài liệu, văn bản liên quan đến việc phát hành trái phiếu quốc tế; nhằm triển khai việc phát hành trái phiếu quốc tế của VietinBank thành công, có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ VietinBank.

Điều 5. Thông qua việc thành lập Công ty chuyển tiền Kiều hối VietinBank. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

1. Quyết định nội dung chi tiết đề án thành lập Công ty chuyển tiền kiều hối VietinBank, các nội dung liên quan đến việc thành lập công ty; tiến hành các thủ tục với cơ quan có thẩm quyền để thành lập công ty theo quy định của pháp luật.
2. Quyết định thời điểm và các nội dung cụ thể thành lập Công ty chuyển tiền kiều hối VietinBank.
3. Quyết định và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, phê chuẩn toàn bộ các quyết định của HĐQT về việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh các nội dung của đề án thành lập Công ty chuyển tiền kiều hối VietinBank, các nội dung, thủ tục liên quan đến việc thành lập công ty; và về việc ký kết các tài liệu, văn bản liên quan để thành lập công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ VietinBank; bảo đảm Công ty chuyển tiền kiều hối VietinBank hoạt động kinh doanh có hiệu quả, an toàn.

Điều 6. Thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi Điều lệ Vietinbank như tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông lần này. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: Bổ sung, sửa đổi các nội dung của Điều lệ trong quá trình đăng ký Điều lệ với cơ quan Nhà nước.

Điều 7. Thông qua cơ cấu và số lượng Ủy viên HĐQT VietinBank giai đoạn 2009-2014, trong đó:

- ✓ 07 thành viên VietinBank;
- ✓ 01 thành viên đại diện vốn IFC tại VietinBank;
- ✓ 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
- ✓ Dự kiến 02 thành viên Hội đồng quản trị đại diện vốn NovaScotia Bank tại VietinBank. Số lượng thành viên tham gia Hội đồng quản trị của NovaScotia Bank sẽ được xem xét, cân đối trên cơ sở mức vốn tham gia vào VietinBank, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 8. Thông qua việc thôi giữ chức vụ ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc của ông Phạm Xuân Lập.

Điều 9. Thông qua danh sách trúng cử ủy viên Hội đồng Quản trị VietinBank nhiệm kỳ 2009-2014, như sau:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng;
2. Ông Michael Knight Ipson.

Điều 10. Thông qua mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011 bằng 0,53% lợi nhuận sau thuế năm 2011.

Điều 11. Nhất trí lựa chọn Công ty Kiểm toán Ernst and Young thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 của VietinBank.

Điều 12. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội vào lúc 13h30 ngày 31/5/2011 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/5/2011. Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- NHNN (để báo cáo);
- UBCKNN; Sở GD&ĐT TP.HCM
- Website VietinBank;
- Lưu: VP, Thư ký HĐQT,
- P. Kế hoạch & HT ALCO, P. Đầu tư.



Phạm Huy Hùng

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2011

BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Hôm nay, vào hồi 07h30' ngày 31/5/2011, tại Khách sạn Melia, số 44 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội đã diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – VietinBank (Đại hội).

A. THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP PHÁP, HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI:

I. Thành phần tham dự:

Tham dự Đại hội có 413 cổ đông đại diện cho 1.616.945.565 cổ phần, chiếm 95,92% số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.

Đại hội vinh dự được đón nhận sự hiện diện của các vị khách quý:

- Ông Đặng Thanh Bình – Ủy viên BCS Đảng, Phó Thống đốc NHNN VN;
- Bà Nguyễn Thị Thu Hồng – Phó Chủ tịch Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam;
- Các ông bà Cố vấn cao cấp VietinBank; đại diện đối tác IFC; đại diện NHNN, các bộ ban ngành, các cơ quan chức năng, đối tác, khách hàng lớn của VietinBank;
- Đại diện các cơ quan thông tấn báo chí, phát thanh và truyền hình Trung ương và Hà Nội.

II. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

Đại hội đã nghe ông Lê Đức Thọ - Phó Tổng Giám đốc – Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông:

- Tổng số cổ phần của Ngân hàng: 1.685.810.134 cổ phần.
- Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội: 20.328 cổ đông, đại diện cho 1.685.810.134 cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.
- Số đại biểu là cổ đông sở hữu hoặc được uỷ quyền tham dự có mặt: 413 cổ đông đại diện cho 1.616.945.565 cổ phần, chiếm 95,92% số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005; Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 12, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày



16/6/2010 và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1573/QĐ-NHNN ngày 03/7/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Quyết định số 1553/QĐ-NHNN ngày 23/6/2010 về việc chuẩn y sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng) năm 2011 là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

B. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI:

I. Hướng dẫn sử dụng thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử tại Đại hội

Đại hội đã lắng nghe ông Nguyễn Văn Du – Phó Tổng Giám đốc trình bày về cách thức sử dụng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử tại Đại hội.

II. Bầu Ban chủ tọa, Cử Ban thư ký và Bầu Ban Kiểm phiếu:

Để điều hành Đại hội và thực hiện công tác bầu cử, kiểm phiếu của Đại hội, Đại hội đã tiến hành bầu Ban Chủ tọa và Ban Kiểm phiếu, sau khi nghe danh sách nhân sự dự kiến do Ban tổ chức giới thiệu, **100% cổ đông** có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua Ban Chủ tọa, gồm các thành viên sau đây:

Ban Chủ tọa gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Vị trí đảm nhiệm
1	Ông Phạm Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT	Chủ tọa
2	Ông Nguyễn Văn Du	Phó TĐG, Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên
3	Ông Nguyễn Văn Thắng	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Hà Nội	Ủy viên
4	Bà Phạm Thị Hoàng Tâm	Ủy viên HĐQT	Ủy viên
5	Bà Trần Thị Hồng Hạnh	Ủy viên HĐQT, đại diện NHNN	Ủy viên

Ban Chủ tọa đã thay mặt Đại hội cử Ban thư ký Đại hội để ghi chép nội dung, diễn biến Đại hội, soạn dự thảo Biên Bản và Nghị quyết Đại hội gồm những thành viên sau:

1. Ông Lê Thanh Tùng – Trưởng phòng KII & Hỗ trợ ALCO;
2. Ông Nguyễn Thế Hoàng – Thư ký HĐQT;
3. Ông Vũ Anh Đức – Cán bộ Phòng Đầu tư.

Tiếp theo Ban Chủ tọa đã giới thiệu và Đại hội đã bầu ra Ban Kiểm phiếu Đại hội. **100% cổ đông** có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua Ban Kiểm phiếu gồm các thành viên sau đây:

Ban Kiểm phiếu gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Vị trí đảm nhiệm
1	Bà Trần Thị Lệ Nga	Trưởng Ban Kiểm soát VietinBank	Trưởng ban
2	Ông Nguyễn Văn Du	Phó Tổng Giám đốc VietinBank	Thành viên
3	Ông Trần Hồng Thắng	Trưởng Phòng QLCN và Thông tin	Thành viên
4	Ông Vũ Anh Đức	Cán bộ Phòng Đầu tư	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Thu Giang	Phó phụ trách phòng hỗ trợ KT miền Trung – TTCNTT	Thành viên
6	Ông Trần Văn Thiện	Cán bộ Phòng hỗ trợ KT miền Trung – TTCNTT	Thành viên

III. Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình Đại hội:

Sau khi Chủ tọa công bố Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội, Đại hội đã biểu quyết: **100% số cổ đông** có mặt tại Đại hội đồng ý thông qua chương trình Đại hội; **100% số cổ đông** có mặt tại Đại hội đồng ý thông qua quy chế làm việc của Đại hội.

IV. Nội dung chính của Đại hội:

1. Báo cáo của HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát

- Đại hội đã nghe Ông Phạm Huy Hùng trình bày Báo cáo kết quả hoạt động năm 2010 và định hướng, kế hoạch hoạt động năm 2011.
- Đại hội đã nghe Ông Phạm Huy Hùng, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT trình bày báo cáo của HĐQT việc thực hiện nhiệm vụ năm 2010.
- Đại hội đã nghe Bà Trần Thị Lệ Nga, Trưởng Ban Kiểm soát thay mặt Ban Kiểm soát trình bày báo cáo hoạt động của VietinBank năm 2010.

Báo cáo kết quả hoạt động năm 2010 và định hướng, kế hoạch hoạt động năm 2011 tập trung đánh giá, phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của VietinBank trong năm 2010 về các chỉ tiêu tài chính và hoạt động chính của ngân hàng như: huy động vốn, sử dụng vốn, thanh toán, kinh doanh ngoại tệ, dịch vụ thu phí, công nghệ, quản trị rủi ro, phát triển mạng lưới, đầu tư xây dựng cơ bản, công tác tổ chức cán bộ và tiền lương... cũng như tóm tắt kết quả hoạt động của các công ty trực thuộc. Báo cáo cũng đề ra phương hướng hoạt động năm 2011 của Vietinbank với các chỉ tiêu chính: Tăng trưởng tổng tài sản 20%; Dư nợ cho vay và đầu tư tăng 20%. Huy động vốn và vốn vay tăng 20%. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2011 là 5.100 tỷ đồng. Tỷ lệ chi trả cổ tức 2011 dự kiến là 16%.

Báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm 2010 của HĐQT trình bày và đánh giá các kết quả tài chính thực hiện năm 2010 của HĐQT so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 giao. Bên cạnh đó, báo cáo cũng trình bày kết quả công tác tăng vốn điều lệ và các công việc sau cổ phần hóa, các kết quả đạt được trong việc kiện toàn công tác quản trị điều hành trong năm 2010.

Báo cáo của Ban kiểm soát trình bày các kết quả đạt được trong quá trình hoạt động năm 2010 bao gồm: Công tác xây dựng cơ chế, quy chế; Công tác đánh giá giám sát hệ thống; Công tác Kiểm toán nội bộ và KTKSNB; Giám sát sự biến động về tình hình nắm giữ cổ phần Vietinbank của những cổ đông lớn và người có liên quan; Thực hiện thẩm định độc lập báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2010 của VietinBank; đồng thời báo cáo cũng đề ra phương hướng nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2011 và các đề xuất với Cổ đông và HĐQT, Ban điều hành.

2. Các Tờ trình Đại hội cổ đông

Đại Hội đã nghe:

- Bà Nguyễn Hồng Vân, Ủy viên HĐQT trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2010 đã kiểm toán; trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2010; lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm và rà soát BCTC quý, bán niên 2011;
- Ông Lê Đức Thọ, Phó Tổng Giám đốc trình bày Tờ trình Phương án tăng vốn điều lệ năm 2011; Tờ trình phát hành Trái phiếu quốc tế của VietinBank; Tờ trình thành lập Công ty chuyên tiền kiều hối VietinBank;
- Ông Nguyễn Văn Du, Phó Tổng Giám đốc trình bày Tờ trình sửa đổi bổ sung điều lệ VietinBank;
- Bà Phạm Thị Hoàng Tâm, ủy viên HĐQT trình bày Tờ trình về mức thù lao cho HĐQT – BKS năm 2011;
- Ông Nguyễn Văn Du, Phó Tổng Giám đốc trình bày Tờ trình thông qua cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT; Thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc đối với Ông Phạm Xuân Lập và bầu bổ sung thành viên HĐQT NHTMCP Công Thương VN;
- Ông Nguyễn Văn Du, Phó Tổng Giám đốc trình bày Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT. 100% cổ đông có mặt tại Đại hội đã thông qua Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT của VietinBank.

3. Phát biểu ý kiến của khách mời, thảo luận và thông qua các nội dung báo cáo, Tờ trình:

Đại hội đã vinh dự được nghe Ông Đặng Thanh Bình - Phó Thống đốc NHNN VN phát biểu ý kiến chỉ đạo tại Hội nghị.

Đại hội đã tiến hành thảo luận về nội dung các báo cáo, Tờ trình Đại hội cổ đông. Đại hội đã thống nhất cao với các nội dung trình bày tại Đại hội và không có ý kiến gì khác.

4. *Biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo, Tờ trình Đại hội:*

Trên cơ sở các Báo cáo, Tờ trình và qua quá trình thảo luận Đại hội đã tiến hành biểu quyết (bằng phiếu biểu quyết) thông qua các nội dung sau đây:

4.1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 và định hướng hoạt động kinh doanh năm 2011

- *Một số kết quả hoạt động kinh doanh chủ yếu năm 2010:*

- ✓ Tổng tài sản: 367.172 tỷ đồng;
- ✓ Nguồn vốn huy động và vốn vay: 339.699 tỷ đồng;
- ✓ Dự nợ cho vay: 234.204 tỷ đồng;
- ✓ Lợi nhuận trước thuế: 4.598 tỷ đồng;
- ✓ Tỷ lệ nợ xấu: 0,66% tổng dự nợ cho vay.

- *Định hướng hoạt động năm 2011:*

Năm 2011, Vietinbank chủ trương tiếp tục đẩy mạnh các công việc sau cổ phần hóa, tăng vốn nhằm đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh, đầu tư công nghệ hiện đại hóa ngân hàng, chuẩn hóa toàn diện hoạt động quản trị điều hành, các sản phẩm dịch vụ, cơ chế quy chế, từng bước hội nhập quốc tế để giá trị thương hiệu Vietinbank được nâng cao trên thị trường trong nước và quốc tế; nhằm thực hiện mục tiêu tầm nhìn đến năm 2015: Trở thành Tập đoàn tài chính hiện đại, hiệu quả và chủ lực của nền kinh tế.

- *Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2011:*

- ✓ Tổng tài sản: 441.000 tỷ đồng;
- ✓ Vốn điều lệ: 20.000 – 25.000 tỷ đồng;
- ✓ Tổng nguồn vốn huy động và vốn vay: 408.000 tỷ đồng;
- ✓ Tổng dự nợ cho vay và đầu tư: 419.000 tỷ đồng, trong đó
 - Dự nợ cho vay tăng 19,9%, đạt 281.000 tỷ đồng;
 - Đầu tư tăng 21%, đạt 138.000 tỷ đồng;
- ✓ Tỷ lệ nợ xấu: dưới 3%;
- ✓ Tổng lợi nhuận trước thuế: 5.100 tỷ đồng;
- ✓ Chia cổ tức: 16%;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chi đạo thực hiện kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định việc điều chỉnh một số chỉ tiêu khi cần thiết.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.611.195.622 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,64%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 674.150 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,042%.

4.2. Thông qua báo cáo của HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ năm 2010

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.611.189.814 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,64%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 679.958 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,042%.

4.3. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động của VietinBank

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.611.208.803 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,95%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 681.193 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,042%.

4.4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2010 đã kiểm toán, trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2010; thuê đơn vị kiểm toán độc lập BCTC năm 2011

➤ Tóm tắt số liệu tài chính:

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010 và cho năm tài chính của Vietinbank đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán quốc tế Ernst & Young Việt Nam phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành. Các số liệu chủ yếu về vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010 của Ngân hàng như sau:

- Tổng tài sản đạt 367.712 tỷ đồng, tăng 50,8% so với 31/12/2009.
- Dư nợ cho vay nền kinh tế là 234.205 tỷ đồng; tăng trưởng 43,53% so với 31/12/2009. Chất lượng tín dụng được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ nợ xấu ở mức 0,66% tại 31/12/2010.
- Nguồn vốn huy động và vốn vay đạt 339.699 tỷ đồng, tăng 54,26% so với 31/12/2009.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 4.598 tỷ đồng, tăng trưởng 36,31% so với 31/12/2009.
- Tỷ lệ thu nhập ròng trên nguồn vốn chủ sở hữu (ROE) là 22,21%.
- Tỷ lệ thu nhập ròng trên tổng tài sản (ROA) là 1,5%.

➤ Phân phối lợi nhuận năm 2010:

- Lợi nhuận sau thuế dùng để phân chia: 3.343,7 tỷ đồng;
- Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 100,8 tỷ đồng;
- Trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc: 1,25 tỷ đồng;
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính: 331,9 tỷ đồng;
- Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành: 1 tỷ đồng;
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 811,2 tỷ đồng;
- Chia cổ tức: 2.044 tỷ đồng;
- Lợi nhuận còn lại hợp nhất: 115,4 tỷ đồng.

- Chia cổ tức năm 2010 cho các cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ 13,47% trên số vốn điều lệ tại thời điểm chốt danh sách chia cổ tức (tương đương tỷ lệ 17% trên vốn điều lệ bình quân theo thời gian thực tế).

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.611.215.846 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,958%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 674.150 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,042%.

4.5. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2011 với các nội dung chính sau đây:

- Vốn điều lệ tại thời điểm 10/3/2011: 16.858 tỷ đồng;
- Vốn điều lệ tăng trong năm: Dự kiến từ 6.942 tỷ đồng, trong đó:
 - o Phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 3.372 tỷ đồng;
 - o Phát hành cổ phiếu mới cho cổ đông chiến lược nước ngoài: 3.570 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ cuối năm (sau khi tăng): Dự kiến 23.800 tỷ đồng.
- Các nội dung khác như nêu trong Phương án tăng vốn điều lệ năm 2011 trình tại Đại hội đồng cổ đông lần này.
- Đại hội đồng cổ đông đã:

a. Thông qua nội dung phương án tăng vốn điều lệ như nói trên.

b. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị VietinBank:

b.1. Quyết định nội dung tăng vốn điều lệ cho từng đợt tăng vốn cụ thể trên cơ sở ý kiến chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b.2. Quyết định thứ tự của các đợt phát hành tăng vốn điều lệ cụ thể; thời điểm phát hành cổ phần của từng đợt phát hành cụ thể; tỷ lệ và số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu; tỷ lệ và số lượng cổ phần phát hành cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài; giá bán cổ phần cho từng đối tượng cụ thể, trong từng đợt phát hành cụ thể; các điều kiện chào bán cổ phần và các điều kiện khác cho từng đợt phát hành;... bảo đảm lợi ích tổng thể của VietinBank và các cổ đông.

b.3. Trường hợp hết năm tài chính 2011 mà chưa thực hiện xong phương án tăng vốn điều lệ nói trên, HĐQT được phép trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn thời hạn tăng vốn điều lệ.

b.4. Trường hợp cổ đông hiện hữu không mua hết số cổ phần được phân bổ trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, HĐQT VietinBank được quyền quyết định chào bán số cổ phần chưa bán hết cho các đối tượng khác với các điều kiện chào bán không ưu đãi hơn điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán đó.

b.5. Tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện phát hành cổ phần thành công, đăng ký tăng vốn điều lệ của ngân hàng, hoàn tất các thủ tục sau khi tăng vốn, thực hiện niêm yết số cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh sau khi hoàn tất việc phát hành.

b.6. Quyết định và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, phê chuẩn toàn bộ các quyết định của HĐQT về việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh các vấn đề, nội dung của phương án tăng vốn điều lệ năm 2011; và về việc ký kết các hợp đồng, tài liệu, văn bản liên quan đến việc phát hành và bán cổ phần để tăng vốn điều lệ; nhằm triển khai tăng vốn điều lệ thành công, có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường, bảo đảm lợi ích tổng thể của VietinBank và các cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ VietinBank.

c. Nội dung khác

Đối với trường hợp phát hành riêng lẻ đề phát hành thêm cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, các cổ đông của VietinBank đồng ý sẽ không thực hiện quyền ưu tiên mua đối với số cổ phần này, theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần mà cổ đông sở hữu.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.443.305.613 cổ phần, chiếm tỷ lệ 89,261%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 168.581.013 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10,426%.

4.6. Thông qua việc phát hành Trái phiếu quốc tế của VietinBank

a. Thông qua việc phát hành trái phiếu quốc tế với những nội dung chính như tại tờ trình.

b. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị VietinBank:

b.1. Quyết định nội dung chi tiết đề án phát hành trái phiếu quốc tế, các nội dung liên quan đến việc phát hành trái phiếu quốc tế; tiến hành các thủ tục xin phép Chính phủ, NHNN Việt Nam, các bộ ngành liên quan phê chuẩn việc phát hành trái phiếu quốc tế của VietinBank.

b.2. Quyết định thời điểm, phương thức, khối lượng, lãi suất phát hành, các điều kiện phát hành trái phiếu, niêm yết trái phiếu,...

b.3. Quyết định và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, phê chuẩn toàn bộ các quyết định của HĐQT về việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh các nội dung của đề án phát hành trái phiếu quốc tế, các nội dung, thủ tục liên quan đến việc phát hành trái phiếu quốc tế; và về việc ký kết các hợp đồng, tài liệu, văn bản liên quan đến việc phát hành trái phiếu quốc tế; nhằm triển khai việc phát hành trái phiếu quốc tế của VietinBank thành công, có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ VietinBank.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.611.849.246 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,997%; không tán thành là 33.707 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002%; không có ý kiến là 7.043 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0004%.

4.7. Thông qua việc thành lập Công ty Chuyển tiền kiều hối VietinBank

a. Thông qua chủ trương việc thành lập Công ty chuyển tiền kiều hối VietinBank như tại tờ trình.

b. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị VietinBank:

b.1. Quyết định nội dung chi tiết đề án thành lập Công ty chuyển tiền kiều hối VietinBank, các nội dung liên quan đến việc thành lập công ty; tiến hành các thủ tục với cơ quan có thẩm quyền để thành lập công ty theo quy định của pháp luật.

b.2. Quyết định thời điểm và các nội dung cụ thể thành lập Công ty chuyển tiền kiều hối VietinBank.

b.3. Quyết định và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, phê chuẩn toàn bộ các quyết định của HĐQT về việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh các nội dung của đề án thành lập Công ty chuyển tiền kiều hối VietinBank, các nội dung, thủ tục liên quan đến việc thành lập công ty; và về việc ký kết các tài liệu, văn bản liên quan để thành lập công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ VietinBank; bảo đảm Công ty chuyển tiền kiều hối VietinBank hoạt động kinh doanh có hiệu quả, an toàn.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.611.833.520 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,684%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 51.871 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003%.

4.8. Thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi Điều lệ Vietinbank như tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông lần này.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: bổ sung, sửa đổi các nội dung của Điều lệ trong quá trình thực hiện đăng ký điều lệ với cơ quan nhà nước

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.611.847.111 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,685%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; không có ý kiến là 39.515 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002%.

4.9. Thông qua mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2011 bằng 0,53% lợi nhuận sau thuế năm 2011.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.611.736.644 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,678%; không tán thành là 141.571 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,009 %; không có ý kiến là 2.583 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00016%.

5. Bầu ủy viên Hội đồng Quản trị VietinBank

5.1. Thông qua tờ trình cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT:

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT VietinBank giai đoạn 2009-2014 với số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.611.888.761 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,99%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.%; không có ý kiến là 1.235 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00008%. Theo đó:

- 07 thành viên VietinBank;
- 01 thành viên đại diện vốn IFC tại VietinBank;
- 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập;

- Dự kiến 02 thành viên Hội đồng quản trị đại diện vốn NovaScotia Bank tại VietinBank. Số lượng thành viên tham gia Hội đồng quản trị của NovaScotia Bank sẽ được xem xét, cân đối trên cơ sở mức vốn tham gia vào VietinBank, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật.

5.2. Thông qua việc thôi giữ chức vụ Ủy viên HĐQT của ông Phạm Xuân Lập.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.611.196.556 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,64%; không tán thành là 53.932 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003%; không có ý kiến là 25.971 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0146%.

5.3. Bầu Ủy viên HĐQT Vietinbank

Đại hội đã nghe công bố sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên vào HĐQT do Ban chủ tọa giới thiệu.

Sau đó, Đại hội đã tiến hành bầu HĐQT:

Đại hội đã nghe bà Trần Thị Lệ Nga, Trưởng Ban kiểm phiếu công bố Biên bản kiểm phiếu bầu HĐQT. Theo đó, các thành viên sau đây trúng cử vào HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2009-2014:

Danh sách trúng cử HĐQT:

STT	Họ và Tên	Số CMND/Hộ chiếu	Số phiếu bầu (1)	Tỷ lệ bầu
01.	Nguyễn Văn Thắng	011836037	1.627.151.205	100,63%
02.	Michael Knight Ipson	710962103	1.574.989.775	97,41%

6. Nội dung phát sinh ngoài chương trình nghị sự đã được thông qua: Không có.

Biên bản này được lập vào hồi 13h30 ngày 31/5/2011 ngay sau khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kết thúc chương trình Đại hội.

Biên bản này đã được đọc lại trước toàn thể Đại hội và được số cổ đông đại diện cho 100% số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua./.

THƯ KÝ



Lê Thanh Tùng

Tài liệu lưu kèm:

- Biên bản Kiểm tra tư cách cổ đông;
- Quy chế tổ chức Đại hội;



Phạm Huy Hùng

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 và mục tiêu, phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2011;
- Báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm 2010 của HĐQT;
- Báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm 2010 của Ban Kiểm soát;
- Các Tờ trình về: Thông qua báo cáo tài chính năm 2010 và trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận 2010; Mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2011; Phương án tăng Vốn điều lệ năm 2011; Đề án phát hành trái phiếu quốc tế của Vietinbank; Thành lập công ty chuyển tiền kiểu hối Vietinbank; Sửa đổi bổ sung điều lệ Vietinbank; Cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT giai đoạn 2011-2014.

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VIETINBANK VỀ PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2011

I. SỰ CẦN THIẾT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Tăng vốn điều lệ là cơ sở quan trọng để mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính, tăng cường cơ sở vật chất, hiện đại hoá ngân hàng, góp phần thực hiện có hiệu quả các định hướng và kế hoạch kinh doanh, phát triển Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) thành tập đoàn tài chính ngân hàng mạnh, hàng đầu ở Việt Nam, là trụ cột trong hệ thống tài chính ngân hàng Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

2. Hệ số an toàn vốn của VietinBank tại thời điểm 31/12/2010 là 8,02%, thời điểm 31/3/2011 là 9,72%. Theo quy định của NHNN tỷ lệ này phải duy trì ở mức tối thiểu là 9%. Thông lệ thế giới hiện nay, các NHTM mạnh thường duy trì tỷ lệ an toàn vốn từ 12-14%. Để mở rộng quy mô huy động vốn, cho vay, đầu tư và phát triển dịch vụ ngân hàng, đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm hệ số an toàn vốn tối thiểu theo quy định của Việt Nam và tiệm cận dần với thông lệ tốt nhất của thế giới thì việc tăng vốn tự có, trong đó có vốn điều lệ, là cần thiết và là công việc phải thực hiện thường xuyên hàng năm.

3. Căn cứ pháp lý trình phương án tăng vốn điều lệ

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank;
- Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ngày 20/5/2010 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng;
- Chiến lược và kế hoạch kinh doanh của VietinBank;
- Phương án tăng vốn điều lệ năm 2011 do HĐQT VietinBank xây dựng và đã được Thủ tướng Chính phủ, NHNN Việt Nam, Bộ Tài chính phê duyệt chấp thuận về chủ trương.



II. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức tăng vốn điều lệ

- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2010: 15.172 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/3/2011 (sau khi hoàn tất phát hành 10% cổ phần mới cho IFC): 16.858 tỷ đồng, đợt phát hành này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 phê chuẩn, chuyển tiếp thực hiện kế hoạch tăng vốn từ năm 2010 sang năm 2011.

- Số vốn điều lệ dự kiến tăng tiếp trong năm 2011: 6.942 tỷ đồng.

- Vốn điều lệ cuối năm 2011 (sau khi tăng): 23.800 tỷ đồng.

2. Loại cổ phần

Cổ phần phát hành là cổ phần phổ thông, ghi danh, mệnh giá 10.000 đồng/1 CP.

3. Đối tượng tham gia mua cổ phần tăng vốn điều lệ

3.1. Cổ đông hiện hữu

Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của VietinBank tại thời điểm chốt quyền thực hiện sẽ được mua cổ phần phát hành thêm hoặc được chia cổ tức bằng cổ phiếu theo quy định của pháp luật và phương án tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Người được phân bổ quyền mua cổ phần có thể thực hiện quyền mua cổ phần, hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, hoặc từ chối quyền mua cổ phần theo quy định của pháp luật.

3.2. Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài

Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược nước ngoài tham gia cơ cấu cổ đông của VietinBank là yêu cầu cần thiết và có tính chiến lược, giúp VietinBank nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập, phát triển bền vững thành tập đoàn tài chính ngân hàng mạnh. Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài của VietinBank phải là tổ chức ngân hàng lớn trên thế giới; có tình hình tài chính lành mạnh, xếp hạng tín nhiệm cao, thuộc nhóm các ngân hàng hàng đầu thế giới; có kinh nghiệm đầu tư thành công trên thế giới và khu vực Châu Á; cam kết hợp tác đầu tư phát triển lâu dài với VietinBank; hỗ trợ kỹ thuật cho VietinBank; không xung đột lợi ích với VietinBank.

Trong năm 2011, VietinBank tiếp tục triển khai và dự kiến hoàn thành phát hành cổ phiếu mới (phát hành riêng lẻ) với tỷ lệ 15% vốn điều lệ theo phương thức phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài là Ngân hàng The Bank of Nova Scotia (BNS hoặc Scotiabank) của Canada. Việc này đã được



Thủ tướng Chính phủ đồng ý về nguyên tắc tại công văn số 3223/VPCP-ĐMDN ngày 20/5/2011 của Văn Phòng Chính phủ.

4. Giá phát hành

- Giá phát hành cho cổ đông hiện hữu: Dự kiến 10.000 đồng/1 CP (bằng mệnh giá cổ phần).

- Giá phát hành cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài: Theo giá thoả thuận giữa VietinBank và đối tác mua cổ phần, phù hợp với tính chất của giao dịch đầu tư chiến lược, bảo đảm lợi ích tổng thể của ngân hàng và các cổ đông.

5. Lộ trình tăng vốn điều lệ trong năm 2011: Dự kiến gồm 2 đợt

(Không bao gồm đợt đã phát hành thành công cho IFC vào ngày 10/3/2011)

5.1. Đợt 1: Phát hành cho cổ đông hiện hữu

- Tỷ lệ phát hành: Dự kiến 20% vốn điều lệ tại thời điểm 31/03/2011 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách để phát hành sẽ được quyền mua thêm 20 cổ phần phát hành thêm, số cổ phần được quyền mua của mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị).

- Tổng số vốn phát hành thêm: Dự kiến 3.372 tỷ đồng tính theo mệnh giá cổ phần, tương đương 337,2 triệu cổ phần.

- Giá phát hành: Dự kiến 10.000 đồng/1 cổ phần (bằng mệnh giá).

- Thời gian thực hiện: Dự kiến từ tháng 6/2011.

5.2. Đợt 2: Phát hành cổ phiếu mới cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài

- Tỷ lệ phát hành thêm cổ phiếu mới: 15% so với vốn điều lệ của VietinBank sau khi phát hành thành công (tức là nhà đầu tư chiến lược nước ngoài sở hữu 15% vốn điều lệ của VietinBank). Trong tương lai, VietinBank sẽ có thể đề nghị Chính phủ cho phép nâng tỷ lệ sở hữu vốn của cổ đông chiến lược nước ngoài lên mức 20% vào thời điểm thích hợp.

- Tổng số vốn phát hành thêm: Dự kiến 3.570 tỷ đồng tính theo mệnh giá cổ phần, tương đương 357 triệu cổ phần.

- Phương thức phát hành: Phát hành thêm cổ phần mới để tăng vốn điều lệ, phát hành riêng lẻ.

- Giá phát hành cổ phiếu và các điều kiện phát hành: Theo thoả thuận, bảo đảm lợi ích tổng thể của ngân hàng và các cổ đông.

- Thời gian thực hiện: Dự kiến quý III và quý IV/2011.

6. Tổng hợp phương án tăng vốn điều lệ năm 2011

Bảng 1: Tổng hợp phương án tăng vốn điều lệ năm 2011

Đơn vị: Tỷ đồng

Dự kiến phương án tăng vốn điều lệ năm 2011		Tỷ lệ	Số tiền
I	Vốn điều lệ thời điểm 31/12/2010		15,172
II	Vốn điều lệ thời điểm 31/3/2011 (sau khi phát hành thành công cho IFC 10%). Trong đó:		16,858
	- Cổ đông Nhà nước	80.31%	13,538
	- Cổ đông ngoài Nhà nước	19.69%	3,320
III	Vốn điều lệ tăng tiếp trong năm 2011		6,942
1	Đợt 1: Phát hành cho cổ đông hiện hữu	20.00%	3,372
	+ Trong đó Nhà nước góp thêm		2,708
*	Tổng vốn điều lệ sau đợt 1, trong đó:		20,230
	- Cổ đông Nhà nước	80.31%	16,246
	- Cổ đông ngoài Nhà nước	19.69%	3,984
2	Đợt 2: Phát hành cho Scotiabank	15.00%	3,570
	+ Trong đó cổ đông hiện hữu góp thêm	0.00%	-
*	Tổng vốn điều lệ sau đợt 2, trong đó:		23,800
	- Cổ đông Nhà nước	68.26%	16,246
	- Cổ đông ngoài Nhà nước	31.74%	7,554
IV	Vốn điều lệ cuối năm 2011 (II+III)		23,800
V	Vốn tự có khác		6,335
VI	Góp vốn vào TCTD khác và công ty con		(3,814)
VII	Vốn tự có cấp 2		2,792
VIII	Vốn tự có cuối năm 2011 (IV+V+VI+VII)		29,113

7. Nguồn vốn Nhà nước để tăng vốn tại VietinBank

Nhà nước sẽ sử dụng các nguồn vốn để tăng phần vốn góp của Nhà nước tại VietinBank, gồm: Cổ tức trả cho cổ đông Nhà nước, thặng dư vốn cổ phần (phần phải nộp Nhà nước) và các nguồn khác, bảo đảm Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.

8. Các quy định khác

- Các tổ chức, cá nhân tham gia mua cổ phần của VietinBank phải chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, của NHNN, Điều lệ VietinBank và các quy định tại Phương án tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Các tổ chức, cá nhân tham gia mua cổ phần tăng vốn điều lệ của VietinBank được hưởng mọi quyền lợi của cổ đông kể từ khi VietinBank hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội.

mo

III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN

1. Các bước triển khai

- Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2011. Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục cần thiết với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để thực hiện.

- Sau khi có chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, HĐQT thực hiện các thủ tục tăng vốn theo kế hoạch và quy định của pháp luật.

- Sau khi các cổ đông hoàn tất góp vốn, VietinBank sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký vốn điều lệ mới tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, công bố thông tin theo quy định của pháp luật và niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

2. Kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm

Vốn điều lệ tăng lên sẽ bổ sung vốn kinh doanh, được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của VietinBank với cơ cấu hợp lý và phù hợp với tiến độ tăng vốn, bảo đảm sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn, tối đa hoá lợi ích cho các cổ đông.

Một số lĩnh vực sử dụng vốn chính gồm:

2.1. Hoạt động tín dụng

Tiếp tục mở rộng hoạt động tín dụng, đầu tư cho vay vốn đối với các doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, an toàn, có phương án/dự án kinh doanh khả thi và hiệu quả, quản lý kinh doanh tốt, bảo đảm khả năng trả nợ cho ngân hàng.

2.2. Hoạt động đầu tư, liên doanh, góp vốn

Tăng cường hoạt động đầu tư và kinh doanh giấy tờ có giá, đầu tư trên thị trường liên ngân hàng, phát triển sản phẩm phái sinh; tiếp tục đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực mà VietinBank có tiềm năng phát triển và mang lại hiệu quả sinh lời cao. Thực hiện chiến lược phát triển VietinBank thành tập đoàn hoạt động đa năng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

2.3. Mở rộng mạng lưới

Mở rộng quy mô, mạng lưới kinh doanh ở thị trường trong nước và quốc tế. Chiếm lĩnh các khu vực thị trường có nhiều tiềm năng phát triển. Mở văn phòng đại diện, chi nhánh và các hình thức hiện diện thương mại khác ở các nước có nhiều tiềm năng phát triển quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại và đầu tư với Việt Nam.

2.4. Đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, phát triển sản phẩm dịch vụ mới

Đầu tư dự án hiện đại hoá, nâng cao năng lực quản trị điều hành; nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ; phát triển mạnh các sản phẩm dịch vụ hiện đại, nhiều tiện ích, cả bán buôn và bán lẻ; tăng tỷ lệ thu nhập từ dịch vụ trong tổng thu nhập.

3. Hiệu quả sử dụng vốn

Tăng vốn điều lệ là cơ sở để VietinBank nâng cao năng lực tài chính, phù hợp với quy mô kinh doanh, hỗ trợ ngân hàng thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược kinh doanh, giữ vững đà tăng trưởng cao cả về quy mô và hiệu quả kinh doanh, bảo đảm cho Vietinbank phát triển bền vững, tiếp tục giữ vững vị thế là ngân hàng thương mại hàng đầu, chủ lực của Việt Nam, đồng thời mang lại giá trị gia tăng ngày càng cao cho các cổ đông của VietinBank.

Dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch chính của năm 2011 của VietinBank như sau:

Bảng 2: Dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2011

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	Tăng trưởng	
				Tuyệt đối	Tương đối
1	Tổng Tài sản	367.712	441.000	73.488	20%
2	Tổng nguồn vốn huy động	339.699	408.000	84.901	20%
3	Tổng dư nợ cho vay và đầu tư	349.084	419.000	66.100	20%
4	Tỷ lệ nợ xấu	0,66%	<3%		
5	Lợi nhuận trước thuế	4.598	5.100	502	11%
6	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	17% (*)	16%		
7	Tỷ lệ ROE	22,2%	16%-18%		
8	Tỷ lệ ROA	1,25%	1,2%		
9	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	8,02%	≥9%		

(*) Tính theo thời gian bình quân vốn điều lệ năm 2010

4. Năng lực quản trị, điều hành và kiểm soát của VietinBank

Bộ máy quản trị, điều hành và kiểm soát của VietinBank đã được tổ chức và hoàn thiện theo mô hình ngân hàng TMCP, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ VietinBank và từng bước áp dụng thông lệ tiên tiến của thế giới.

Các thành viên HĐQT là những người có uy tín, trình độ, kinh nghiệm quản trị ngân hàng; có nhiều tâm huyết, đóng góp vào sự phát triển của ngân hàng; đồng thời luôn có ý thức trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

Ban Điều hành gồm những người có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm và có năng lực lãnh đạo tốt; luôn chủ động điều hành công việc phù hợp với

những diễn biến của thị trường; bảo đảm điều hành ngân hàng theo đúng mục tiêu, chiến lược do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

Ban kiểm soát cùng với bộ máy kiểm soát, kiểm toán nội bộ đã và đang hoạt động tốt, góp phần quan trọng bảo đảm cho VietinBank hoạt động an toàn và hiệu quả.

Cơ chế quản trị điều hành thống nhất; phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa HĐQT và Ban điều hành trong quá trình quản trị điều hành kinh doanh; kết hợp với hoạt động hiệu quả của bộ máy kiểm soát, kiểm toán nội bộ là yếu tố quan trọng giúp VietinBank phát triển nhanh và vững chắc trong những năm qua. Đồng thời, VietinBank cũng tăng cường đầu tư phát triển công nghệ, tiếp tục nâng cấp, hoàn chỉnh, ứng dụng hiệu quả công nghệ ngân hàng hiện đại trong các lĩnh vực hoạt động, trong đó có lĩnh vực quản trị, điều hành và kiểm soát.

Việc tăng vốn điều lệ năm 2011 nêu trên là một bước quan trọng, tạo thêm sức mạnh cho VietinBank ngày càng phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh, bảo đảm cân đối với tốc độ phát triển, quy mô hoạt động của ngân hàng. Bằng kinh nghiệm thực tế, những kết quả khả quan đạt được trong những năm qua, cùng với định hướng chiến lược được xác định rõ ràng, HĐQT cùng toàn thể ban lãnh đạo VietinBank tin tưởng sẽ thực hiện thành công phương án tăng vốn điều lệ nói trên, bảo đảm tối đa hoá lợi ích của cổ đông và ngày càng gia tăng uy tín, vị thế, hiệu quả hoạt động của VietinBank.

IV. ĐỀ NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VIETINBANK

Kính trình Đại hội đồng cổ đông VietinBank:

1. Thông qua nội dung phương án tăng vốn điều lệ như nói trên.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị VietinBank:

2.1. Quyết định nội dung tăng vốn điều lệ cho từng đợt tăng vốn cụ thể trên cơ sở ý kiến chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2.2. Quyết định thứ tự của các đợt phát hành tăng vốn điều lệ cụ thể; thời điểm phát hành cổ phần của từng đợt phát hành cụ thể; tỷ lệ và số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu; tỷ lệ và số lượng cổ phần phát hành cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài; giá bán cổ phần cho từng đối tượng cụ thể, trong từng đợt phát hành cụ thể; các điều kiện chào bán cổ phần và các điều kiện khác cho từng đợt phát hành;... bảo đảm lợi ích tổng thể của VietinBank và các cổ đông.

2.3. Trường hợp hết năm tài chính 2011 mà chưa thực hiện xong phương án tăng vốn điều lệ nói trên, HĐQT được phép trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn thời hạn tăng vốn điều lệ.

2.4. Trường hợp cổ đông hiện hữu không mua hết số cổ phần được phân bổ trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, HĐQT VietinBank được quyền quyết định chào bán số cổ phần chưa bán hết cho các đối tượng khác với các điều kiện chào bán không ưu đãi hơn điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán đó.

2.5. Tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện phát hành cổ phần thành công, đăng ký tăng vốn điều lệ của ngân hàng, hoàn tất các thủ tục sau khi tăng vốn, thực hiện niêm yết số cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh sau khi hoàn tất việc phát hành.

2.6. Quyết định và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, phê chuẩn toàn bộ các quyết định của HĐQT về việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh các vấn đề, nội dung của phương án tăng vốn điều lệ năm 2011; và về việc ký kết các hợp đồng, tài liệu, văn bản liên quan đến việc phát hành và bán cổ phần để tăng vốn điều lệ; nhằm triển khai tăng vốn điều lệ thành công, có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường, bảo đảm lợi ích tổng thể của VietinBank và các cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ VietinBank.

3. Nội dung khác

Đối với trường hợp phát hành riêng lẻ để phát hành thêm cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, các cổ đông của VietinBank đồng ý sẽ không thực hiện quyền ưu tiên mua đối với số cổ phần này, theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần mà cổ đông sở hữu.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



PHẠM HUY HÙNG